TỔNG CỤC THỦY LỢI

CỤC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG CHỐNG LỤT BÃO

TÀI LIỆU

HƯỚNG DẪN LẬP KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG LỤT, BÃO CẤP TỈNH VÀ HUYỆN KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Hà Nội, Tháng 3 - 2010

LỜI NÓI ĐẦU

Trong những năm qua, công tác phòng, chống lụt, bão và giảm nhẹ thiên tai ở khu vực các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đã có bước phát triển mạnh mẽ. Các địa phương đã ngày càng chủ động hơn trong công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, góp phần quan trọng vào việc phát triển Kinh tế - Xã hội bền vững; trong đó, công tác lập kế hoạch phòng, chống lụt, bão hàng năm giữ vai trò rất quan trọng và luôn được chính quyền các cấp và các ngành ở địa phương quan tâm, chỉ đạo thực hiện sát sao.

Căn cứ vào điều kiện thực tế, việc lập kế hoạch phòng, chống lụt, bão đã được các địa phương vận dụng linh hoạt nhằm phát huy tối đa các nguồn lực tại chỗ, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương và các tổ chức quốc tế để đem lại hiệu quả cao nhất. Trên cơ sở quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo của Đảng, Chính phủ và Ban chỉ đạo phòng chống lụt bão Trung ương đối với công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long, hầu hết các kế hoạch phòng, chống lụt, bão của các tỉnh, huyện đã thể hiện rõ được các mục tiêu, nhiệm vụ, các giải pháp chủ yếu và các bước tổ chức triển khai thực hiện tại địa phương. Việc lồng ghép quản lý thiên tai vào các kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội ở địa phương ngày càng được chú trọng, một số kế hoạch cũng đã phân tích các nguồn lực ở địa phương, xây dựng các chỉ số đầu ra đối với từng hoạt động và phối, kết hợp các lực lượng khi triển khai kế hoạch theo từng giai đoạn phòng, chống lụt, bão.

Tuy vậy, vẫn còn một số kế hoạch chưa phân tích rõ được các nguồn lực đảm bảo cho công tác phòng, chống lụt, bão ở địa phương; các giải pháp thực hiện chưa thật cụ thể, khoa học; thiếu các chỉ số đầu ra cụ thể đối với từng hoạt động và dự án. Việc lập kế hoạch phòng, chống lụt, bão chưa có sự tham gia tích cực của cộng đồng, đặc biệt là sự lồng ghép công tác quản lý thiên tai vào các kế hoạch phát triển của địa phương chưa rõ ràng.

Căn cứ Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lụt, bão và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 và trước những thách thức mới của sự biến đổi khí hậu toàn cầu ảnh hưởng đến khu vực đồng bằng sông Cửu Long; nhằm tăng cường hơn nữa đối với công tác quản lý thiên tai, trong khuôn khổ của Chương trình Quản lý và Giảm nhẹ lũ sông Mê Công, với sự tài trợ của Cơ quan hỗ trợ kỹ thuật Chính phủ Đức (GTZ), Ủy ban sông Mê Công Việt Nam phối hợp với Cục Quản lý đê điều và PCLB, Trung tâm phòng chống thiên tai Châu Á và các tỉnh, thành phố trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, cuốn ***"Tài liệu hướng dẫn lập kế hoạch phòng, chống lụt, bão cấp tỉnh và huyện khu vực các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long"*** đã được biên soạn và ban hành để các địa phương trong khu vực Đồng bàng sông Cửu Long tham khảo và áp dụng.

Tài liệu hướng dẫn lập kế hoạch phòng, chống lụt, bão này được biên sọan dựa trên cơ sở hệ thống các văn bản pháp lý về phòng, chống lụt, bão và giảm nhẹ thiên tai của Chính phủ và Ban chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương; các kế hoạch phòng, chống lụt, bão hàng năm của các tỉnh, huyện ở đồng bằng sông Cửu Long; và các tài liệu tham khảo từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngòai nước. Tài liệu hướng dẫn

mong muốn đem lại sự thống nhất trong bố cục và yêu cầu về nội dung của một bản kế hoạch phòng, chống lụt, bão; giúp người lập kế hoạch nắm được cách thức, quy trình trong việc xây dựng một kế hoạch phòng, chống lụt, bão hàng năm ở cấp tỉnh/huyện. Tài liệu hướng dẫn, bao gồm các nội dung chính như sau:

Phần I – Giới thiệu chung: giới thiệu một số khái niệm, định nghĩa và phương pháp căn bản về quản lý thiên tai theo quan điểm hiện đại. Và giới thiệu những nét tổng quan về đặc điểm kinh tế - xã hội; đặc điểm thiên tai (lũ, bão,…) ở Đồng bằng sông Cửu Long .

Phần II – Nội dung của bản Kế hoạch phòng, chống lụt, bão: hướng dẫn các bước, các nội dung cơ bản để xây dựng một bản Kế hoạch phòng, chống lụt,bão cho cả ba giai đoạn: trước, trong và sau mùa mưa bão; bao gồm cả việc đánh giá, tổng kết việc thực hiện kế hoạch phòng, chống lụt, bão của năm trước. Tài liệu hướng dẫn cũng đưa ra các chỉ dẫn để giúp người lập kế hoạch xác định các khu vực dễ bị tổn thương, các hoạt động ưu tiên thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị, phòng ngừa.

Phần III – Các phụ lục: bao gồm các biểu mẫu cơ bản để phục vụ cho công tác lập kế hoạch phòng, chống lụt, bão, bao gồm: các biểu mẫu báo cáo nhanh, báo cáo đánh giá thiệt hại, bảng phân công nhiệm vụ các thành viên Ban chỉ huy PCLB và TKCN các cấp,...

Trong quá trình thực hiện, tùy theo đặc điểm, điều kiện thực tế, các nội dung của Tài liệu hướng dẫn có thể được chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với công tác phòng, chống lụt, bão và giảm nhẹ thiên tai của địa phương.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn Ban chỉ huy Phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, Uỷ hội sông Mê Công, Ủy Ban Sông Mê Công Việt Nam, Trung tâm phòng chống thiên tai Châu Á, nhà tài trợ GTZ, các cơ quan và chuyên gia trong, ngoài nước đã đóng góp ý kiến cho việc biên soạn và xuất bản cuốn Tài liệu hướng dẫn này và mong muốn tiếp tục nhận được sự góp ý trong quá trình triển khai thực hiện để chúng tôi tiếp tục cập nhật, chỉnh sửa nội dung của cuốn Tài liệu hướng dẫn ngày càng được hoàn chỉnh hơn trong các lần biên soạn sau./.

Nhóm chuyên gia biên soạn

Đoàn Thanh Chung

Trần Thị Luận

Trần Văn Bình

Nhóm hỗ trợ thực hiện

Nguyễn Huy Dũng

Nguyễn Hữu On

Đoàn Thị Mỹ Hoà

Phạm Lê Hồng Ngọc

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG

CHƯƠNG 1: CÁC KHÁI NIỆM CHÍNH VỀ QUẢN LÝ THIÊN TAI 1

1. Định nghĩa về thiên tai 1
2. Khái niệm về quản lý thiên tai 2

CHƯƠNG 2: TỔNG QUAN VỀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ THIÊN TAI 6

1. Giới thiệu khái quát về đồng bằng sông Cửu Long 6
2. Đặc điểm thiên tai 9
3. Ảnh hưởng của Biến đổi khí hậu tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long 11

PHẦN 02: NỘI DUNG KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG LỤT, BÃO

CÁC BỘ PHẬN CHÍNH CỦA KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG LỤT, BÃO CẤP TỈNH VÀ HUYỆN

CHƯƠNG 1: MÔ TẢ NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG 13

1. Đặc điểm tự nhiên 13
2. Cơ sở hạ tầng chính 14
3. Hiện trạng kinh tế xã hội 15
4. Đặc điểm thiên tai ở địa phương và sự tác động đến kinh tế, dân sinh 16

CHƯƠNG 2: ĐÁNH GIÁ, TỔNG KẾT CÔNG TÁC PCLB NĂM TRƯỚC 18

1. Đánh giá tình hình thiên tai 18
2. Đánh giá tình hình thiệt hại 18
3. Đánh giá công tác chuẩn bị, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai 19
4. Kết luận và kiến nghị 24

CHƯƠNG 3: KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG LỤT, BÃO NĂM TỚI 26

1. Nhận định khả năng diễn biến thiên tai năm tới 27
2. Quan điểm chỉ đạo và mục tiêu của công tác phòng, chống lụt, bão năm tới 27

3. Nhiệm vụ và giải pháp 30

4. Phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các thành viên Ban chỉ huy Phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn các cấp, các ngành và các đoàn thể trên địa bàn..... 49

5. Công tác trực ban lụt, bão và chế độ thông tin và báo cáo 51

6. Xây dựng phương án cho các khu vực trọng điểm và xác định những nội dung công việc ưu tiên cho giai đoạn trước mùa lũ, bão 53

7. Giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch PCLB…….…… 56

CÁC PHỤ LỤC CỦA KẾ HOẠCH PCLB …….. 60

PHẦN 03: PHỤ LỤC…….....61

Phụ lục 1: Nội dung bản kế hoạch phòng, chống lụt, bão hàng năm cấp tỉnh, huyện.

Phụ lục 2: Phân công nhiệm vụ thành viên Ban chỉ huy PCLB và TKCN.

Phụ lục 3: Bảng tổng hợp phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cá nhân, ban ngành ứng với từng hoạt động của 3 giai đoạn.

Phụ lục 4: Biểu mẫu báo cáo nhanh.

Phụ lục 5: Biểu mẫu đánh giá thiệt hại và nhu cầu ./.

PHẦN 01 GIỚI THIỆU CHUNG

CHƯƠNG 1: CÁC KHÁI NIỆM CHÍNH VỀ QUẢN LÝ THIÊN TAI

1. Định nghĩa về thiên tai:

Có nhiều định nghĩa về thiên tai, trong tài liệu này sử dụng khái niệm đang được thừa nhận rộng rãi hiện nay: thiên tai là thảm họa tự nhiên hoặc thảm họa không tự nhiên gây thiệt hại cho con người. Khái quát, có thể chia ra hai lọai: thiên tai và tai họa do con người gây ra.

Thiên tai gây thiệt hại chủ yếu do các yếu tố dễ bị thương tổn trước thiên tai, các yếu tố này do con người tạo nên trong quá trình phát triển của mình, nếu chúng ta biết cách làm giảm đi các yếu tố dễ bị tổn thương trước thiên tai thì chúng ta sẽ giảm nhẹ được thiệt hại do thiên tai gây ra. Ví dụ: xây nhà mái bằng ở vùng ven biển thì không bị tốc mái, hư hại do bão. Không làm nhà ở vùng trũng ven sông không có đê bảo vệ thì không bị ngập lụt,…

Việc xác định đâu là các yếu tố dễ bị tổn thương trước thiên tai là một phần rất quan trọng trong công tác lập kế hoạch đối phó với thiên tai và cần có sự tham gia của nhiều chuyên ngành khác nhau.

- **Lụt:** là hiện tượng nước ngập vượt quá mức bình thường, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống.
- **Lũ:** là hiện tượng mực nước sông, suối dâng cao, có vận tốc dòng chảy lớn.
- **Lũ quét**: là lũ xảy ra bất ngờ , dòng chảy xiết, lên nhanh, xuống nhanh, sức tàn phá lớn, thường xảy ra ở các khu vực có địa hình dốc.
- **Áp thấp nhiệt đới**: là một xoáy thuận nhiệt đới có sức gió mạnh cấp 6 đến cấp 7 (39km/h đến 61km/h) và có thể có gió giật.
- **Bão**: là một xoáy thuận nhiệt đới có sức gió mạnh từ cấp 8 trở lên (từ 62km/h trở lên) và có thể có gió giật. Bão từ cấp 10 đến cấp 11 được gọi là bão mạnh; từ cấp 12 trở lên được gọi là bão rất mạnh.

- **Lốc**: là luồng gió xoáy có sức mạnh tương đương với sức gió của bão nhưng được hình thành và tan trong thời gian ngắn với phạm vi hoạt động trong không gian hẹp từ vài km^2 đến vài chục km^2.
- **Nước dâng**: là hiện tượng nước biển dâng cao hơn mực nước triều bình thường do ảnh hưởng của bão.
- **Sóng thần**: là sóng biển dâng cao do động đất gây ra.
- **Thủy triều**: Hiện tượng thủy triều ở biển và đại dương do lực hấp dẫn vũ trụ của mặt trăng và mặt trời gây ra mà chúng ta có thể quan sát thấy qua sự biến thiên tuần hoàn của mực nước biển và dòng nước biển.
- Thủy triều dọc ven biển Việt Nam rất đa dạng . Biên độ lớn nhất tại Quảng Ninh khoảng 04m, giảm dần đến Huế còn khoảng 0,5m, sau đó tăng dần về phía Nam, đến Vũng Tàu có biên độ cao nhất khoảng 4,0m, tiếp theo về phía biển Tây lại giảm dần đến Kiên Giang biên độ cao nhất khoảng 01m.
- **Sạt lở đất:** là hiện tượng đất bị sạt, trượt do mất ổn định.
- **Hạn hán:** là hiện tượng thiếu nước cho sinh hoạt và sản xuất. Nguyên nhân trực tiếp là do không có mưa hoặc mưa ít. Nguyên nhân gián tiếp là do mất cân bằng nước, giảm độ ẩm trong đất và không khí, thiếu công trình thủy lợi.

2. Khái niệm về quản lý thiên tai:

Quản lý thiên tai được hiểu một cách chung nhất là quản lý các hoạt động liên quan đến giảm nhẹ thiên tai. Quản lý thiên tai bao gồm một loạt các hoạt động can thiệp có thể được tiến hành trước, trong và sau một hiện tượng thiên tai xảy ra như bão, lũ, lụt,... nhằm giảm đến mức tối thiểu những thiệt hại về người và tài sản, đồng thời thúc đẩy nhanh chóng quá trình khắc phục hậu quả và tái thiết sau thiên tai.

Theo quan điểm hiện nay, Quản lý thiên tai là quản lý đa ngành, đòi hỏi sự tham gia của tất cả các thành phần trong xã hội. Giữa quản lý thiên tai và phát triển có sự liên kết, tương hỗ qua lại chặt chẽ. Về cơ bản, quản lý thiên tai là quản lý phát triển.

Các hoạt động quản lý thiên tai có liên quan chặt chẽ với nhau tạo ra một chu trình khép kín, gồm các thành phần chính sau:

2.1. Giảm nhẹ thiên tai:

Bao gồm các biện pháp được tiến hành nhằm mục tiêu giảm bớt những tác động tiêu cực của thiên tai tới cộng đồng, xã hội và môi trường. Giảm nhẹ đề cập đến các biện pháp có thể tiến hành để giảm thiểu tác động phá huỷ và gây ngừng trệ của thiên tai và nhờ đó, giảm bớt mức độ nghiêm trọng của của thiên tai. Các biện pháp giảm nhẹ thiên tai, được chia thành hai lọai biện pháp chính:

- **Biện pháp công trình:** bao gồm việc đầu tư xây dựng các công trình để kiểm soát và hạn chế những thiệt hại trực tiếp do thiên tai gây ra, như: hệ thống đê, kè, đập, hồ chứa nước để ngăn lũ, hệ thống kênh mương để tiêu thoát nước lũ trong mùa mưa, dẫn ngọt trong mùa khô, hệ thống cầu, đường, bến cảng, khu neo đậu tàu thuyền, các điểm/nhà tránh, trú lũ, bão, vv,….
- **Biện pháp phi công trình:** bao gồm các biện pháp mang tính chất pháp lý như : ban hành các văn bản quy phạm pháp luật phục vụ cho công tác quản lý thiên tai (nghiêm cấm người dân xây dựng nhà ở phía ngoài đê, cấm tàu, thuyền ra khơi khi có bão, áp thấp nhiệt đới…), hay các biện pháp để triển khai các hoạt động cụ thể nhằm giảm thiểu các ảnh hưởng tiêu cực của thiên tai mà không cần phải đầu tư nhiều kinh phí, vật tư, thiết bị và nhân công để xây dựng những công trình có quy mô lớn, như: các hoạt động đào tạo, lập kế hoạch, nâng cao nhận thức cộng đồng, tăng cường tăng lực, thay đổi cơ cấu mùa vụ, giống vật nuôi, cây trồng…

Giảm nhẹ có thể tiến hành bất kỳ lúc nào, trước khi thiên tai xảy ra, trong tình trạng khẩn cấp, trong giai đoạn phục hồi hoặc tái thiết.

2.2. Phòng ngừa thiên tai:

Bao gồm một loạt các hoạt động như xây dựng và kiểm tra các phương án, kế họach phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, xây dựng và thường xuyên kiểm tra các hệ thống cảnh báo sớm (kết nối với hệ thống dự báo); xây dựng các kế hoạch sơ tán dân đến các khu vực an toàn; chuẩn bị sẵn sàng và dự trữ đầy đủ lực lượng, phương tiện, vật tư , hàng hóa cho nhu cầu ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai ; giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng và tập huấn tăng cường năng lực cho cán bộ quản lý thiên tai và các nhóm tình nguyện viên (cứu nạn, cứu trợ); đồng thời xây dựng, ban hành các chính sách, tiêu chuẩn, kiện toàn cơ cấu tổ chức và kế hoạch hoạt động để áp dụng sau thiên tai trong vùng có khả năng bị rủi ro thiên tai nhằm giảm thiểu thiệt hại tiềm tàng về người và tài sản.

Công tác phòng ngừa thiên tai đòi hỏi phái có sự hỗ trợ bằng một cơ sở pháp lý đủ mạnh và có sự tham gia của tất cả các cấp, các ngành và từng thành viên của cộng đồng có các sự chuẩn bị cần thiết nhất cho từng cá nhân và gia đình mình.

2.3. Dự báo và cảnh báo:

Dự báo lũ là sự tính toán trước một cách có khoa học các trạng thái tương lai của lũ xảy ra sau một khoảng thời gian xác định với độ chính xác nhất định

Dự báo lũ hạn ngắn là dự báo có thời gian dự kiến tối đa bằng thời gian tập trung nước trung bình trên lưu vực. Thông thường dự báo hạn ngắn có thời gian dự kiến 2 ngày trở xuống, riêng một số sông như sông Cửu Long có thời gian dự kiến đến 5 ngày.

Dự báo lũ hạn vừa (dự báo mở rộng) là loại dự báo có thời gian dự kiến dài hơn dự báo hạn ngắn nhưng tối đa không quá 10 ngày.

Dự báo lũ hạn dài là loại dự báo có thời gian dự kiến từ 10 ngày trở lên.

Cảnh báo lũ là thông báo khẩn cấp về tình hình lũ nguy hiểm hoặc cho là nguy hiểm có thể xảy ra, với độ chính xác có thể thấp hơn dự báo lũ. Song, cảnh báo lũ lại rất quan trọng vì nó cấp báo sớm một tình huống thiên tai nguy hiểm có thể xảy ra và phải đề phòng.

Dự báo và cảnh báo thiên tai ở Việt Nam là hai vấn đề riêng biệt do hai cơ quan đảm nhận:

Dự báo: Do ***Trung tâm Dự báo Khí tượng – Thủy văn trung ương*** đảm nhiệm, với các đặc điểm :

- Thông tin dự báo được phát ra trên các phương tiện thông tin đại chúng (Đài truyền thanh, Tivi, báo chí và các bản tin…) theo một chu kỳ, thời gian nhất định. Và cần có phải có phương tiện nhận tin.
- Thông tin dự báo được truyền đi từ Trung tân Dự báo Khí tượng – Thủy văn trung ương đến các nơi hầu như theo một chiều.

Cảnh báo và chỉ đạo phòng chống thiên tai: Do Ban chỉ đạo Phòng chống lụt, bão Trung ương đảm nhiệm. Trên cơ sở các thông tin dự báo, Ban chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương cảnh báo và chỉ đạo công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai theo hệ thống 4 cấp của mình (từ Trung ương đến địa phương).

2.4. Ứng phó với thiên tai:

Ứng phó với thiên tai là các hoạt động được triển khai thực hiện ngay sau khi thiên tai xảy ra. Các hoạt động này nhằm cứu tính mạng và cuộc sống của con người. Các hoạt động ứng phó bao gồm hỗ trợ khẩn cấp cho những người bị ảnh hưởng bởi thiên tai, sơ tán người dân trong cộng đồng, cung cấp nhà ở và chăm sóc y tế và các hành động giảm bớt khả năng hoặc phạm vi của những thiệt hại phát sinh như: tổ chức các nhóm thanh niên xung kích, dân phòng hoặc dùng bao cát để chặn nước lũ tràn bờ; chằng chống, kê kích nhà cửa, kho tàng,...

Ứng phó khẩn cấp với thiên tai là các biện pháp được tiến hành ngay trước, trong và sau tác động của thiên tai. Mục đích của ứng phó khẩn cấp với thiên tai là bảo đảm tính mạng và bảo vệ tài sản và khắc phục những thiệt hại trước mắt do thiên tai gây ra.

Hộ gia đình và cộng đồng ứng phó với mọi tình huống khẩn cấp tác động đến họ. Chính phủ và các tổ chức chính phủ thường ứng phó khi các tình huống khẩn cấp có quy mô lớn, vượt khả năng ứng phó bằng các nguồn lực của cộng đồng. Chính phủ có trách nhiệm ứng phó mọi lúc, quy mô ứng phó tuỳ thuộc vào khả năng về nguồn lực: nhân lực

và vật lực.

2.5. Cứu trợ khẩn cấp:

Cứu trợ khẩn cấp làm tăng khả năng sống sót và hồi phục nhanh của các cộng đồng ngay sau khi thiên tai xảy ra. Các công tác tìm kiếm và cấp cứu người bị nạn, trao cho họ các trợ giúp đầu tiên có vai trò rất quan trọng trong giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra. Theo tổng kết, các công việc cứu trợ khẩn cấp ngay sau khi thiên tai xảy ra thường do người dân và các cộng đồng cũng như các tổ chức đòan thể của cộng đồng thực hiện.

2.6. Phục hồi:

Phục hồi bao gồm những hoạt động được thực hiện nhằm khắc phục hậu quả của thiên tai, làm cho các dịch vụ cơ bản có thể thực hiện được chức năng, hỗ trợ những người bị ảnh hưởng tự sửa chữa những thiệt hại về nhà cửa và các công trình tại cộng đồng, phục hồi các hoạt động kinh tế và hỗ trợ tâm lý và phúc lợi xã hội cho những người sống sót. Về cơ bản, cần tập trung tạo khả năng cho những người bị ảnh hưởng ít nhiều lấy lại được nhịp sống bình thường (như trước thiên tai), luôn luôn cố gắng giảm bớt tình trạng dễ bị tổn thương và cải thiện mức sống. Phục hồi có thể được xem như một giai đoạn chuyển đổi giữa cứu trợ khẩn cấp và theo đuổi mục tiêu phát triển không ngừng.

2.7. Tái thiết và phát triển sau thiên tai:

Tái thiết là một phần của phục hồi, là sự khôi phục, thay thế các toà nhà, máy móc thiết bị và cơ sở vật chất đã bị phá huỷ hoặc thiệt hại trong thiên tai nhưng ở đây là sự khôi phục toàn diện một cách phát triển. Tái thiết không đơn thuần là xây dựng lại một cách máy móc theo khuôn mẫu cũ mà phải xây dựng trên cơ sở những bài học kinh nghiệm, trên cơ sở các thông số về thiên tai đã thu thập được để việc tái thiết tránh lập lại sai lầm cũ , đưa các yếu tố phòng ngừa thiên tai vào xây dựng và theo các chỉ tiêu xây dựng phù hợp với chiến lược phát triển. Do vậy, tái thiết không thể là một kế họach tức thời, mà tái thiết phải được lồng ghép đầy đủ vào trong các kế hoạch phát triển dài hạn, có tính đến những rủi ro thiên tai trong tương lai và khả năng giảm nhẹ những rủi ro đó bằng cách kết hợp các biện pháp phù hợp. Những công trình và dịch vụ bị thiệt hại có thể không nhất thiết phải phục hồi lại như trước hoặc tại khu vực cũ. Có thể chỉ là thay thế bằng những công trình tạm thời được xây dựng như một phần của công tác ứng phó khẩn cấp hoặc phục hồi.

CHƯƠNG 2: TỔNG QUAN VỀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ THIÊN TAI

1. Giới thiệu khái quát về đồng bằng sông Cửu Long:

1.1. Điều kiện tự nhiên:

1.1.1. Vị trí địa lý:

Đồng bằng sông Cửu Long, gồm 13 tỉnh, thành phố (Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, thành phố Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bến Tre, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu và Cà Mau). Tổng diện tích tự nhiên 3,96 triệu ha (bằng 5% diện tích lưu vực sông Mekong). Đồng bằng sông Cửu Long, tiếp giáp với Campuchia ở về phía Tây Nam; phía tây là biển Tây; phía đông giáp biển Đông; phía bắc giáp tỉnh Tây Ninh và thành phố Hồ chí Minh).

1.1.2. Địa hình:

Đồng bằng sông Cửu Long có địa hình bằng phẳng. Cao độ trung bình từ 0,7m đến 1,2 m. Dọc theo biên giới Campuchia, có địa hình cao hơn cả, cao trình từ 2,0m đến 4,0 m. Ở khu vực trung tâm có cao trình từ 1,0m -1,5 m. Khu vực giáp biển có cao độ từ 0,3m -0,7 m. Ngoài ra, có vài đồi núi cao ở khu vực tỉnh An Giang, gần biên giới Campuchia .

1.1.3. Khí hậu:

Đồng bằng sông Cửu Long nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, khí hậu quanh năm nắng nóng và có sự phân chia thành hai mùa rõ rệt: mùa khô và mùa mưa. Nhiệt độ trung bình tháng khoảng 27°C -28°C. Các hướng gió chính ở đồng bằng sông Cửu Long là Đông - Bắc, thịnh hành trong mùa khô từ tháng XII đến tháng IV và Tây – Nam trong mùa mưa, từ tháng V đến tháng X. Tốc độ gió trung bình đạt khoảng 2,0 m/s. Khi có Áp thấp nhiệt đới và bão, tốc độ gió có thể đạt tới 15-18 m/s. Số giờ nắng bình quân trên 6 giờ mỗi ngày (2.000-2.500 giờ/năm).

Đồng bằng sông Cửu Long có lượng mưa trung bình khoảng 1.800 mm/năm, song phân phối không đều cả theo không gian và thời gian. Vùng phía Tây có lượng mưa lớn 2.000-2.400 mm/năm. Vùng phía Đông có lượng mưa 1.600-1.800 mm/năm. Vùng mưa nhỏ nhất, với lượng mưa bình quân từ 1.200-1.600 mm/năm. Mùa mưa, chiếm 90% lượng mưa của cả năm.

1.1.4. Thủy văn:

Về hệ thống sông, rạch tự nhiên: sông Tiền, sông Hậu là hai con sông lớn và dài nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long, là hai nhánh hạ lưu của sông Mekong và sông Bassac, đổ ra biển Đông bằng 9 cửa sông chính: cửa Tiểu, Đại, Ba Lai, Hàm Luông, Cổ Chiên, Cung Hầu, Định An, Ba Thắc và Tranh Đề (cửa Ba Thắc thuộc địa phận tỉnh Sóc Trăng

đã bị bồi lấp vào những năm 1970). Sông Tiền, sông Hậu rộng trung bình từ 1.000m đến 1.500 m, sâu trung bình 10-20 m, có nơi sâu trên 40 m. Ngoài ra, còn có các sông tương đối lớn khác, như: sông Vàm Nao nối sông Tiền với sông Hậu; sông Cái Lớn - Cái Bé, Mỹ Thanh, Gành Hào, Ông Đốc, Bảy Háp ; sông Vàm Cỏ (gồm sông Vàm Cỏ Đông và sông Vàm Cỏ Tây).

Đồng bằng sông Cửu Long chịu tác động trực tiếp của dòng chảy thượng nguồn, chế độ triều biển Đông và một phần của triều vịnh Thái Lan. Dòng chảy mùa lũ ở đồng bằng sông Cửu Long bắt đầu vào tháng VI, VII và kết thúc vào tháng XI, XII có lưu lượng trung bình vào Việt Nam khoảng 28.000-30.000 m^3/s, tiếp đến là mùa kiệt có lưu lượng trung bình khoảng 3.000-5.000 m^3/s, thời gian mỗi mùa khoảng 6 tháng.

Vào mùa lũ, có lượng lũ tràn biên giới chiếm khoảng 14-18% tổng lượng lũ vào lãnh thổ Việt Nam (ước tính 57 tỷ m^3) và nguồn nước mặt do mưa mưa trên đồng bằng chiếm khoảng 11% tổng lượng nước toàn lưu vực (ước tính 57 tỷ m^3). Triều Biển Đông thuộc dạng bán nhật triều không đều, có 2 lần nước lên và 2 lần nước xuống trong ngày, tạo nên 2 đỉnh và 2 chân, với biên độ triều lớn, từ 250-350 cm. Triều biển biển Tây có chế độ nhật triều không đều .Vùng ảnh hưởng triều là chính (bao gồm toàn bộ vùng ven biển, với diện tích khoảng 2,0 triệu ha). Vùng ảnh hưởng phối hợp lũ - triều (được giới hạn bởi sông Cái Lớn-rạch Xẻo Chít-kênh Lái Hiếu-sông Măng Thít-sông Bến Tre-kênh Chợ Gạo đến ranh tỉnh An Giang và Đồng Tháp, với diện tích khoảng 1,6 triệu ha);

1.2. Hệ thống cơ sở hạ tầng:

1.2.1. Hệ thống công trình Thủy lợi:

Hệ thống kênh đào ở đồng bằng sông Cửu Long được phát triển chủ yếu trong vòng hơn 1 thế kỷ nay, với mục đích chính là phát triển nông nghiệp và giao thông thủy. Đến nay, hệ thống kênh đào đã được đan dày ở cả 3 cấp là kênh trục/kênh cấp 1, kênh cấp 2 và kênh cấp 3/nội đồng. Các cấp kênh trên đây hợp thành một hệ thống kênh mương khá dày, với mật độ 8-10 m/ha, tổng cộng có 30.000-40.000 km kênh mương toàn vùng ĐBSCL.

Trong đồng bằng đã xây dựng hơn 153 cống lớn và vừa để phục vụ việc kiểm soát lũ, tưới-tiêu, kiểm soát mặn và triều); 104 trạm bơm cố định với tổng công suất 707.360 m3/h; xây dựng mới và nâng cấp hơn 700 km đê biển, đê cửa sông, gần 500km đê sông các loại. Đặc biệt, hệ thống bờ bao chống lũ tháng 8, bảo vệ sản xuất và dân cư được đầu tư phát triển mạnh, thống kê sơ bộ đã lên đến hơn 25.000km.

1.2.2. Giao thông:

Bên cạnh hệ thống đường giao thông thủy chiếm ưu thế và là phương tiện giao thông quan trọng ở Đồng bằng sông Cửu Long, những năm vừa qua, hệ thống giao thông đường bộ (quốc lộ, tỉnh lộ và giao thông nông thôn) đã cơ bản được đầu tư xây mới,

nâng cấp vượt mức lũ 2000. Hàng loạt cầu, cống đã được xây mới, nâng cấp, mở rộng khẩu độ để phục vụ giao thông thủy, tiêu thoát lũ, dẫn ngọt tốt hơn cho đồng bằng.

1.2.3. Chương trình cụm, tuyến dân cư và nhà ở vượt lũ:

Sau trận lũ, lụt lịch sử năm 2000, Chính phủ và các bộ, ngành và các địa phương đã tích cực triển khai thực hiện Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư, nhà ở vượt lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long. Sau sáu năm thực hiện, đến tháng 5/2008, các tỉnh vùng ảnh hưởng lũ đã hoàn tất cơ bản giai đoạn I của Chương trình. Kết quả, đã tôn nền được 815/820 cụm, tuyến, bờ bao bảo vệ dân cư (448/450 cụm, 297 tuyến và 71/73 bờ bao dân cư có sẵn). Đã xây dựng được 83.283/111.270 căn nhà cần phải xây dựng. Đã có 122.380hộ/148.422 hộ được bình chọn chuyển vào ở trong các cụm, tuyến. Và 5.903hộ mua nền nhà sinh lợi chuyển vào xây nhà ở ổn định.

Cuối tháng 8/2008, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt bổ sung các dự án của giai đoạn II thuộc Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư, nhà ở vùng ngập lũ Đồng bằng sông Cửu Long, gồm 208 dự án cụm, tuyến dân cư và bờ bao khu dân cư có sẵn để đảm bảo chỗ ở an toàn cho 52. 356 hộ dân còn lại chưa được bố trí vào ở trong các cụm, tuyến trong giai đoạn I.

1.3. Hiện trạng kinh tế - xã hội (Theo số liệu thống kê năm 2007):

Dân số của Đồng bằng sông Cửu Long, theo số liệu thống kê năm 2007 là 17,524 triệu người. Dân cư ở khu vực nông thôn chiếm 80%. Mật độ dân số trung bình khoảng 481 người/km^2. Dân số sống trong vùng ngập lũ khoảng 10 triệu người. Dân số trong độ tuổi lao động là 9,7 triệu người.

Các ngành kinh tế chính gồm: Nông nghiệp, thủy sản, lâm nghiệp, giao thông, thủ công nghiệp, dịch vụ và thương mại. Sản xuất phụ thuộc vào thời tiết. Thu nhập chủ yếu dựa vào nông nghiệp. Năm 2007, các thu nhập khác chỉ chiếm 10-30% (GDP), ước tăng bình quân trên 13%. Thu nhập bình quân đầu người ước đạt 11 triệu đồng, tương đương 680 USD/người. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm nông nghiệp, tăng công nghiệp và dịch vụ. Số hộ nghèo giảm gần 2% mỗi năm, đến năm 2007, ước còn gần 14% hộ nghèo. Đời sống nhân dân vẫn chưa thực sự ổn định và không đồng đều.

Y tế, giáo dục còn lạc hậu so với nhiều vùng khác, đang được đầu tư phát triển mạnh. Trình độ học vấn so với cả nước thuộc vào loại thấp, chưa tốt nghiệp cấp I là 32,8% (cả nước là 15,8%), tốt nghiệp cấp III là 7,9% (cả nước 16,5%). Do vậy, cần phải có chính sách ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục, nâng cao trình độ chuyên môn, học vấn riêng cho khu vực ĐBSCL.

2. Đặc điểm thiên tai:

2.1. Lũ, lụt:

Hàng năm, vào mùa mưa, do nước lũ từ thượng nguồn sông Mekong đổ về và mưa nội đồng, đồng bằng sông Cửu Long bị ngập lụt với một diện tích lớn ở phía Bắc: khoảng 1,2 đến 1,4 triệu ha vào năm lũ nhỏ và 1,7 đến 1,9 triệu ha vào năm lũ lớn, với độ sâu từ 0,5m đến 4,0 m, thời gian ngập từ 3 đến 6 tháng.

Theo bảng phân cấp lũ của Trung tâm Khí tượng-Thủy văn Quốc gia, với mức nước tại Tân Châu dưới 4,0 m là lũ nhỏ, 4,0- 4,5 m là lũ trung bình và trên 4,5 m là lũ lớn. Tài liệu thống kê trong 60 năm qua, cho thấy bình quân cứ hai năm thì có một năm xuất hiện đỉnh lũ vượt báo động cấp III (mực nước Tân Châu vượt 4,2 m).

Về thời gian xuất hiện lũ: Lũ đầu mùa thường xuất hiện từ cuối tháng 6 – đầu tháng 7. Lũ chính vụ thường xuất hiện vào khoảng trung tuần tháng 8. Cường suất nước lên từ khoảng 05 đến 25cm/ngày, đêm. Nước lũ chảy vào đồng bằng sông Cửu Long theo hai hướng: theo sông Tiền và sông Hậu (giàu phù sa) khoảng 85 đến 90% và từ vùng ngập lũ của Campuchia (ít phù sa) khoảng 10 -15%. Nước lũ thoát theo hai hướng: theo dòng chính ra biển Đông là chủ yếu, một phần nhỏ thoát ra biển Tây và sông Vàm Cỏ. Độ ngập sâu từ khoảng 0,5m đến 4,0m. Đỉnh lũ thường xuất hiện vào cuối tháng 9 đến đầu tháng 10 hàng năm. Thời gian ngâm lũ trung bình từ 03 đến 05 tháng.

2.2. Bão và Áp thấp nhiệt đới:

Bão và Áp thấp nhiệt đới hoạt động trên biển Đông, ảnh hưởng đến các tỉnh Nam bộ thường vào cuối mùa bão ở nước ta (tháng 10, 11, có năm muộn tới tháng 12 và gần đây kéo dài sang cả tháng 01 năm tới). Tỷ lệ số cơn bão và Áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng đến các tỉnh Nam bộ ít hơn khu vực miền Trung và Bắc bộ. Các cơn bão khi ảnh hưởng đến Nam bộ, nhất là khi đổ bộ vào bờ thường gây ra gió không mạnh như ở các khu vực khác (cấp 8 đến cấp 9). Lượng mưa do bão gây ra thường ở mức 50 – 100mm; trong trường hợp có tác động của không khí lạnh hoặc các hình thế thời tiết khác thì lượng mưa có thể lớn hơn. Nước biển dâng do bão ở vùng ven biển Nam bộ cũng thấp hơn khu vực ven biển Bắc bộ và Trung bộ (cao nhất từ 3 đến 5m).

Phần lớn các cơn bão và Áp thấp nhiệt đới được hình thành ở Tây Thái Bình Dương, đí qua Philippin vào biển Đông rồi mới ảnh hưởng đến khu vực Nam bộ. Với những cơn bão này thường được chủ động cảnh báo và ứng phó từ xa theo quy chế bão bão. Tuy nhiên, những năm gần đây, một số cơn bão được hình thành ngay trên biển Đông ở khu vực vĩ độ thấp từ một vùng thấp hoặc một áp thấp nhiệt đới mạnh dần lên thành bão. Do hình thành gần bờ biển, các cơn bão này khi được cảnh báo có khi đã trở thành bão khẩn cấp, mà lại thường xuất hiện vào những ngày nghỉ cuối tuần, nếu không chủ động và có biện pháp ứng phó kịp thời sẽ gây ra những thiệt hại đáng tiếc (cơn bão

số 5 (LINDA) tháng 11 năm 1997 và trận ATNĐ trung tuần tháng 01/2010 là các ví dụ minh chứng)

2.3. Xâm nhập mặn:

Phụ thuộc vào độ lớn của lũ năm trước, khả năng cấp nước ngọt của thượng nguồn trong mùa kiệt, tình hình sản xuất lúa Hè-Thu và thời tiết đầu mùa mưa. Nếu năm trước lũ nhỏ và đến đầu mùa năm sau mưa muộn thì xâm nhập mặn vào rất sâu, như các năm 1977, 1993, 1998 và 2004-2005. Bán đảo Cà Mau (BĐCM) là vùng bị nước mặn xâm nhập đặc biệt nghiêm trọng và phức tạp nhất của ĐBSCL. Sông Vàm Cỏ Tây không có nguyên sinh thuỷ nên mặn xâm nhập sâu

2.4. Tố lốc và sét đánh:

Hàng năm, vào mùa mưa, đặc biệt là thời điểm giao mùa giữa mùa khô và mùa mưa, thường xuất hiện giông, lốc, sấm chớp và sét đánh mạnh. Theo số liệu thống kê, mùa mưa hàng năm, ở các tỉnh Nam bộ đã xảy ra trung bình hơn 100 trận giông lốc, sét đánh làm hàng chục người chết, hàng trăm người bị thương, hàng ngàn căn nhà bị sập và tốc mái, hàng chục ngàn ha lúa, hoa màu, cây ăn trái bị ngã đổ, hư hại.

2.5. Sạt lở đất (bờ sông, bờ biển):

Sạt lở đất ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu là sạt lở bờ sông, bờ biển . Những năm gần đây, tình trạng sạt lở tiếp tục diễn ra phức tạp, nhiều khu vực bị sạt lở nghiêm trọng như dọc hai bờ sông Tiền, sông Hậu, sông Cổ Chiên, sông Giao Hòa (Bến Tre), sông Chợ Gạo (Tiền Giang) sông Gành Hào (Bạc Liêu), các kênh rạch lớn ở Cà Mau, …..Và các khu vực bờ biển như: Gò công Đông (Tiền Giang), Nhà Mát, Gành Hào (Bạc Liêu), Vàm Đá Bạc, cửa Khánh Hội, đê biển Tây (Cà Mau), đê biển Tây (Kiên Giang),….

Thống kê sơ bộ, hàng năm đã xảy ra hàng trăm vụ sạt lở bờ sông, bờ biển, với chiều dài các đọan sạt lở lên tới hơn 100 km, diện tích đất bị sạt lở, cuốn trôi ước hơn 100ha; sập đổ hàng chục căn nhà, hàng trăm hộ đã phải di dời khẩn cấp, và còn hàng ngàn hộ nằm trong diện phải di dời tiếp trong các năm tới. Trong đó, có một số vụ sạt lở đã gây ra chết người đáng tiếc.

2.6. Triều cường:

Trong những năm gần đây, triều cường ở khu vực Nam bộ xuất hiện không theo quy luật. Đầu năm (tháng 1 và 2), đã xuất hiện triều cường ở mức cao. Đỉnh triều cường ở hạ lưu các sông ở Nam bộ, năm sau cao hơn năm trước, các mốc lịch sử liên tục bị phá vỡ. Đặc biệt, cuối năm 2008 đã xuất hiện triều cường cao ở mức lịch sử (cao nhất trong vòng 50 năm qua) tại trạm Phú An – sông Sài Gòn: 1,54m ngày (ngày 13/11/2008) và 1,55m (ngày 23/12/2008). Triều cường cao kết hợp với lưu lượng nước dồn về do xã lũ qua tràn của hồ Dầu Tiếng đã làm tràn bờ, bể bờ bao, gây ngập úng rất nhiều nơi ở TP. Hồ Chí Minh. Đợt triều cường lịch sử này cũng đã làm ngập úng nhiều khu vực ở Thành

phố Cần Thơ và các khu vực ven biển ở Đồng bằng sông Cửu Long, làm sạt lở gần 01 km bờ biển ở Trà Vinh, làm tràn bờ hơn 200km đê bao, bờ bao bảo vệ sản xuất Cà mau và phá hỏng nghiêm trọng tuyến kè biển Nhà Mát - tỉnh Bạc Liêu,…Đỉnh triều cường nêu trên đã tiếp tục bị phá vỡ trong năm 2009 (1,56m tại Phú An – TP. Hồ Chí Minh, …..tại Cần thơ)

2.7. Nước chua phèn:

Trước đây, vào đầu mùa mưa, từ tháng V đến tháng VI, diện tích chua phèn gần như trải rộng khắp vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long, nhưng sau nhiều năm cải tạo, hiện nay chua phèn chỉ còn tập trung ở các khu vực hạn chế thuộc Tứ giác Hà Tiên, Bo Bo, Bắc Đông và U Minh. Thời gian bị chua phèn thường từ tháng V đến tháng VII (một số nơi đến tháng VIII, tháng IX).

2.8. Các trận thiên tai điển hình từ 1975 – 2009:

- Lũ, lụt lớn năm 1978, 1996 và 3 năm liên tiếp 2000, 2001 và 2002;
- Bão số 5 (Linda) năm 1997;
- Hạn hán trên diện rộng năm 1998;
- Bão số 9 (Durian) năm 2006.

3. Ảnh hưởng của Biến đổi khí hậu tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long:

3.1. Nhiệt độ:

Đã tăng trung bình 0,1^{o}C/thập kỷ, mùa hè tăng khoảng 0,1 - 0,3^{o}C mỗi thập kỷ. Số ngày nắng nóng trung bình/ năm tăng lên rõ rệt trong hai thập kỷ cuối thế kỷ 20.

3.2. Mưa:

Trong khoảng 50 năm qua, nhất là trong 2 thập kỷ cuối thế kỷ 20, nhiều đợt mưa lớn trái mùa có tính chất dị thường xảy ra ở một số nơi, đáng chú ý nhất là những đợt mưa lớn xảy ra vào tháng 12, tháng 1 gây khó khăn cho ngành sản xuất nông nghiệp.

3.3. Bão và áp thấp nhiệt đới:

Theo số liệu thống kê, trong ba thập kỷ gần đây, số cơn bão ảnh hưởng đến nước ta và mức độ ảnh hưởng của bão có xu hướng tăng rõ rệt. Bão mạnh hơn, đường đi của bão phức tạp hơn; mùa bão kéo dài hơn trước kia, có năm bão, áp thấp nhiệt đới từ xuất hiện sớm ngay từ các tháng đầu năm, kéo dài cho đến cuối năm; khuynh hướng ngày càng có nhiều cơn bão ảnh hưởng đến khu vực các tỉnh Nam Bộ.

3.4. Chế độ thủy văn:

- Các trận lũ, lụt lớn xảy ra ở ĐBSCL có xu thế tăng hơn nửa đầu thế kỷ trước.
- Lũ quét xuất hiện ngày càng nhiều ở vùng núi phía bắc miền Đông và Tây Nguyên.

- Vùng hạ lưu các sông lớn, ngập lụt gia tăng do triều cường, nước biển dâng, xâm nhập mặn tiến sâu vào trong đất liền; xói lở bờ biển diễn biến phức tạp làm cho diện tích rừng ngập mặn bị thu hẹp.
- Chế độ dòng chảy, dòng chảy lũ, kiệt thay đổi, diễn biến phức tạp.
- Thuỷ văn hồ chứa thay đổi, hiện tượng bồi lắng tăng mạnh do xói mòn và sạt lở đất.
- Nước ngầm suy giảm cả về lượng và chất; hệ sinh thái lưu vực sông biến đổi.

PHẦN 02 NỘI DUNG KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG LỤT, BÃO

CÁC BỘ PHẬN CHÍNH CỦA KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG LỤT, BÃO CẤP TỈNH VÀ HUYỆN

CHƯƠNG 1: MÔ TẢ NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Mô tả những đặc điểm chính của địa phương tức là khái quát xây dựng một hồ sơ tóm tắt thông tin về địa phương đó. Các thông tin về địa phương là một yếu tố cần thiết, giúp chúng ta có một cái nhìn chung, tổng thể về một cộng đồng, một địa phương. Tùy theo mục đích sử dụng mà chúng ta sẽ thu thập những thông tin cần thiết và liên quan nhất. Khi mô tả các điểm của địa phương chú ý không chỉ liệt kê các thông tin thu thập được mà phải viết một đoạn mô tả ngắn về các thông tin đó, diễn giải cụ thể đặc điểm của một cộng đồng địa phương. Nội dung mô tả những đặc điểm chính về địa phương có thể bao gồm các thông tin chính như trong phần liệt kê dưới đây.

1. Đặc điểm tự nhiên:

Nội dung của phần này cần phải nêu bật được các thông tin sau:

- Tên của địa phương cộng đồng;
- Bản đồ vị trí địa lý, các đặc điểm nổi bật của địa phương;
- Mô tả chi tiết về địa điểm, vị trí địa lý của tỉnh/huyện;
- Mô tả hiện trạng hệ thống sông ngòi, bờ biển (nếu có) của địa phương : tổng số km kênh rạch tự nhiên, kênh đào), chiều dài, chiều rộng, đặc điểm về dòng chảy, diễn biến xói lở bờ của các sông rạch chính trên địa bàn tỉnh/huyện;
- Mô tả hiện trạng đồi núi, rừng các loại (nếu có), các nguồn nước hiện có của địa phương;
- Mô tả về thời tiết, khí hậu: tình hình mưa, lũ, bão, triều cường, nước dâng, hạn hán, xâm nhập mặn, chua phèn, sự thay đổi theo mùa (mùa khô, mùa mưa), vv…

- Mô tả về Quy hoạch sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất ở địa phương, đất dùng cho các mục đích đặc biệt và nguồn lực.

2. Cơ sở hạ tầng chính:

Trên cơ sở số liệu thống kê và số liệu mới vừa cập nhật từ các địa phương và các cơ quan chuyên ngành, lập một danh sách tóm tắt về các hệ thống cơ sở hạ tầng hiện có của địa phương, cần nêu các thông tin sau:

- Về nhà ở: tổng số căn nhà ở hiện có, loại nhà, giá nhà và chất lượng nhà ở địa phương; kế hoạch xây mới, nâng cấp nhà ở (nếu có); số lượng nhà tạm , dễ bị tổn thương nếu có bão, lũ, thiên tai xảy ra;
- Hệ thống đường giao thông: tổng số km giao thông đường bộ các loại (quốc lộ, tỉnh lộ, giao thông nông thôn), cao độ vượt lũ, chất lượng, khả năng chịu đựng khi có lũ, bão; các trục giao thông đường thủy chính, số lượng phương tiện giao thông thủy các loại, khả năng phục vụ khi có thiên tai xảy ra;
- Hệ thống y tế: tóm tắt thông tin về số lượng, chất lượng các bệnh viện, cơ sở y tế, bác sỹ, y tá, nhân viên y tế, trang thiết bị phục vụ điều trị bệnh nhân hiện có ở địa phương, và khả năng đáp ứng khi có thiên tai xảy ra;
- Hệ thống các trường học và cơ sở giáo dục, đào tạo: tóm tắt về tổng số trường học, loại trường/cơ sở đào tạo, số lượng học sinh các cấp của địa phương; số lượng trường học, lớp học, cơ sở đào tạo, số lượng học sinh các cấp nằm trong vùng có khả năng bị ảnh hưởng của lũ, bão; phương tiện để đảm bảo an tòan cho học sinh đi học trong mùa lũ, bão;
- Các cơ sở tôn giáo (đền, chùa, nhà thờ, cơ sở tôn giáo): khái quát về các loại tôn giáo; số lượng đền, chùa, nhà thờ, cơ sở tôn giáo lớn ở tỉnh/huyện; khả năng chống chọi của các công trình nếu có thiên tai xảy ra;
- Các công trình văn hóa, di tích lịch sử: cụ thể về số lượng, địa điểm, tình trạng hiện tại;..
- Hệ thống cầu, cống: số lượng cầu, cống lớn và vừa hiện có trên địa bàn; khẩu độ, khả năng tiêu thóat lũ và đảm bảo giao thông đi lại trong mùa lũ, bão.
- Các phương tiện, trang thiết bị dự phòng cho các trường hợp khẩn cấp: số lượng cụ thể đối với từng loại phương tiện, thiết bị dự phòng chính hiện có và kế hoạch dự phòng sắp tới.

3. Hiện trạng kinh tế xã hội:

3.1. Đặc điểm dân cư:

Nội dung của phần này cần phải nêu bật được các thông tin sau:

- Mô tả chi tiết về tình hình dân số của tỉnh/huyện: tổng số huyện, xã, làng của tỉnh;
- Dân số, độ tuổi, giới tính, ngôn ngữ, số dân tộc thiểu số;
- Tỷ lệ số người biết chữ (biết đọc, biết viết) ở tỉnh, huyện; tỉ lệ trẻ em tiểu học, trung học và cấp ba được đến trường; tỉ lệ trẻ em thất học;
- Tôn giáo, tín ngưỡng; đặc điểm văn hóa nổi bật;
- Ngành nghề truyền thống của địa phương;
- Các họat động kinh tế chủ yếu của địa phương;
- Số xã, ấp trong vùng ngập lũ, số người bị ảnh hưởng;
- Số hộ sống ngoài đê biển, đê bao bảo vệ dân cư.

3.2. Tình hình kinh tế:

Nội dung của phần này cần phải nêu bật được các thông tin sau:

- Tình hình của các ngành sản xuất chính ở địa phương: công nghiệp, nông nghiệp, thủy sản, lâm nghiệp, giao thông, thủ công nghiệp, dịch vụ và thương mại;
- Thu nhập bình quân đầu người, tỉ lệ thất nghiệp, tỉ lệ còn nghèo đói;
- Phương tiện đi lại chính (ô tô, xe buýt, xe máy, ghe, xuồng...);
- Tình hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu mùa vụ;
- Khả năng bị thiệt hại của các ngành kinh tế, dịch vụ nếu có thiên tai (bão, lũ, lụt, hạn hán…) xảy ra;
- Phương tiện thông tin liên liên lạc (số, chất lượng điện thoại công cộng và cá nhân, hiện trạng về mạng internet, fax, radio, tivi ở địa phương;
- Số người được hưởng trợ cấp và lương hưu; số gia đình thuộc diện chính sách; số hộ nghèo, hoàn cảnh đặc biệt;
- Những cơ hội và thách thức ở tỉnh/huyện…

4. Đặc điểm thiên tai ở địa phương và sự tác động đến kinh tế, dân sinh:

4.1. Đặc điểm thiên tai ở địa phương:

Mỗi vùng địa lý có những đặc điểm thiên tai khác nhau: miền Bắc, miền Trung, Đồng bằng sông Cửu Long đều có những đặc tính riêng biệt. Ngay cả trên cùng một khu vực, sự diễn biến thiên tai hàng năm cũng có ít nhiều khác nhau, hoặc rất khác nhau tùy vào tình hình thời tiết và sự ảnh hưởng của biến đổi khí hậu hàng năm. Đối với Đồng bằng sông Cửu Long: khu vực ven biển sẽ khác khu vực nội địa, vùng thượng nguồn hệ thống sông Cửu Long sẽ khác với khu vực hạ nguồn. Để có các giải pháp quản lý thiên

tai phù hợp, cần nắm bắt được từng đặc điểm khác nhau của từng vùng, miền, từng khu vực.

Để mô tả đặc điểm thiên tai ở địa phương, cần cập nhật đầy đủ các thông tin về thiên tai đã xảy ra trên địa bàn tỉnh/huyện, và khái quát nêu bật được các thông tin sau:

Khái quát tình hình thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh/huyện:

- Nêu tên các loại thiên tai thường xảy ra tại địa phương trong các năm qua: sét đánh, giông, tố lốc, bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, lụt, hạn hán - xâm ngập mặn, triều cường, sạt lở bờ sông, bờ biển, các thiên tai khác (nếu có); tần suất, quy mô, thời gian xảy ra và mức độ ảnh hưởng, ...
- Tác động do biến đổi khí hậu tại địa phương: biến đổi khí hậu có làm cho các loại hình thiên tai nêu trên có khả năng diễn biến bất thường, khó dự báo chính xác không? Cường độ, tần suất và phạm vi xuất hiện sẽ có còn theo qui luật không? hiểm họa về thiên tai chưa xảy ra, nhưng đang là nguy cơ tiềm ẩn, rình rập gây tác hại đối với cộng đồng là gì?

Các đặc điểm chính về thiên tai ở địa phương:

- Nội dung của phần này, cần nêu rõ trong các loại thiên tai xảy ra trên địa bàn, loại thiên tai nào là phổ biến nhất, có mức độ gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường và xã hội nhiều nhất (lũ, lụt, bão hay hạn hán..)?
- Đặc điểm lũ, lụt ở địa phương (thời gian xuất hiện, cấp độ(cấp báo động), tần suất, cường suất nước lên, mức nước đỉnh lũ, thời gian xuất hiện đỉnh lũ, thời gian ngập lũ trong nội đồng, thời gian lũ rút hết?
- Đặc điểm của bão khi ảnh hưởng đến địa phương: thời gian, cấp bão, , diễn biến thông thường của bão, các khu vực bị ảnh hưởng, khả năng gây thiệt hại của bão?
- Đặc điểm của các thiên tai khác thường xảy ra ở địa phương (hạn – mặn, triều cường, sạt lở bờ sông, bờ biển)?

Các trận thiên tai điển hình:

Nêu tên và tóm tắt các thiệt hại chính của các trận thiên tai lớn hoặc điển hình (lũ, lụt, bão, hạn – mặn, cháy rừng, sạt lở bờ sông, bờ biển,..) đã xảy ra ở địa phương.

4.2. Sự tác động của thiên tai đến kinh tế, dân sinh:

Để có thể xây dựng được một kế hoạch phòng chống lụt, bão phù hợp, mỗi địa phương (từng tỉnh, huyện, xã) bên cạnh việc thường xuyên phải cập nhật thông tin về các loại thiên tai, cần phải tiến hành đánh giá các tác động của thiên tai đến đời sống dân sinh, kinh tế trên địa bàn: nêu tóm tắt các thiệt hại về người, tài sản và cơ sở hạ tầng các ngành (nông nghiệp, thủy lợi, giao thông, thủy sản, công nghiệp, lâm nghiệp, xây dựng,

giáo dục, y tế, thông tin liên lạc, môi trường, …) mà thiên tai đã gây ra trong một số năm vừa qua (thường là 05 năm đến 10 năm); đồng thời phân tích, đánh giá những tác động mà nó đã gây ra, ví dụ: bão, lũ đã làm gián đoạn, ngưng trệ các hoạt động sản xuất công, nông, nghiệp, kinh doanh, giao thông, dịch vụ, làm ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt của cộng đồng. Bên cạnh những thiệt hại trực tiếp có thể định lượng được, chúng còn gây ra các thiệt hại vô hình không định lượng cụ thể, chính xác được, gây cản trở, khó khăn, làm chậm tiến độ sản xuất, kinh doanh, làm chậm tốc độ phát triển kinh tế, xã hội của từng hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh nói riêng và của cả địa phương nói chung, vv,…

Cần xác định rõ các loại hình thiên tai tiềm năng có thể xảy ra ở địa phương mình. Lấy đó làm sở dữ liệu, đưa vào lồng ghép để lập các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương cho phù hợp và đảm bảo sự phát triển bền vững.

5. Tổ chức bộ máy Phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn ở địa phương:

- Nêu khái quát cơ cấu tổ chức bộ máy Phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn hiện tại ở địa phương (tỉnh/huyện);
- Mô phỏng cơ cấu tổ chức bộ máy Phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn của địa phương bằng sơ đồ khối (đính kèm ở phụ lục của kế hoạch PCLB - TKCN);
- Nêu khái quát chức năng, nhiệm vụ của Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn của địa phương;
- Nêu tóm tắt những khó khăn và bất cập hiện tại của bộ máy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn của địa phương;
- Lập bảng danh sách các thành viên Ban chỉ huy Phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn, danh sách các tiểu ban; và Bảng phân công nhiệm vụ đối với các tiểu ban và đối với từng thành viên Ban chỉ huy Phòng, chống lụt, bão và TKCN của địa phương (đính kèm ở phần phụ lục kế hoạch PCLB - TKCN);

CHƯƠNG 2: ĐÁNH GIÁ, TỔNG KẾT CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG LỤT, BÃO NĂM TRƯỚC

Đánh giá công tác phòng, chống lụt, bão bao gồm việc xem xét hiện trạng thiên tai, các giải pháp quản lý liên quan cũng như các kết quả đạt được trong công tác này. Đặc biệt cần xem xét các hạn chế, khó khăn trong quá trình lập, triển khai thực hiện và giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nhằm rút ra các bài học kinh nghiệm cũng như các giải pháp, kiến nghị cho viêc thực hiện lập kế hoạch về năm sau. Việc nhận định hoặc đánh giá sai lệch sẽ có thể dẫn đến xác định các giải pháp lựa chọn cho năm sau hoặc các kiến nghị không khả thi làm hao tốn sức người, tài sản và kinh phí của cộng đồng. Do vậy, phần đánh giá công tác phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn của năm trước được xem như một yêu cầu bắt buộc trong cấu trúc của kế hoạch phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn của năm sau.

Về cơ bản, nội dung đánh giá kết quả thực hiện của kế hoạch phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn năm trước sẽ bao gồm các nội dung chính sau:

- Đánh giá tình hình thiên tai xảy năm trước;
- Đánh giá tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra;
- Đánh giá tình hình lập, triển khai thực hiện và giám sát đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch ở cả ba giai đoạn: trước, trong và sau thiên tai.

1. Đánh giá tình hình thiên tai:

Đối với Đồng bằng sông Cửu Long, khu vực ven biển sẽ khác khu vực nội địa, thượng nguồn sông sẽ khác hạ nguồn. Để có các giải pháp quản lý thiên tai phù hợp cần nắm bắt được từng đặc điểm khác nhau của từng miền, từng vùng, từng khu vực. Ngay cả cùng một khu vực, sự diễn biến thiên tai hàng năm cũng sẽ ít nhiều khác nhau, hoặc rất khác nhau tùy theo tình hình thời tiết và sự ảnh hưởng của biến đổi khí hậu hàng năm.

Để có một đánh giá xác đáng về tình hình thiên tai xảy ra năm trước, cần thiết phải mô tả cụ thể mức độ, qui mô cũng như tần xuất từng loại thiên tai: mưa, lũ, bão, áp thấp nhiệt đới, giông, lốc, sét, hạn, xâm nhập mặn, cháy rừng, sạt lở bờ vở sông, triều cường,… đã xảy ra ở từng khu vực cụ thể trên địa bàn tỉnh/ huyện.

2. Đánh giá tình hình thiệt hại:

Nêu tóm tắt tình hình thiệt hai do lũ, báo và các loại thiên tai khác gây ra trong năm qua. Đồng thời nêu tóm tắt sự ảnh hưởng của các loại thiệt hại đó đến sự phát triển kinh tế của tỉnh, huyện hay đến sự an toàn dân sinh.

Một số các loại thiệt hại cần được đề cập như: Thiệt hại về người, thiệt hại về tài sản, thiệt hại về giáo dục, thiệt hại về y tế, thiệt hại về nông và lâm nghiệp, thiệt hại về thủy lợi, thiệt hại về giao thông, thiệt hại về thủy sản, thiệt hại về thông tin liên lạc, thiệt

hại về công nghiệp, thiệt hại về xây dựng, thiệt hại về nước sạch nông thôn và các thiệt hại khác.

3. Đánh giá công tác chuẩn bị, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai:

Phần này nhằm đánh giá công tác phòng chống lụt bão hàng năm, bao gồm việc đánh giá ***các giải pháp phi công trình***, ***công trình và các yếu tố liên quan trong công tác phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn.*** Trên cơ sở này, chỉnh sửa hoặc bổ sung kế hoạch cho phù hợp với kế hoạch mới hàng năm**.**

Tại sao phải đánh giá các giải pháp?

Trong công tác phòng chống lụt bão/quản lý thiên tai nói chung có nhiều giải pháp khác nhau, bao gồm các ***giải pháp công trình*** và ***phi công trình***, ***ngắn hạn*** và ***dài hạn***. Mỗi giải pháp có nhiều yếu tố cấu thành, có yếu tố vật chất, có yếu tố con người và các mối tương quan mang tính hệ thống. Tính hiệu quả của giải pháp tuỳ thuộc vào các yếu tố cấu thành, các mối quan hệ này và tuỳ thuộc vào quy trình tổ chức thực hiện.

Nhằm mục tiêu phòng chống lụt bão/quản lý thiên tai hiệu quả hơn, các giải pháp cần được đánh giá và củng cố hàng năm.

Đánh giá các giải pháp là gì?

Đánh giá các giải pháp là ***xem xét***, ***so sánh*** giữ các ***mục tiêu*** mà một giải pháp đặt ra và các ***tác động của kết quả đạt được*** trong thực tế.

Do vậy, phần này cần phải so sánh và xác định được sự khác biệt giữa việc lập kế hoạch và thực tế áp dụng ở các giải pháp phi công trình và công trình. Các hạng mục xem xét đánh giá bao gồm: các yếu tố liên quan đến con người, các yếu tố liên quan về kỹ thuật và các hoạt động, các yếu tố về tài chính và cơ sở hạ tầng. Đây chính là các cơ sở để đảm bảo tính hiệu quả của công tác phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn cho năm tiếp theo.

1.1. Giai đoạn chuẩn bị (trước mùa lũ):

a. Đánh giá những việc làm được:

<u>* Về chỉ đạo:</u> Nêu rõ hoạt động chỉ đạo của Ban Chỉ huy PCLB & TKCN các cấp và UBDN các cấp trong việc triển khai thực hiện việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện các hoạt động của kế hoạch trong thời gian trước mùa lũ như: Ban hành các văn bản liên quan, các hoạt động và các biện pháp đã tham mưu cho chính quyền chỉ đạo việc thực hiện các công việc trong lĩnh vực phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, như: Lập bản đồ phân vùng nguy cơ xảy ra thiên tai, rà soát, bổ sung quy hoạch dân cư, quy hoạch đê sông, đê biển, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển rừng, quy hoạch khai thác tổng hợp lưu vực sông, nâng cao năng lực, dự báo, cảnh báo…; đồng thời nêu rõ các hoạt động giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành.

* Về tổ chức thực hiện: Nêu rõ tiến độ và kết quả đạt được (số lượng và chất lượng) cụ thể của các hoạt động mà các ban, ngành đã tổ chức triển khai thực hiện theo sự chỉ đạo của Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão - TKCN và Ủy ban nhân dân các cấp như:

- Kiện toàn tổ chức bộ máy;
- Rà soát và xây dựng các tiêu chuẩn, qui chuẩn, chế độ liên quan;
- Lập và rà soát các quy hoạch;
- Nâng cấp năng lực dự báo, cảnh báo
- Nâng cao năng lực quản lý thiên tai cho cán bộ chuyên môn nghiệp vụ các cấp;
- Tổ chức, củng cố năng lực các lực lượng tình nguyện trong công tác phòng chống và giảm nhẹ thiên tai;
- Nâng cao nhân thức cộng đồng;
- Các hoạt động nhằm đảm bảo an toàn cho trẻ em và người già, người tàn tật ở những vùng thường xảy ra thiên tai đã thực hiện (tổ chức dạy bơi, tổ chức các điểm giữ trẻ tập trung, chuẩn bị nơi tránh, trú lũ, bão an toàn,…);
- Các dự án trồng rừng và bảo vệ rừng đầu nguồn;
- Nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai;
- Thực hiện các dự án tu bổ, nâng cấp, xây dựng các công trình phòng chống và giảm nhẹ thiên tai như: nạo vét, đào mới kênh rạch, xây dựng mới cầu giao thông; nâng cấp, mở rộng khẩu độ các cầu, cống giao thông đường bộ để phục vụ tiêu thoát nhanh nước lũ; xây dựng các đập tràn, cầu vượt lũ, nhà tránh trú lũ, bão, hệ thống đê điều, hồ chứa nước, công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển, khu neo đậu tàu, thuyền tránh bão, cụm, tuyến dân cư vượt lũ, và các công trình phục vụ công tác thu thập số liệu cơ bản về khí tượng thủy văn….

b. Hạn chế:

* Về chỉ đạo: Nêu rõ các hạn chế, khó khăn trong quá trình ra ý kiến chỉ đạo, truyền đạt các ý kiến chỉ đạo đến các cấp, các ngành; đồng thời, cũng đưa ra các hạn chế làm giảm hiệu quả của các ý kiến chỉ đạo đó.

* Về tổ chức thực hiện: Nêu rõ các hạn chế, khó khăn bao gồm cả về tổ chức bộ máy, nguồn năng lực tài chính trong quá trình tổ chức thực hiện tương ứng với từng giải pháp, hoạt động:

- Kiện toàn tổ chức bộ máy;

- Rà soát và xây dựng các tiêu chuẩn, qui chuẩn, chế độ liên quan;
- Lập và rà soát các quy hoạch;
- Nâng cấp năng lực dự báo, cảnh báo
- Nâng cao năng lực quản lý thiên tai cho cán bộ chuyên môn nghiệp vụ các cấp;
- Tổ chức, củng cố năng lực các lực lượng tình nguyện trong công tác phòng chống và giảm nhẹ thiên tai;
- Nâng cao nhân thức cộng đồng;
- Các hoạt động nhằm đảm bảo an toàn cho trẻ em và người già, người tàn tật ở những vùng thường xảy ra thiên tai đã thực hiện (tổ chức dạy bơi, tổ chức các điểm giữ trẻ tập trung, chuẩn bị nơi tránh, trú lũ, bão an toàn,…);
- Các dự án trồng rừng và bảo vệ rừng đầu nguồn;
- Nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai;
- Thực hiện các dự án tu bổ, nâng cấp, xây dựng các công trình phòng chống và giảm nhẹ thiên tai như: nạo vét, đào mới kênh rạch, xây dựng mới cầu giao thông, mở rộng khẩu độ cầu, cống giao thông đường bộ để phục vụ tiêu thoát nhanh nước lũ ; xây dựng đập tràn, cầu vượt lũ, nhà tránh trú lũ, bão, hệ thống đê điều, hồ chứa nước, công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển, khu neo đậu tàu, thuyền tránh, trú bão, cụm, tuyến dân cư vượt lũ và các công trình phục vụ công tác thu thập số liệu cơ bản về khí tượng thủy văn….

1.2. Giai đoạn ứng phó và cứu trợ khẩn cấp (trong mùa lũ):

a. Đánh giá những việc làm được:

<u>* Về chỉ đạo:</u> Nêu rõ hoạt động chỉ đạo của Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và TKCN các cấp và Ủy ban nhân dân các cấp đến các thành viên Ban chỉ huy PCLB - TKCN, các sở, ban, ngành,… trong việc triển khai các hoạt động ứng cứu và cứu trợ khẩn cấp (trong trường hợp có thiên tai xảy ra) như: Ban hành các văn bản liên quan, các hoạt động và các biện pháp đã tham mưu cho chính quyền...

<u>* Về tổ chức thực hiện:</u> Nêu rõ tiến độ và kết quả đạt được (số lượng và chất lượng) cụ thể của các hoạt động mà các ban, ngành đã tổ chức triển khai thực hiện theo sự chỉ đạo của Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão - TKCN và Ủy ban nhân dân các cấp như:

- Truyền tin dự báo, cảnh báo thiên tai trên đất liên và trên biển;
- Tổ chức di dân khẩn cấp;

- Đảm bảo an toàn an ninh dân sự, an toàn nước sạch, vệ sinh môi trường, dịch vụ chăm sóc sức khỏe trong mùa lũ, bão;
- Công tác cứu hộ, cứu nạn khẩn cấp trên đất liền và trên biển;
- Công tác huy động nguồn lực, bao gồm: lực lượng, trang thiết bị, máy móc, kinh phí phục vụ công tác ứng cứu khẩn cấp và cứu trợ khẩn cấp;
- Công tác điều phối các hoạt động ứng cứu khẩn cấp và cứu trợ khẩn cấp;
- Công tác sửa chữa khẩn cấp hay xử lý đối phó với các công trình xung yếu, các công trình bị phá hoại bởi thiên tai;
- …

b. Hạn chế:

<u>* Về chỉ đạo:</u> Nêu rõ các hạn chế, khó khăn trong quá trình ra ý kiến chỉ đạo, truyền đạt các ý kiến chỉ đạo đến các cấp, các ngành; Đồng thời cũng đưa ra các hạn chế làm giảm hiệu quả của các ý kiến chỉ đạo đó.

<u>* Về tổ chức thực hiện:</u> Nêu rõ các hạn chế, khó khăn bao gồm cả về tổ chức bộ máy, nguồn năng lực tài chính trong quá trình tổ chức thực hiện tương ứng với từng giải pháp, hoạt động:

- Truyền tin dự báo, cảnh báo thiên tai trên đất liên và trên biển;
- Tổ chức di dân khẩn cấp;
- Đảm bảo an toàn an ninh dân sự, an toàn nước sạch, vệ sinh môi trường, dịch vụ chăm sóc sức khỏe trong mùa lũ, bão;
- Công tác cứu hộ, cứu nạn khẩn cấp trên đất liền và trên biển;
- Công tác huy động nguồn lực, bao gồm: lực lượng, trang thiết bị, máy móc, kinh phí phục vụ công tác ứng cứu khẩn cấp và cứu trợ khẩn cấp;
- Công tác điều phối các hoạt động ứng cứu khẩn cấp và cứu trợ khẩn cấp;
- Công tác sửa chữa khẩn cấp hay xử lý đối phó với các công trình xung yếu, các công trình bị phá hoại bởi thiên tai;
- …

1.3. Giai đoạn khắc phục hậu quả và tái thiết:

Giai đoạn khắc phục hậu quả và tái thiết về cơ bản được phân thành 02 giai đoạn: Giai đoạn khắc phục hậu quả đảm bảo phục hồi cơ bản về sản xuất và dân sinh và giai đoạn tái thiết và phát triển. Giai đoạn 1 đòi hỏi ít nguồn lực hơn giai đoạn 2 tuy nhiên nó lại đòi hỏi phải huy động được một nguồn lực trong thời gian ngắn và việc tổ chức thực hiện cũng phải hoàn thành trong một thời gian ngắn. Hay nói cách khác, đây là giai đoạn mang tính ngắn hạn. Giai đoạn 2 là giai đoạn dài hạn, đòi hỏi phải có được một nguồn

lực lớn để thực hiện trong một thời gian dài nhằm 2 mục tiêu: phục hồi hoàn toàn các thiệt hại do thiên tai gây ra bao gồm cả việc phục hồi các hoạt động dân sinh kinh tế, xã hội; đồng thời xây dựng và phát triển cộng đồng có lồng ghép giảm thiểu rủi ro thiên tai trong tương lai để đảm bảo mức thiệt hại là thấp nhất và sự phát triển là cao nhất. Do vậy, trong việc đánh giá nên đề cập đến cả hai giai đoạn này. Tuy nhiên, giai đoạn khắc phục hậu quả đảm bảo phục hồi cơ bản về sản xuất và dân sinh nên được tập trung nhiều hơn do đây là bản kế hoạch phòng, chống lụt, bão ngắn hạn với các hoạt động chỉ giới hạn trong thời gian là 1 năm.

a. Đánh giá những việc làm được:

<u>* Về chỉ đạo:</u> Nêu rõ hoạt động chỉ đạo của Ban Chỉ huy PCLB và TKCN các cấp và UBDN các cấp đến các thành viên Ban chi huy PCLB và TKCN, các sở, ban ngành,… trong việc triển khai các hoạt động khắc phục hậu quả (giai đoạn 1) và phục hồi, tái thiết (giai đoạn 2) như: Ban hành các văn bản liên quan, các hoạt động và các biện pháp đã tham mưu cho chính quyền,...

<u>* Về tổ chức thực hiện:</u> Nêu rõ tiến độ và kết quả đạt được (số lượng và chất lượng) cụ thể của các hoạt động mà các ban, ngành đã tổ chức triển khai thực hiện theo sự chỉ đạo của Ban Chỉ huy PCLB và TKCN và UBDN các cấp như:

- Đánh giá nhanh thiệt hại phục vụ công tác khắc phục hậu quả (giai đoạn 1);
- Tiếp tục công tác cứu trợ;
- Xử lý và khắc phục các thiệt hại về sản xuất, dân sinh đảm bảo các điều kiện cơ bản cho phục hồi sản xuất và dân sinh;
- Xử lý và khắc phục các thiệt hại về môi trường;
- Xử lý và khắc phục các sự cố, đồng thời củng cố các công trình phục vụ phòng chống lụt , bão, các công trình phục vụ dân sinh và sản xuất;
- Lập và xây dựng kế hoạch phục hồi ngắn hạn (giai đoạn 1) và kế hoạch tái thiết và phát triển (giai đoạn 2);
- …

b. Hạn chế:

<u>* Về chỉ đạo:</u> Nêu rõ các hạn chế, khó khăn trong quá trình ra ý kiến chỉ đạo, truyền đạt các ý kiến chỉ đạo đến các cấp, các ngành; đồng thời, nêu ra các hạn chế làm giảm hiệu quả của các ý kiến chỉ đạo đó.

<u>* Về tổ chức thực hiện:</u> Nêu rõ các hạn chế, khó khăn bao gồm cả về tổ chức bộ máy, nguồn năng lực tài chính trong quá trình tổ chức thực hiện tương ứng với từng giải pháp, hoạt động:

- Đánh giá nhanh thiệt hại phục vụ công tác khắc phục hậu quả (giai đoạn 1);

- Tiếp tục công tác cứu trợ;
- Xử lý và khắc phục các thiệt hại về sản xuất, dân sinh đảm bảo các điều kiện cơ bản cho phục hồi sản xuất và dân sinh;
- Xử lý và khắc phục các thiệt hại về môi trường ;
- Xử lý và khắc phục các sự cố, đồng thời củng cố các công trình phục vụ phòng chống lụt bão, các công trình phục vụ dân sinh và sản xuất;
- Lập và xây dựng kế hoạch phục hồi ngắn hạn (giai đoạn 1) và kế hoạch tái thiết và phát triển (giai đoạn 2);
- …

4. Kết luận và kiến nghị:

Kết luận và kiến nghị được xem như là đầu ra cuối cùng của công tác đánh giá kế hoạch phòng, chống lụt, bão. Đầu ra này sẽ được sử dụng cho việc lập kế hoạch phòng, chống lụt, bão năm tới của địa phương. Kết luận và kiến nghị đúng sẽ giúp phát huy những ưu điểm và khắc phục các giới hạn của công tác phòng, chống lụt, bão trong thời gian qua. Ngược lại, kết luận và kiến nghị không căn cứ, không chính xác sẽ dẫn đến các giới hạn và khó khăn trong tác phòng, chống lụt, bão sau này.

Kết luận và kiến nghị sẽ được dựa vào các số liệu phân tích về tình hình thiên tai, đánh giá thiệt hại và đánh giá công tác phòng, chống lụt, bão năm trước của địa phương.

Thành công và các ưu điểm:

Việc xây dựng và thực hiện công tác phòng, chống lụt, bão luôn mang lại lợi ích nhất định cho cộng đồng. Các lợi ích này thể hiện sự thành công của kế hoạch và sự đóng góp của các thành viên liên quan. Do vậy tất cả lợi ích/thành công có được cần phải được nhận dạng và đề cao nhằm khích lệ sự đóng góp hơn nữa của các thành viên liên quan và phát huy các ưu điểm có được cho các hoạt động phòng, chống lụt, bão về sau.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng khi mục tiêu phòng, chống lụt, bão quá cao, khả năng đạt được các mục tiêu này sẽ trở nên mong manh. Và khi đó chúng ta không nhận dạng được sự thành công hoặc sự đóng góp hiệu quả của các thành viên liên quan cũng như cộng đồng. Do vậy, mục tiêu cần phải cụ thể và gắn liền với khả năng/năng lực của địa phương,

Khó khăn và các giới hạn

Một báo cáo về đánh giá được đánh giá cao khi các khó khăn hoặc giới hạn trong công tác phòng, chống lụt, bão đươc xác định và định hình. Do vậy, kết luận luôn bao gồm việc xem xét và tóm lược lại các khó khăn hoặc các giới hạn phòng, chống lụt, bão trong thời gian qua. Phần này sẽ hỗ trợ việc xem xét tìm kiếm các giải pháp chọn lựa hay đưa ra các kiến nghị cần thiết cho các giai đoạn quản lý thiên tai tiếp theo.

Xác định các khó khăn hoặc các yếu điểm sẽ được dựa vào sự khác biệt giữa kế hoạch và các kết quả thực tế đạt được.

Kiến nghị

Các giải pháp lựa chọn và các kiến nghị là đầu ra vô cùng quan trọng của công tác đánh giá. Do vậy, yêu cầu đặt ra là phải hợp lý và chính xác.

Muốn có được sự hợp lý và chính xác, các kiến nghị phải được dựa vào các khó khăn hoặc các giới hạn đã xác định hoặc đã phân tích. Nói tóm lại, đưa ra kiến nghị hoặc các giải pháp phải bắt nguồn từ một cơ sở khoa học, khoa học của giám sát và đánh giá.

CHƯƠNG 3: KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG LỤT, BÃO NĂM TỚI

Thiên tai có khả năng gây nhiều tác động khác khác nhau, bao gồm các tác động trực tiếp và các tác động gián tiếp lên con người, tài sản và đời sống kinh tế xã hội.

Mục đích của lập kế hoạch phòng, chống lụt, bão nhằm dự đoán các tình huống thiên tai có thể xảy ra, từ đó lập kế hoạch để chủ động phòng ngừa và ứng phó phù hợp. Kế hoạch phòng, chống lụt, bão không chỉ giới hạn ở giai đoạn chuẩn bị và phòng ngừa mà bao gồm cả một chu trình quản lý thiên tai (Phòng ngừa, giảm nhẹ, ứng phó, phục hồi, tái thiết). Kế hoạch phòng, chống lụt, bão sẽ sử dụng các nguồn lực và thế mạnh trong vùng để ứng phó tốt với thiên tai giảm thiểu thiệt hại về người, tài sản, đảm đảm an toàn cho xã hội và cộng đồng.

Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn các cấp xây dựng Kế hoạch phòng, chống lụt, bão hàng năm để chủ động hơn trong tác tác phòng ngừa và ứng phó. Trong kế hoạch có nêu rõ cơ chế phối hợp thực hiện, vai trò và trách nhiệm của các thành viên Ban chỉ huy, các tổ chức chính trị, xã hội và người dân trong công tác phòng ngừa, ứng phó và cứu trợ khẩn cấp và tái thiết sau thiên tai. Kế hoạch mang tính thể chế và pháp lý, và là cơ sở cho việc thực hiện các hoạt động phòng ngừa và ứng phó với thiên tai. Kế hoạch này được các cơ quan quản lý thiên tai, các tổ chức phi chính phủ và cộng đồng ở những vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng sử dụng.

Do vậy, lập và thực hiện tốt công tác phòng, chống lụt, bão sẽ bảo vệ được con người, tài sản cũng như ổn định đời sống kinh tế xã hội của địa phương. Ví dụ: thông tin cảnh báo được cung cấp kịp thời, điều phối giữa các cơ quan, ban, ngành sẽ hiệu quả; các nhu cầu cơ bản như: nơi cứ trú, lương thực, nước uống, thuốc men sẽ được đáp ứng trong suốt thời gian xảy ra thiên tai; các ảnh hưởng đến đời sống kinh tế, sản xuất sẽ được giảm thiểu, tổn thất sẽ ít đi, tài sản sẽ được bảo vệ, vv. Mặt khác, thực hiện tốt công tác phòng, chống lụt, bão là góp phần quan trọng vào công cuộc phát triển bền vững các thế hệ tương lai, vào sự phát triển bền vững địa phương, khu vực, quốc gia và toàn cầu.

Kế hoạch phòng, chống lụt, bão nên được xây dựng và ban hành rộng rãi tại thời điểm trước khi mùa lũ, bão xảy ra.

Về cơ bản, nội dung kế hoạch phòng,chống lụt, bão sẽ bao gồm các nội dung chính sau:

- Nhận định khả năng diễn biến thiên tai (lũ, bão) năm tới;
- Xác định các định hướng chủ đạo và mục tiêu của công tác phòng, chống lụt bão năm tới;
- Xác định nhiệm vụ và xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động phòng, ngừa, ứng phó và khắp phục hậu quả thiên tai trong năm;

- Xác định nguồn lực và vai trò, trách nhiệm của từng thành viên Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn, của từng ban ngành và của các tổ chức chính trị, xã hội và cộng đồng;
- Xác định các phương thức tổ chức thực hiện kế hoạch;
- Đánh giá, xem xét và xác định các hoạt động ưu tiên thực hiện cũng như xác định các phương án bảo vệ trọng điểm trong mùa lụt bão.

1. Nhận định khả năng diễn biến thiên tai năm tới:

Căn cứ vào các dự báo chính thức của Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn Trung ương, Đài Khí tượng thủy văn khu vực Nam bộ, Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn địa phương, các kinh nghiệm dân gian báo hiệu về diễn biến thời tiết ở địa phương, Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh/huyện làm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh/huyện đưa ra nhận định về khả năng diễn biến của các loại hình thiên tai cụ thể trong năm tới ở địa phương, làm cơ sở để lập kế hoạch phòng chống lụt bão, xây dựng phương án ứng phó với lụt, bão, và xây dựng kịch bản phòng chống lụt bão đối với những tình huống thiên tai và các khu vực trọng điểm, xung yếu mà thiên tai có thể xảy ra. Các nhận định về khả năng diễn biến của thiên tai trong năm tới cần phải có tính khoa học và thực tiễn, có thể bao gồm những nhận định chủ yếu sau:

- Nhận định về khả năng diễn biến của : mưa, lũ, ngập lụt, triều cường, giông, lốc, bão, áp thấp nhiệt đới, hạn, mặn, cháy rừng, sạt lở bờ sông, bờ biển (nếu có) có thể xảy ra ở địa phương ;
- Nhận định, phân vùng cụ thể đối với các khu vực có thể bị ảnh hưởng bởi từng loại thiên tai;
- Xác định, cảnh báo sớm đối với các khu vực xung yếu, trọng điểm, dễ bị tổn thương bởi từng lọai thiên tai.

2. Quan điểm chỉ đạo và mục tiêu của công tác phòng, chống lụt, bão năm tới:

- ***Quan điểm chỉ đạo:***

Để xác định quan điểm chỉ đạo cho công tác phòng chống lụt bão năm tới được phù hợp, chính xác và có hiệu quả, người lập kế hoạch phòng chống lụt bão phải thu thập, cập nhật, nghiên cứu các tài liệu có liên quan, đặc biệt là dựa vào các văn bản, chỉ thị, nghị quyết mới nhất của Đảng và chính quyền các cấp chỉ đạo về các vấn đề quan trọng liên quan đến quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương; định hướng về công tác phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai đã được xác định rõ trong Kế hoạch hành động thực hiện chiến lược quốc gia về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 của địa phương. Trên cơ sở đó mà tham mưu cho lãnh đạo chính quyền xác định rõ quan điểm chỉ đạo và phương châm chính trong việc phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả, tái thiết sau thiên tai của tỉnh/huyện.

Tùy vào đặc điểm về thiên tai, dự báo diễn biến thiên tai của mỗi địa phương, để đưa ra các quan điểm chỉ đạo sát thực, có tính khả thi cao, thông thường quan điểm chỉ đạo thường đề cập đến việc chỉ đạo các vấn đề cốt lõi, nhằm mục đích giảm thiểu đến mức thấp nhất các thiệt hại do thiên tai gây ra, ví dụ như:

- Chủ động phòng chống lụt, bão theo phương châm "4 tại chỗ": (chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, vật tư – phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ);
- Thực hiện phương châm "Chủ động phòng tránh, đối phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và có hiệu quả" trong đó lấy phòng tránh là chính;
- Trong chỉ đạo công tác phòng chống lụt bão, các địa phương cần phải chuyển hướng mạnh mẽ từ bị động đối phó sang chủ động phòng ngừa ;
- Cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân, các tổ chức, cá nhân nước ngoài sống trên địa bàn tỉnh/huyện đều phải có nghĩa vụ thực hiện việc phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai;
- Nội dung phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai phải được lồng ghép trong quy hoạch, kế hoạch phát triển Kinh tế-Xã hội.

- ***Mục tiêu tổng quát:***

Mục tiêu tổng quát của công tác phòng chống lụt bão năm tới được xác định dựa trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo, định hướng chủ đạo, phương châm phòng chống lụt bão đã được xác định ở phần (quan điểm chỉ đạo). Đồng thời, tùy thuộc vào đặc điểm và diễn biến thiên tai của từng địa phương mà người lập kế hoạch nghiên cứu, tham mưu cho lãnh đạo chính quyền xác định mục tiêu chung (mục tiêu tổng quát) đối với công tác phòng chống lụt bão năm tới. Mục tiêu tổng quát phải phản ánh rõ được các yêu cầu chính cần phải đạt được trong công tác phòng chống lụt bão năm tới ở địa phương về các lĩnh vực công tác then chốt, trọng yếu. Ví dụ, mục tiêu tổng quát có thể đặt ra ở dạng như sau:

- Phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành và địa phương, triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ đã xác định trong Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 của các ngành và tỉnh/huyện đã được phê duyệt;
- Tăng cường nâng cao nhận thức cộng đồng về hiểm họa thiên tai; tăng cường năng lực quản lý thiên tai cho cán bộ các cấp, từng bước chuyên nghiệp hóa công tác quản lý thiên tai;…
- Phấn đấu giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại về người do lũ, bão gây ra.

- ***Mục tiêu cụ thể:***

Căn cứ vào định hướng chủ đạo và mục tiêu tổng quát của công tác phòng chống lụt bão đã được xác định. Đồng thời, căn cứ vào các nhiệm vụ ưu tiên đã được cụ thể hóa

trong Kế họach hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 của địa phương, xác định rõ các mục tiêu cụ thể của công tác phòng chống lụt bão năm tới của địa phương. Trong quá trình xác định các mục tiêu cụ thể, phải lưu ý đảm bảo sự lồng ghép công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các ngành. Cụ thể hoá các mục tiêu cụ thể chính là xây dựng các chỉ tiêu đầu ra của các nội dung kế hoạch phòng chống lụt bão. Các chỉ tiêu đầu ra sẽ phải bao gồm các kết quả cần đạt được trong việc thực thi các nhiệm vụ của Kế hoạch phòng chống lụt bão trên tất cả các lĩnh vữ công tác ở cả 3 giai đoạn (trước, trong và sau thiên tai).

Các mục tiêu cụ thể, có thể bao gồm:

Các mục tiêu cụ thể cần đạt được từ các giải pháp phi công trình:

- Dự kiến mở bao nhiêu lớp tập huấn nâng cao nhận thức cộng đồng, bao nhiêu lớp tập huấn tăng cường năng lực cho cán bộ quản lý thiên tai (số lượng học viên, thời gian học, nội dung học);
- Dự kiến mở bao nhiêu lớp tập bơi cho trẻ em vùng lũ, bao nhiêu lớp tập huấn cô nuôi dạy trẻ (số lượng học viên, độ tuổi,..);
- Dự kiến tổ chức diễn tập phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn ở địa phương (địa điểm, nội dung diễn tập, thời gian diễn tập);
- Kế hoạch thành lập các tổ, đội xung kích tìm kiếm cứu nạn để đưa vào hoạt động trong mùa lũ, bão (số lượng tổ, đội, số lượng thành viên, kế hoạch tập huấn,...);
- Kế hoạch di dời dân ở những vùng ngập sâu, ở những khu vực sạt lở bờ sông, bờ biển đang diễn ra nghiêm trọng (số hộ sẽ di dời, thời gian, địa điểm di dời, nơi sẽ di dời đến,...);
- Số lượng các bản đồ, biển cảnh báo phục vụ công tác phòng, chống lụt, bão sẽ được xây dựng trong năm (bản đồ phân vùng hiểm họa, bản đồ những khu vực xung yếu, bản đồ hiện trạng về dân cư, cơ sở hạ tầng, biển cảnh báo lũ, sạt lở…);
- Dự kiến về chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi, cơ cấu mùa vụ ở những khu vực thiên tai thường xảy ra (loại vật nuôi, cây trồng, diện tích, địa điểm,...);
- Kế hoạch trồng rừng phòng hộ ven biển và đầu nguồn (diện tích, địa điểm, loại cây,..);
- Nêu tóm tắt yêu cầu về các mặt: lực lượng, các loại phương tiện, vật tư, nhiên liệu, lương thực, nhu yếu phẩm thiết yếu, thuốc chữa bệnh,…cần phải dự trữ sẵn sàng cho công tác chuẩn bị ứng phó khẩn cấp và khắc phục hậu quả, ổn định đời sống sinh họat của nhân dân và tái thiết sau thiên tai;

- Các mục tiêu cụ thể khác (tùy thuộc vào đặc điểm của từng địa phương);

Các mục tiêu cụ thể cần đạt được từ các giải pháp công trình:

- Kế hoạch xây dựng cụm, tuyến dân cư vượt lũ (số lượng cụm tuyến sẽ hoàn thành, số hộ sẽ chuyển vào sinh sống ổn định ở các cụm, tuyến,...);
- Kế hoach xây dựng các công trình phòng, chống lụt, bão (số lượng km kênh mương, đê biển, đê sông, kè, đập, cống, bọng tiêu thoát lũ, ngăn mặn, dẫn ngọt sẽ được xây dựng trong năm, tiến độ xây dựng, …);
- Số lượng nhà tránh bão, công trình trú bão sẽ xây dựng, đưa vào hoạt động trong mùa mưa, bão tới?
- Các mục tiêu cụ thể khác (tùy thuộc vào đặc điểm của từng địa phương);

3. Nhiệm vụ và giải pháp:

- ***Giai đoạn trước mùa mưa bão:***

Đây là giai đoạn mang tính quyết định cho sự thành bại của công tác quản lý thiên tai trong một năm, đồng thời cũng là giai đoạn quyết định đến sự giảm thiểu mức độ thiệt hại do thiên tai gây ra cũng như tiết kiệm kinh phí cho việc ứng phó, cứu trợ và khắc phục hậu quả sau thiên tai. Do vậy, cần thiết phải thực hiện nghiêm túc một số bước cơ bản sau:

a) <u>Xác định nhiệm vụ:</u>

Nhiệm vụ trong giai đọan này rất quan trọng, đóng vai trò quyết định trong việc giảm thiểu thiệt hại do thiên tai tai gây ra, bao gồm việc triển khai các hoạt động như: xác định tất cả các hoạt động cần phải thực hiện, trong đó phân loại các hoạt động ưu tiên và nội dung cụ thể của các họat động này và tổng hợp, lập kế họach triển khai thực hiện để có thể có thể giảm thiểu tối đa các tổn thất về người, tài sản và cơ sở hạ tầng do thiên tai có thể gây ra .

Trong giai đọan này, phải triển khai thực hiện tốt các hoạt động chuẩn bị chính, bao gồm: nâng cao nhận thức cộng đồng; tăng cường năng lực cho cán bộ quản lý thiên tai; dự báo và cảnh báo sớm; chuẩn bị mọi mặt cho công tác di dời tránh lũ, bão; xây dựng, nâng cấp các công trình phòng chống lũ, bão,… và chuẩn bị sẵn sàng các phương án ứng phó khẩn cấp khi có thiên tai xảy ra.

Đối với giai đọan này, nhiệm vụ của người lập kế hoạch là phải tính toán và dự trù cho được các nhu cầu đa dạng, thiết yếu để có thể đáp ứng tốt nhiệm vụ của giai đọan kế tiếp (giai đoạn ứng phó và đương đầu trực tiếp với các tình huống thiên tai). Trên cơ sở đó, xác định và phân giao trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể đối với từng cơ quan, ban, ngành, địa phương, từng cá nhân lãnh đạo chính quyền và thành viên Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn tỉnh/huyện cho đến các các tổ chức quản lý thiên tai, các đội, nhóm tình nguyện

b) <u>Đánh giá về khả năng rủi ro, hiểm họa thiên tai , tình trạng dễ bị tổn thương của địa phương trong năm tới:</u>

(1) Đánh giá khả năng rủi ro, hiểm họa thiên tai:

Là quá trình tiến hành phân tích **khả năng rủi ro, hiểm họa thiên tai**, nhằm xác định các loại rủi ro, hiểm họa thiên tai có thể tác động đến cộng đồng mình.

Đánh giá khả năng rủi ro, hiểm họa thiên tai giúp ta xác định khả năng xuất hiện, mức độ thường xuyên, phạm vi và thời gian của các rủi ro, hiểm họa thiên tai khác nhau có thể xảy ra gây tác động đến "các yếu tố chịu rủi ro" *(gồm con người, tổ chức gia đình và cộng đồng, các phương tiện, dịch vụ, phương thức kiếm sống và các hoạt động kinh tế...)* và gây thiệt hại cụ thể.

Đánh giá khả năng rủi ro, hiểm họa thiên tai có thể được thực hiện bằng nhiều cách tùy thuộc vào các dữ liệu sẵn có. Các thông tin thu thập được nên được trình bày một cách khoa học và dễ hiểu nhất. Có thể trình bày bằng các bảng biểu hoặc trên bản đồ, hệ thống thông tin địa lý (GIS). Các Bản đồ có thể trình bày thông tin và phân bổ thông tin dễ hiểu nhất. Chẳng hạn như các khu vực bị lũ, lụt nặng có thể tô màu đậm và sáng để phân biệt với các vùng khác. (*Các bảng biểu, bản đồ sau khi được lập nên đính kèm ở phần Phụ lục của Kê họach PCLB – TKCN).*

Các dữ liệu sau có thể suy ra được từ đánh giá rủi ro, hiểm họa thiên tai:

- Lịch sử của các loại hiểm họa thiên tai ;
- Nguyên nhân và tính mùa vụ của lũ, bão, sạt lở, cháy rừng,..;
- Tần suất lũ, bão, đỉnh lũ;
- Tác động của các hiểm họa thiên tai;
- Dự báo kịch bản tương lai;
- Các hiểm họa thiên tai khác (mưa đá, sương muối, cháy rừng, giông, lốc, tai nạn chìm tàu trên biển do giông lốc…).

Bảng đánh giá hiểm họa thiên tai đơn giản

Hiểm hoạ	**Nguyên nhân**	**Dấu hiệu Cảnh báo**	**Tốc độ xảy ra**	**Tần xuất**	**Thời điểm xuất hiện**	**Thời gian kéo dài**
Lũ, lụt						
Bão						
Triều cường						
Hạn hán						

Sạt lở đất						
Cháy rừng						

(2) Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương:

Tình trạng dễ bị tổn thương (DBTT) là một loạt các điều kiện tác động bất lợi tới khả năng của một cá nhân, hộ gia đình hay một cộng đồng trong việc ngăn chặn, giảm nhẹ, phòng ngừa hoặc ứng phó với một hiểm hoạ thiên tai.

Là quá trình các thành viên trong cộng đồng tham gia xác định các yếu tố chịu rủi ro đối với mỗi loại hiểm họa thiên tai và phân tích nguyên nhân sâu xa làm cho những yếu tố đó bị chịu rủi ro thiên tai.

Trong quá trình đánh giá DBTT, chúng ta cần chú ý tình trạng dễ bị tổn thương của một cộng đồng bắt nguồn từ các quá trình kinh tế, chính trị, các nguyên nhân sâu xa có thể ở rất xa so với bản thân sự kiện thảm họa thiên tai dẫn đến tình trạng DBTT. Các điều kiện không an toàn cần phản ảnh 3 mặt của tình trạng DBTT (tổn thương về vật chất, về mặt xã hội - tổ chức và về thái độ động cơ). Cần chú ý hơn đến sự khác nhau về tình trạng dễ bị tổn thương giữa nam giới và phụ nữ, giữa người giàu và người nghèo, người cao tuổi và người trẻ...

Có thể phân loại tình trạng dễ bị tổn thương thành các loại như sau:

Dễ bị tổn thương về vật chất:

- Cộng đồng dân cư, nhà cửa, đất canh tác, cơ sở hạ tầng và các dịch vụ cơ bản, vv,... xây dựng tại các vùng thường bị ảnh hưởng của thiên tai/thảm hoạ;
- Thiếu các phương tiện sản xuất (đất đai, vật nuôi, cây trồng...);
- Thường xuyên thiếu lương thực.
- Thiếu các dịch vụ cơ bản như: giáo dục, y tế, nước sinh hoạt, thông tin liên lạc, đường giao thông, nhà cửa...

Dễ bị tổn thương về mặt xã hội - tổ chức, gồm:

- Các mối quan hệ gia đình, họ hàng lỏng lẻo; thiếu bình đẳng trong sự tham gia vào các công việc của cộng đồng; chia rẽ hoặc có sự xung đột vì lý do sắc tộc, địa vị xã hội, tôn giáo; người dân ít có cơ hội tham gia các hoạt động do thói quen hay tập tục; hay thiếu các tổ chức, đoàn thể quần chúng tại cộng đồng hay có nhưng hoạt động kém hiệu quả; vv…

Dễ bị tổn thương về thái độ, động cơ, gồm:

- Có tư tưởng thụ động, bi quan, phụ thuộc; thiếu sự đoàn kết, hợp tác, thống nhất; hệ tư tưởng / tín ngưỡng mang tính tiêu cực; vv…
- Các thông tin thu thập được trong quá trình đánh giá tình trạng DBTT đối với các đối tượng khác nhau nên tổng hợp thành dạng bảng, biểu cho khoa học và thuận tiện cho việc nhận xét, đánh giá.

(3) Đánh giá khả năng nguồn lực có sẵn và năng lực phòng ngừa của địa phương:

Trái lại với tình trạng dễ bị tổn thương, khả năng về nguồn lực là các nguồn lực có sẵn; các kỹ năng, kiến thức, phương tiện và sức mạnh tồn tại trong các hộ gia đình và các cộng đồng giúp họ có thể chịu đựng, phòng ngừa, đối phó, giảm nhẹ hoặc nhanh chóng khắc phục một thảm họa thiên tai.

Đánh giá khả năng về nguồn lực là quá trình tìm hiểu, phân tích nhằm xác định xem các cộng đồng và chính quyền đã có sẵn những nguồn lực nào để có thể giúp họ trong việc ứng phó, khắc phục hậu quả và giảm nhẹ tác động gây hại của các hiểm họa thiên tai và để đảm bảo các nguồn sinh kế của họ.

Đánh giá khả năng về nguồn lực là một bước quan trọng trong lựa chọn các chiến lược giảm nhẹ rủi ro thiên tai và nâng cao năng lực của cộng đồng. Nếu bỏ qua nó, chúng ta sẽ rất dễ gặp phải sai lầm trong việc thiết kế các chương trình giảm nhẹ rủi ro thiên tai, gây lãng phí các nguồn lực hỗ trợ từ bên ngoài, làm cho ý thức tự đối phó của cộng đồng kém đi, khi đó sẽ làm tăng tình trạng dễ bị tổn thương.

Đánh giá nguồn lực về con người:

Đánh giá nguồn lực về con người là một trong những khâu quan trọng nhất, bởi phần lớn mọi sự thành công và thất bại trong các công tác phòng chống lụt bão chủ yếu là yếu tố con người quyết định. Trong quá trình đánh giá nguồn lực về con người, người lập kế hoạch phải tìm hiểu, phân tích và xác định cho được những nguồn lực về con người cụ thể nào có thể huy động tham gia vào các công việc trong cả ba giai đoạn (trước, trong và sau thiên tai). Những nguồn lực về con người chủ yếu, có thể bao gồm:

- Số lượng tình nguyện viên chữ thập đỏ ở tỉnh/huyện hiện có?
- Các tổ chức tham gia vào công tác phòng chống và giảm nhẹ thiên tai (Hội liên hiệp phụ nữ, Liên hiệp thanh niên, Mặt trận tổ quốc Việt Nam,…)?
- Các đội, tổ Tìm kiếm cứu nạn hiện có, số lượng đã được tập huấn?
- Lực lượng vũ trang (quân đội, công an, dân quân) hiện có trên địa bàn của địa phương?
- Số lượng thanh niên xung kích tình nguyện hiện có trên địa bàn?
- Các đội ứng phó khẩn cấp với tình trạng thiên tai khẩn cấp (nếu có)?

- Các cơ quan Chính phủ, Chính quyền địa phương và các tổ chức phi Chính phủ đóng trên địa bàn địa phương?

Đánh giá về khả năng của các điểm tránh, trú lũ, bão:

Để đánh giá về khả năng của các điểm tránh, trú lũ, bão, người lập kế hoạch phải tìm hiểu, cập nhật số liệu, thống kê các dữ liệu từ các địa phương cơ sở và ban, ngành liên quan về số lượng nhà dân hiện có, phân loại nhà (kiên cố, bán kiên cố); các điểm di dân đã bố trí sẵn (số lượng, quy mô, điều kiện đảm bảo vệ sinh, ăn ở,…) và những cơ sở hạ tầng liên quan có thể phục vụ vào việc tránh lũ, bão. Những dữ liệu cần phải thống kê và xác định để đánh giá, có thể bao gồm:

- Tổng số nhà và khu vực an toàn để tránh, trú lũ, bão;
- Các cụm, tuyến dân cư vượt lũ hiện có và sắp hoàn thành;
- Địa điểm của các nhà và khu vực an tòan để tránh, trú lũ, bão;
- Các con đường đến các khu vực tránh trú lũ, bão…

Đánh giá về khả năng các phương tiện, trang thiết bị, vật tư, có sẵn để phục vụ công tác phòng chống lụt bão:

Đánh giá khả năng của các phương tiện, trang thiết bị, máy móc có sẵn để phục vụ công tác phòng chống lụt bão là một công việc rất cần thiết. Trong quá trình đánh giá, người lập kế hoạch phải tìm hiểu, thống kê và xác định rõ về những phương tiện, trang thiết bị, vật tư , hàng hóa; và lương thực, nhu yếu phẩm thiết yếu dự phòng có sẵn ở các mặt (số lượng, nhãn hiệu, chủng loại, chất lượng, địa điểm) trong cộng đồng có khả năng bị thiệt hại do thiên tai mà chính quyền và cộng đồng có thể huy động , tận dụng những nguồn lực sẵn có ấy để ứng phó, khắc phục hậu quả và khôi phục lại cuộc sống sau thiên tai, hoặc để có thể giúp họ vượt qua những khó khăn trong và sau thiên tai.

Đánh giá về khả năng của những phương tiện, trang thiết bị, vật tư, hàng hóa; và lương thực, nhu yếu phẩm thiết yếu dự phòng có sẵn trong cộng đồng để phục vụ công tác phòng chống lụt bão, tùy vào đặc điểm của mỗi địa phương và có thể bao gồm các hạng mục đánh giá chủ yếu sau:

<u>Đánh giá khả năng về phương tiện giao thông:</u>

Những số liệu cần phải được cập nhật, thống kê, phân tích và đánh giá, có thể bao gồm:

- Số lượng tàu, thuyền, xà lan, cano, ghe, xuồng các loại (của cơ quan và tư nhân; loại tàu, thuyền) hiện có trong cộng đồng và số lượng dự trữ trong kho;
- Số lượng xe ô tô chở người các loại hiện có và có thể huy động phục vụ công tác phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứ nạn trên địa bàn;

- Số lượng xe tải và xe chuyên dụng (xe cẩu, xe nâng, máy ủi, xe kéo…), xe vận chuyển trang thiết bị nặng, cồng kềnh hiện có trong cộng và có thể huy động vào việc ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai hiện có;

Đánh giá khả năng về phương tiện thông tin liên lạc:

Những số liệu cần phải được cập nhật, thống kê, phân tích và đánh giá, có thể bao gồm:

- Số lượng và khả năng phục vụ của hệ thống máy fax, điện thọai các lọai hiện có;
- Số lượng và khả năng phục vụ của hệ thống điện thọai vệ tinh và bộ đàm…;
- Hệ thống dịch vụ điện thọai di động trên địa bàn: số lượng, tình trạng phủ sóng hiện tại;
- Khả năng truy cập của mạng INTERNET;…

Đánh giá khả năng của các công trình phòng chống lụt bão:

Những số liệu cần phải được cập nhật, thống kê, phân tích và đánh giá, có thể bao gồm:

- Cụm, tuyến dân cư vượt lũ: số lượng cụm tuyến đã và sẽ hoàn thành, số hộ đã và sẽ chuyển vào sinh sống ổn định ở các cụm, tuyến trước mùa lũ, bão...;
- Hệ thống các công trình phòng chống lụt, bão: số lượng km kênh mương, đê biển, đê sông, kè, đập, tràn, cống, bọng tiêu thoát lũ, ngăn mặn, dẫn ngọt đã và đang được triển khai, tiến độ xây dựng, khả năng chống chịu với lũ, bão;
- Nhà hoặc công trình tránh, trú bão: số lượng, quy mô và khả năng của các công trình đã và đang xây dựng , có thể đưa vào hoạt động trong mùa mưa, bão tới;
- Các hạng mục công trình phòng chống lụt bão cụ thể khác đã và đang được xây dựng có thể đưa vào hoạt động, trong mùa lũ, bão tới: số lượng, quy mô, khả năng chống chịu với lũ, bão…

Đánh giá khả năng đáp ứng về y tế:

Những số liệu cần phải được cập nhật, thống kê, phân tích và đánh giá, có thể bao gồm:

- Hệ thống bệnh viện và Cơ sở y tế hiện có trên địa bàn: số lượng, quy mô, khả năng phục vụ;
- Lực lượng bác sỹ, y tá, nhân viên y tế các loại có trên địa bàn: số lượng, chất lượng, khả năng phục vụ ;

- Xe cứu thương, thuyền y tế lưu động , cano cấp cứu…: số lượng, nhãn hiệu, chất lượng và khả năng phục vụ;
- Hoạt động của các đội, tổ y tế lưu động trong mùa lũ, bão: số lượng có thể huy động, khả năng phục vụ;
- Các loại thuốc chữa bệnh thiết yếu dự phòng cho mùa lũ, bão: số lượng dự phòng, khả năng huy động thêm (nếu cần)…

Đánh giá khả năng đáp ứng về vật tư, hàng hóa dự trữ cho công tác chống lụt bão:

Những số liệu cần phải được cập nhật, thống kê, phân tích và đánh giá, có thể bao gồm:

- Địa điểm và năng lực dự trữ các lọai hàng hóa, vật tư hiện có;
- Số lượng vật tư, hàng hóa thiết yếu dự trữ (gạo, mì tôm, muối, xăng, dầu, đèn cầy, viên lọc nước, thuốc tiêu độc, khử trùng…) hiện có và có thể huy động thêm (nếu cần);
- Số lượng tre, cừ tràm, gỗ, bao tải cát, đất, sắt, thép, xi măng ,… dự trữ hiện có và khả năng huy động thêm (nếu cần);
- Số lượng máy phát điện mini, máy bơm nước hiện có trong cộng đồng và dự trữ trong kho;
- Số lượng áo phao, phao cứu sinh, tăng, võng, nhà bạt, áo mưa, đèn pin, can nhựa các lọai;
- Số lượng dụng cụ, thiết bị dự trữ (cuốc, xẻng, búa chim, cưa máy, cưa tay, dao rựa….);

Đánh giá khả năng đáp ứng về tài chính:

Những số liệu cần phải được cập nhật, thống kê, phân tích và đánh giá, có thể bao gồm:

- Xác định nguồn ngân sách và số lượng kinh phí được bố trí cho công tác phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai trong năm tới:
    - Nguồn ngân sách từ Trung ương đã bố trí sẵn;
    - Nguồn ngân sách từ địa phương đã bố trí sẵn;
    - Nguồn kinh phí từ sự đóng góp của các doanh nghiệp và cộng đồng (quỹ phòng chống thiên tai…);
    - Nguồn tài trợ từ các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước;
    - Nguồn kinh phí từ các khoản vay trong nước và ngoài nước;
    - Các khoản kinh phí dự phòng (Trung ương và địa phương);
    - Dự kiến khả năng huy động kinh phí thêm từ các nguồn khác;

- Kế hoạch phân bổ kinh phí cho các dự án, hoạt động cụ thể: số lượng, thời gian, tiến độ giải ngân, từ nguồn kinh phí nào;

c) <u>Các biện pháp chuẩn bị phòng, chống lụt, bão:</u>

Để chủ động phòng ngừa và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra trong năm tới, đồng thời với việc đánh giá nguồn lực có sẵn và năng lực phòng ngừa của địa phương, chính quyền địa phương các cấp và cộng đồng phải xây dựng một kế hoạch cụ thể về các biện pháp phi công trình và công trình cho năm tới để khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện. Đây là một công việc rất quan trọng và cần thiết. Nếu chuẩn bị kế hoạch không tốt, khi thiên tai xảy ra sẽ rất lúng túng, bị động trong việc triển khai ứng phó, không lường trước được các thiệt hại có thể xảy ra, công tác khắc phục hậu quả sẽ kém hiệu quả, kéo dài và hậu quả là không giảm nhẹ được thiệt hại do thiên tai gây ra.

Kế hoạch chuẩn bị phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai năm tới thể hiện cụ thể, rõ nét ở những biện phi công trình và công trình mà địa phương đang và sẽ triển khai thực hiện. Vì vậy, để xây dựng kế hoạch, người lập kế hoạch phải tìm hiểu, cập nhật, thống kê, phân tích và đề xuất được những hạng mục cụ thể về các biện pháp phi công trình và công trình cần phải triển khai thực hiện; thời gian, địa điểm, biện pháp triển khai, tiến độ thực hiện, nguồn kinh phí để thực hiện cho mỗi hạng mục công trình.

Tùy vào đặc điểm của mỗi địa phương, kế hoạch triển khai thực hiện các hạng mục phi công trình và công trình để chuẩn bị cho công tác phòng, chống lụt, bão, giảm nhẹ thiên tai năm tới có thể bao gồm các hạng mục chủ yếu sau:

(1) Các biện pháp phi công trình:

Căn cứ vào nhận định về tình hình thiên tai trong năm tới, kết quả đánh giá khả năng nguồn lực có sẵn của địa phương, và căn cứ vào nhiệm vụ, mục tiêu của công tác phòng chống lụt bão trong giai đoạn trước thiên tai, người lập kế hoạch nghiên cứu, phân tích, thống kê và đề xuất các biện pháp phi công trình cần phải triển khai thực hiện. Các biện pháp phi công trình cần phải được lập kế hoạch và tổ chức thực hiện, có thể bao gồm:

- Kế hoạch tập huấn nâng cao nhận thức cộng đồng, tăng cường năng lực cho cán bộ quản lý thiên tai (số lượng học viên, thời gian học, nội dung học, nguồn kinh phí, kết quả mong đợi);
- Kế hoạch mở các lớp dạy bơi lội cho trẻ em vùng lũ, tập huấn cô nuôi dạy trẻ (số lượng lớp dự kiến mở, số lượng học viên tham gia, độ tuổi, nguồn kinh phí, nội dung học, kết quả mong đợi);
- Kế hoạch tổ chức các điểm giữ trẻ tập trung vùng lũ (số lượng điểm đang duy trì và sẽ thành lập, số lượng trẻ tham gia, độ tuổi, nguồn kinh phí, kết quả mong đợi);

- Kế hoạch tập huấn phòng tránh bão và tai nạn trên biển cho ngư dân ((số lượng lớp dự kiến mở, số lượng học viên tham gia, độ tuổi, nguồn kinh phí, nội dung học, kết quả mong đợi);
- Kế hoạch xây dựng, lắp đặt các biển cảnh báo thiên tai (biển cảnh báo lũ, bão, sạt lở,…) ở các khu vực xung yếu (số lượng, địa điểm, tiến độ, thời gian, nguồn kinh phí);
- Kế hoạch tập huấn tăng cường năng lực về công tác dự báo, cảnh báo thiên tai, thông tin liên lạc cho cán bộ làm công tác dự báo và quản lý thiên tai (số lượng học viên, thời gian học, nội dung học, nguồn kinh phí, kêt quả mong đợi);
- Kế hoạch tổ chức các cuộc diễn tập phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn trong năm tới (địa điểm, nội dung diễn tập, thời gian diễn tập, nguồn kinh phí, kết quả mong đợi);
- Kế hoạch thành lập các tổ, đội xung kích tìm kiếm cứu nạn để đưa vào hoạt động trong mùa lũ, bão (số lượng tổ, đội, số lượng thành viên, kế hoạch tập huấn, nguồn kinh phí);
- Kế hoạch di dời dân ở những vùng ngập sâu, ở những khu vực sạt lở bờ sông, bờ biển đang diễn ra nghiêm trọng (số hộ phải di dời, số hộ phải di dời khẩn cấp, thời gian, địa điểm di dời, nơi di dời đến, nguồn kinh phí);
- Số lượng các bản đồ, biển cảnh báo phục vụ phục vụ công tác phòng chống lụt bão phải hoàn tất xây dựng (bản đồ phân vùng hiểm họa, bản đồ những khu vực xung yếu, bản đồ hiện trạng về dân cư, cơ sở hạ tầng, ai thực hiện, thời gian, nguồn kinh phí);
- Kế hoạch chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi, cơ cấu mùa vụ ở những khu vực thiên tai thường xảy ra (loại vật nuôi, cây trồng, diện tích, địa điểm, nguồn kinh phí);
- Kế hoạch trồng rừng phòng hộ ven biển và đầu nguồn (diên tích, địa điểm, loại cây sẽ trồng, nguồn kinh phí);
- Kế hoạch chuẩn bị phòng ngừa, giảm nhẹ thiên tai theo phương châm " bốn tại chỗ": chuẩn bị sẵn lực lượng, các loại phương tiện, vật tư, nhiên liệu, lương thực, nhu yêu phẩm thiết yếu, thuốc chữa bệnh…). Người lập kế hoạch cần phải lập bảng danh mục về các nhu cầu và kế hoạch chuẩn bị, dự trữ cụ thể, chi tiết đối với từng loại "tại chỗ" nêu trên, làm cơ sở cho việc kiểm tra công tác chuẩn bị PCLB trước mùa mưa bão chính vụ;
- Kế hoạch thực hiện các mặt công tác khác (tùy thuộc vào đặc điểm của từng địa phương);

- Kế hoạch tìm kiếm cứu nạn trên biển, trên đất liền (phối hợp với Ban chỉ huy tìm kiếm cứu nạn tỉnh /huyện để thực hiện và tóm tắt đưa vào kế hoạch PCLB của địa phương);

(2) Các biện pháp công trình:

Căn cứ vào nhận định về tình hình thiên tai trong năm tới, kết quả đánh giá khả năng nguồn lực có sẵn của địa phương; kế hoạch và tiến độ thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống và Giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020, và nhiệm vụ, mục tiêu của công tác phòng chống lụt bão trong giai đoạn trước thiên tai của địa phương, người lập kế hoạch tiến hành nghiên cứu, phân tích, thống kê và đề xuất các biện pháp công trình cần phải triển khai thực hiện. Các biện pháp công trình cần phải được lập kế hoạch và tổ chức thực hiện, có thể bao gồm:

- Kế hoạch xây dựng cụm, tuyến dân cư vượt lũ (số lượng cụm, tiến độ thực hiện; số lượng cụm, tuyến sẽ hoàn tất công việc tôn nền và xây dựng cơ sở hạ tầng; số căn nhà sẽ được xây dựng, số hộ sẽ chuyển vào sinh sống ổn định ở các cụm, tuyến trước mùa mưa, bão chính vụ; nguồn kinh phí thực hiện..);
- Kế hoach xây dựng, nâng cấp, bảo dưỡng các công trình phòng chống lụt, bão (số lượng km kênh mương, đê biển, đê sông, kè, đập, tràn, cống, bọng tiêu thoát lũ, ngăn mặn, dẫn ngọt đang và sẽ triển khai thực hiện, địa điểm, thời gian, nguồn kinh phí, tiến độ xây dựng);
- Kế hoạch xây dựng nhà tránh bão, công trình trú bão, khu neo đậu tàu thuyền tránh bão (số lượng đang và sẽ xây dựng đưa vào sử dụng trước mùa lũ, bão chính vụ, địa điểm, nguồn kinh phí, thời gian đưa vào hoạt động);
- Kế hoạch xây dựng các hạng mục công trình phòng chống lụt bãi cụ thể khác sẽ được xây dựng để đưa vào hoạt động trước mùa lũ, bão chính vụ tới (số lượng, địa điểm, nguồn kinh phí, thời gian đưa vào hoạt động)…;

- ***Giai đoạn trong mùa mưa bão:***

a) <u>Xác định nhiệm vụ:</u>

Nhiệm vụ trong giai đoạn này là ***triển khai thực hiện các hoạt động khẩn cấp trong suốt quá trình lũ, bão diễn ra*** để giảm thiểu các ảnh hưởng tiêu cực của nó, bao gồm hai nhiệm vụ chính là: triển khai các hoạt động ứng phó khẩn cấp với thiên tai và công tác hậu cần. Kết quả của công tác ứng phó khẩn cấp với thiên tai phụ thuộc vào việc xác định rõ vai trò, trách nhiệm và triển khai thực thi với tinh thần trách nhiệm cao nhất, hoàn thành các nhiệm vụ đã được phân công cụ thể đối với từng cơ quan, cá nhân, tổ chức như trong kế hoạch ở giai đoạn đầu và kế hoạch bổ sung ở giai đoạn hai (nếu có) trong suốt thời gian lũ, bão xảy ra.

b) <u>Các giải pháp thực hiện:</u>

Để triển khai các hoạt động ứng phó khẩn cấp với thiên tai và đảm bảo công tác hậu cần trong suốt quá trình lũ, bão diễn ra, trong kế hoạch phòng chống lụt bão cần phải xây dựng được một loạt các giải pháp thực hiện khẩn cấp có tính khả thi cao.

Trong quá trình xây dựng các giải pháp, phải bám sát các yêu cầu, nhiệm vụ của giai đoạn (trong thiên tai) đã được xác định. Đồng thời, căn cứ vào kết quả đánh giá, thống kê nguồn lực sẵn có và năng lực phòng ngừa của địa phương, người lập kế hoạch nghiên cứu, phân tích, xây dựng và đề xuất những giải pháp để triển khai khẩn cấp trong giai đoạn ứng phó khẩn cấp với thiên tai. Các giải pháp chính của giai đoạn ứng phó khẩn cấp với thiên tai phải có cơ sở khoa học và đặc biệt là phải có khả năng triển khai nhanh nhất, mang lại hiệu quả sớm nhất mới có thể hạn chế các tác hại của thiên tai. Tùy theo đặc điểm của từng địa phương, các giải pháp trong giai đoạn này có thể ít nhiều khác nhau, nhưng chủ yếu có thể bao gồm các giải pháp chủ yếu sau:

(1) Rà soát và triển khai các phương án di dời tránh lũ, bão:

Căn cứ tình hình diễn biến của lũ, bão, cơ quan quản lý thiên tai ở địa phương tham mưu cho chính quyền địa phương chỉ đạo các địa phương và cơ quan đã được giao nhiệm vụ triển khai thực hiện các công việc cấp bách như:

- Rà soát, bổ sung gấp các phương án di dời tránh lũ, bão cho phù hợp với diễn biến của thiên tai;
- Khẩn trương triển khai các phương án di dời mới được bổ sung và phê duyệt;
- Chuẩn bị sẵn sàng danh sách cho việc phát lệnh huy động các phương tiện giao thông (xe ô tô các loại, tàu, thuyền, cano, ghe, xuồng…) để phục vụ việc di dời người và tài sản đến các khu vực an toàn theo phương án vừa được bổ sung;

(2) Kiểm tra công tác quản lý, đảm bảo an toàn di dời dân:

Căn cứ vào diễn biến của lũ, bão; đồng thời, căn cứ vào kết quả đánh giá, thống kê nguồn lực sẵn có của địa phương, chính quyền địa phương chỉ đạo các địa phương và cơ quan đã được phân công nhiệm vụ triển khai thực hiện các công việc cấp bách như:

- Kiểm tra việc đảm bảo an toàn tại các điểm di dời dân đến;
- Bố trí lực lượng bảo vệ, duy trì trật tự an tòan ở các điểm di dời;
- Chuẩn bị sẵn sàng nước uống, nước sinh hoạt tối thiểu và bố trí nơi ăn nghỉ, vệ sinh cá nhân ở các điểm sẽ di dời dân đến.

(3) Thiết lập hệ thống thống tin liên lạc khẩn cấp:

Trên cơ sở kết quả đánh giá nguồn lực sẵn có của địa phương về hệ thống thông tin liên lạc, để đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt trong suốt thời gian ứng phó khẩn cấp

với thiên tai, cần phải có một giải pháp về thông tin liên lạc thích hợp mới có thể đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Giải pháp này, có thể bao gồm các công việc cấp bách như:

- Thiết lập một hệ thống thông tin liên lạc khẩn cấp để ứng phó với lũ, bão;
- Chuyển kịp thời các bản tin dự báo, cảnh báo lũ, bão đến các địa phương vùng có nguy cơ ảnh hưởng và các cơ quan có liên quan;
- Thu thập, tổng hợp số liệu, lập các báo cáo gửi kịp thời đến các cơ quan có liên quan (báo cáo nhanh, báo cáo ngày, báo cáo tuần, báo cáo đợt về tình hình thiệt hại, đánh giá thiệt hại, đánh giá nhu cầu cứu trợ, khắc phục hậu quả…)

(4) Triển khai công tác đảm bảo y tế (bao gồm cả y tế công và tư)

Căn cứ vào các thông tin thu thập được từ việc đánh giá nguồn lực sẵn có của địa phương về công tác đảm bảo y tế, người lập kế hoạch phòng chống lụt bão nghiên cứu, phân tích và đề xuất giải pháp đảm bảo y tế cho giai đoạn ứng phó khẩn cấp với thiên tai, có thể bao gồm các công việc chủ yếu sau:

- Huy động và thành lập khẩn cấp các đội y tế lưu động ứng phó khẩn cấp;
- Thông báo rộng rãi đến cộng đồng địa phương vùng bị ảnh hưởng thiên tai biết các điểm khám, chữa bệnh khẩn cấp.

(5) Triển khai công tác sửa chữa, khôi phục khẩn cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu:

Căn cứ vào các thông tin, kết quả thu được trong việc đánh giá khả năng rủi ro, hiểm họa thiên tai, tình trạng dễ bị tổn thương của địa phương trong năm tới, và khả năng diễn biến thiên tai, tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra, người lập kế hoạch phòng chống lụt bão nghiên cứu, phân tích và đề xuất giải pháp sẵn sàng huy động lực lượng, phương tiện, vật tư để sửa chữa, khôi phục khẩn cấp các cơ sở hạ tầng thiết yếu, có thể bao gồm các công việc chủ yếu sau:

- Khẩn trương tổ chức sửa chữa khôi phục hệ thống đê biển, đê sông, các con đập, đê bao, bảo vệ dân cư và sản xuất vừa bị thiên tai tàn phá;
- Nhanh chóng sửa chữa, khôi phục, sửa hệ thống cầu, phà, đường giao thông huyết mạch bị vừa bị thiên tai làm hư hỏng để đảm bảo giao thông không bị gián đoạn.

(6) Huy động và quản lý lực lượng tình nguyện:

Căn cứ vào tình hình diễn biến của thiên tai và những thông tin thu được từ kết quả đánh giá nguồn lực sẵn có của địa phương, Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh/ huyện tham mưu cho chính quyền địa phương ra lệnh triệu tập các tình nguyện viên đã đăng ký và cả (số người cần huy động mới), tổ chức thành các đội,

nhóm theo phương án đã lập để triển khai các nhiệm vụ ứng phó, tìm kiếm cúu nạn, cứu trợ khẩn cấp.

(7) Kiểm tra, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra:

Công tác kiểm tra, đánh giá thiệt hại trong giai đoạn này đòi hỏi phải tiến hành thật khẩn trương các công việc, gồm: thu thập, thống kê và phân tích nhanh các thông tin về tình hình thiệt hại do thiên tai vừa gây ra đối với con người, tài sản, đời sống kinh tế xã hội và môi trường.

Đánh giá nhanh tình hình thiệt hại, giúp chúng ta xác định được mức độ, phạm vi ảnh hưởng ban đầu của thiên tai đối với con người, tài sản, đời sống kinh tế và môi trường tại địa bàn xảy ra thiên tai. Từ đó đề xuất các phương án khắc phục hậu quả, cứu trợ khẩn cấp trước mắt phù hợp, làm giảm nhẹ mức độ thiệt hại về cơ sở hạ tầng, hạn chế được số người chết, bị thương; giảm bớt các khó khăn, đau khổ do thiên tai gây ra đối với cộng đồng; và tạo cơ sở cho việc khôi phục tái thiết tiếp theo.

Để đánh giá nhanh thiệt hại do thiên tai gây ra, cần tiến hành những công việc cụ thể như:

- Căn cứ vào tình hình diễn biến của thiên tai và những thông tin thu được từ kết quả đánh giá nguồn lực sẵn có của địa phương, Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh/ huyện tham mưu cho chính quyền địa phương triệu tập khẩn cấp các nhân viên đánh giá thiên tai đã được tập huấn và tổ chức triển khai ngay các tổ, đội kiểm tra đánh giá thiệt hại và nhu cầu cứu trợ khẩn cấp ở các khu vực xảy ra thiên tai;
- Báo cáo ngay sự kiện thiên tai lên cấp có thẩm quyền về diễn biến và vùng ảnh hưởng của thiên tai tại địa phương trước khi thu thập số liệu thiệt hại;
- Thu thập số liệu thiệt hại thông qua chính quyền cấp cơ sở và các trưởng đoàn công tác được cử về địa phương (nếu có) và thu thập từ báo cáo của các cấp;
- Phân tích số liệu đã thu thập được trên cơ sở các số liệu đã thu thập được trước thiên tai để xác định tính trung thực của số liệu;
- Lập báo cáo về tình hình thiệt hại, nhu cầu cứu trợ khẩn cấp và đề xuất biện pháp khắc phục (theo biểu mẫu báo cáo nhanh đã quy định) gửi lên cấp có thẩm quyền.

(8) Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn:

Công tác tìm kiếm cứu nạn (TKCN) trong giai đoạn này đặc biệt quan trọng. Nó quyết định kết quả giảm nhẹ về mức độ thiệt hại do thiên tai gây (thiệt hại về người, tài sản và cơ sở hạ tầng...) ngay trong khi thiên tai đang xảy ra. Nếu triển khai việc tìm kiếm cứu nạn chậm, hoặc không đáp ứng đủ lực lượng, phương tiện, thiết bị, vật tư để ứng cứu giờ đầu thì không những không giảm bớt được thiệt hại do thiên tai gây ra mà còn dẫn

đến làm hao tổn, lãng phí thêm nhiều nguồn lực vào công việc khắc phục hậu quả và tái thiết sau thiên tai.

Để triển khai khẩn cấp, có hiệu quả công việc tìm kiếm cứu nạn trong giai đoạn này, cần xây dựng kế hoạch TKCN chi tiết và có sự chuẩn bị đầy đủ nguồn lực dự phòng cho công tác này. Khi có thiên tai xảy đến, tùy thuộc vào tình huống, diễn biến và mức độ ác liệt của thiên tai, chính quyền địa phương có thể ra lệnh triển khai cấp bách các công việc chủ yếu sau:

- Triệu tập và triển khai khẩn cấp các tổ, đội tìm kiếm cứu nạn, phân công chỉ huy, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên;
- Thiết lập các chốt tìm kiếm cứu nạn ở các vị trí xung yếu, dễ bị tổn thương ở các khu vực có thiên tai đã và đang xảy ra và các khu vực sẽ bị ảnh hưởng tới (ở các khu vực nước chảy xiết trên các sông, rạch, nơi đông người, nơi có mật độ giao thông đông đúc, nơi có nguy cơ bão sẽ đổ bộ, nước lũ sẽ dâng cao, ngập úng sâu, nơi các tuyến đê bảo vệ dân cư, sản xuất có nguy cơ bị vỡ…);
- Huy động các phương tiện, vật tư đã tại chỗ và ra lệnh xuất từ nguồn dự phòng của địa phương đã chuẩn bị theo phương án "4 tại chỗ", đồng thời kiến nghị Trung ương hỗ trợ (tùy thuộc nhu cầu thực tế) để trang bị và phục vụ kịp thời cho công tác cứu hộ, cứu nạn, có thể bao gồm:
    - Về phương tiện, thiết bị: tàu, thuyền, ghe máy, cano, áo phao, phao cứu sinh, thuyền cao su, xe ô tô chở người, xe tải, xe nâng, xe cẩu, xe xúc, xe ủi, xe chuyên dụng, cuốc, xẻng, cưa tay,cưa máy, máy phát điện, máy bơm nước…;
    - Vật tư: can nhựa, áo bạt, tấm nilông, đèn pin, dây thừng, bao tải các loại, cát, đất, đá, xi măng, phên tre, cừ tràm, tấm lợp…

(9) Triển khai công tác cứu trợ khẩn cấp:

Công tác cứu trợ khẩn cấp là một trong những hoạt động ứng phó khẩn cấp quan trong trong thiên tai nhằm đảm bảo tốt nhất lượng lương thực cơ bản cần thiết cho cộng đồng trong lúc khó khăn nhất; cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu để có thể tránh sự xuất hiện và của lây lan các dịch bệnh không lường trước được tại những khu vực sơ tán và các vùng lân cận; bố trí nơi ở tạm, cung cấp nước sạch và an toàn vệ sinh cho sinh hoạt chung của cộng đồng;…

Xây dựng kế hoạch và thực hiện tốt việc cứu trợ khẩn cấp sẽ giảm bớt được các khó khăn, đau khổ, bệnh tật do thiên tai gây ra đối với cộng đồng vùng bị thiên tai. Những hoạt động cần được triển khai khẩn cấp trong giai đoạn này, bao gồm:

- Phân tích, chọn lựa nhanh đối tượng cần ưu tiên cứu trợ khẩn cấp (hộ nghèo, khó khăn, neo đơn, gia đình chính sách…);

- Tổ chức phân phát hàng cứu trợ;
- Thiết lập một hệ thống để tiếp nhận sự yêu cầu cứu trợ và những khiếu nại của nhân dân.

(10) Phối hợp triển khai các hoạt động ứng phó:

Để ứng phó kịp thời và có hiệu quả với các tình huống khẩn cấp trong khi thiên tai đang diễn ra, đòi hỏi phải có sự phối hợp hoạt động của tất cả các lực lượng, cơ quan, ban ngành, tổ chức đóng trên địa bàn của địa phương. Theo sự phân công nhiệm vụ trong công tác phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn, mỗi cơ quan, ban ngành, tổ chức đều có nghĩa vụ và trách nhiệm cụ thể đối với lĩnh vực công tác mà mình đảm trách. Ngoài ra, phải chấp hành sự huy động của chính quyền trong việc phối hợp thực hiện các nhiệm vụ ứng phó khẩn cấp với thiên tai ở các lĩnh vực khác khi cần thiết. Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn các cấp là đầu mối và cần được giao nhiệm vụ là cơ quan điều phối tất cả các hoạt động liên quan đến ứng phó khẩn cấp với các tình huống thiên tai.

- ***Giai đoạn sau mùa mưa bão:***

a) <u>Xác định nhiệm vụ:</u>

Nhiệm vụ trước mắt của giai đọan này là thực hiện các hoạt động nhằm mục đích sửa chữa, khôi phục lại nhà cửa, sản xuất, cơ sở hạ tầng đã bị thiên tai tàn phá, giúp nhân dân vùng bị thiên tai nhanh chóng ổn định đời sống sinh hoạt và sản xuất thường ngày. Đồng thời, phải tiến hành rà xét, điều chỉnh, lồng ghép việc tái thiết sau thiên tai với các quy hoạch xây dựng và phát triển của địa phương để thích ứng với diễn biến của thiên tai trong tương lai.

b) <u>Các giải pháp thực hiện:</u>

Quá trình khắc phục hậu quả và tái thiết sau thiên tai bao gồm khối lượng công việc lớn và phức tạp, sẽ có nhiều vấn đề phát sinh, nhiều vấn đề cần thiết phải thay đổi so với kế hoạch phát triển ban đầu của địa phương.

Về cơ bản, một số hoạt động sau thường hay được tổ chức thực hiện cho giai đoạn này, bao gồm:

- Đánh giá thiệt hại phục vụ công tác khắc phục hậu quả;
- Tiếp tục công tác cứu trợ sau thiên tai;
- Xử lý và khắc phục các thiệt hại về sản xuất, dân sinh đảm bảo các điều kiện cơ bản cho phục hồi sản xuất và dân sinh; đồng thời tránh và giảm nhẹ thiệt hại đến mức thấp nhất nếu lũ, bão xảy ra ngay sau đó;
- Xử lý và khắc phục các thiệt hại về môi trường;

- Xử lý và khắc phục các sự cố, đồng thời củng cố các công trình phục vụ phòng chống lụt bão, các công trình phục vụ dân sinh và sản xuất;
- Xây dựng kế hoạch phục hồi ngắn hạn và kế hoạch tái thiết và phát triển trong tương lai.

(1) Đánh giá thiệt hại sau thiên tai:

Nhằm xác định mức độ, phạm vi ảnh hưởng tiêu cực của thiên tai đối với con người, tài sản và môi trường tại địa bàn xảy ra thiên tai từ đó đề xuất các phương án để khắc phục hậu quả.

- Nhiệm vụ của công tác đánh giá thiệt hại sau thiên tai là tiếp tục thu thập và hoàn thiện số liệu thiệt hại, phân tích, đánh giá và lập báo cáo cuối cùng để gửi lên cấp có thẩm quyền;
- Căn cứ vào mức độ thiệt hại của thiên tai đã thu thập, phân tích và đánh giá ở trên để quyết định việc cứu hộ, cứu trợ khẩn cấp cho khu vực bị ảnh hưởng và đề xuất các biện pháp phòng ngừa cho các đợt thiên tai tiếp theo.

Các yêu cầu trong đánh giá thiệt hại:

- Công tác đánh giá thiệt hại phải có cơ cấu tổ chức chặt chẽ từ cấp xã, ấp đến cấp huyện, tỉnh;
- Việc đánh giá thiệt hại phải được căn cứ vào tình hình thực tế tại khu vực bị ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng bởi thiên tai;
- Người làm công tác đánh giá thiệt hại cần được chuyên môn hoá, phải trung thực và phải có hiểu biết về lĩnh vực mình phụ trách;
- Biểu mẫu sử dụng trong việc thống kê thiệt hại phải đúng với qui định tại thông tư hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, không sử dụng tuỳ tiện *(tham khảo biểu mẫu đánh giá thiệt hại ở phần phụ lục của tài liệu)*.
- Đơn giá để tính giá trị thiệt hại phải được căn cứ vào biểu giá do cấp có thẩm quyền qui định tại thời điểm xảy ra thiên tai.

(2) Đánh giá nhu cầu tái thiết sau thiên tai:

Giai đoạn tái thiết – phục hồi được qui ước là khoảng thời gian từ khi chấm dứt giai đoạn khẩn cấp đến khi có các hoạt động phát triển thay thế. Giai đoạn tái thiết phục hồi là giai đoạn thực hiện các biện pháp can thiệp nhằm sửa chữa hoặc thay thế nhà cửa, hạ tầng cơ sở, hạ tầng xã hội đã bị thiệt hại để khôi phục lại hoàn toàn các dịch vụ và tiếp tục các hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội .

Đánh giá nhu cầu tái thiết sau thiên tai phải có phương pháp khoa học, trên cơ sở :

- Số liệu điều tra cơ bản về các lĩnh vực của người dân và cộng đồng trước thiên tai;
- Số liệu và kinh nghiệm đánh giá thiệt hai thiên tai của cơ quan quản lý thiên tai các cấp và các nhóm đánh giá độc lập, chuyên ngành;
- Dựa vào việc khảo sát nhu cầu của người dân và cộng đồng sau thiên tai;
- Về công cụ đánh giá, có thể sử dụng: Các danh mục khảo sát, phiếu điều tra hoặc các công cụ thảo luận nhóm, phỏng vấn, khảo sát theo lát cắt, v.v; Các kỹ năng: quan sát, lắng nghe, thăm dò, đặt câu hỏi;
- Về công cụ phân tích: khung phân tích giới, phân tích khả năng tại chỗ và tình trạng dễ bị tổn thương, lập kế hoạch lấy người dân làm trung tâm, sơ đồ cây vấn đề, công cụ thống kê;
- Về bảng biểu đánh giá: *(tham khảo biểu mẫu đánh giá thiệt hại ở phần phụ lục của tài liệu).*

Qua đó, phân tích và đưa ra nhận định một cách tương đối chính xác về nhu cầu phục hồi và tái thiết đối với hộ gia đình và người dân sau thảm hoạ cũng như biện pháp (giải pháp) tái thiết - phục hồi đối với từng lĩnh vực cụ thể một cách thiết thực.

(3) Tổ chức cứu trợ, ổn định đời sống sau thiên tai:

Công tác cứu trợ sau thiên tai được thực hiện sau những hoạt động cứu trợ ứng phó khẩn cấp trong thiên tai. Các hoạt động cứu trợ trong giai đoạn này được thực hiện một cách hệ thống, có nguyên tắc trên cơ sở có thời gian đánh giá đươc các lĩnh vực thiệt hại một cách tương đối đầy đủ hơn. Nhu cầu giai đoạn này đề cập đến việc đáp ứng tạm thời nhu cầu người dân về: lương thực, thực phẩm, nước sạch, chăm sóc sức khoẻ, đồ dùng thiết yếu, chất đốt, vệ sinh môi trường, ánh sáng, nhà ở, giáo dục, y tế và hỗ trợ sinh kế (giống cây trồng, gia súc, gia cầm) tạo điều kiện cho cộng đồng từng bước sớm ổn định cuộc sống.

Những hoạt động cứu trợ cần được tiếp tục triển khai trong giai đoạn này, bao gồm:

- Tổ chức hệ thống tiếp nhận các nguồn hàng cứu trợ;
- Phân tích, đánh giá thiệt hại và chọn lựa đối tượng cần cứu trợ khẩn cấp (hộ nghèo, khó khăn, neo đơn, gia đình chính sách…);
- Tổ chức hệ thống phân phối dịch vụ và hàng cứu trợ (tiền, hàng hóa);
- Thiết lập một hệ thống để tiếp nhận các yêu cầu cứu trợ và những khiếu nại của nhân dân;
- Giải quyết các vấn đề tâm lý và xã hội còn đang tồn tại trong cộng đồng sau thiên tai…

(4) Xây dựng kế họach khắc phục hậu quả ngắn hạn (trong vòng 3 tháng):

Căn cứ vào kết quả thống kê, phân tích, đánh giá thiệt hại và nhu cầu tái thiết sau thiên tai, xây dựng kế hoạch khắc phục hậu quả ngắn hạn sau thiên tai, bao gồm các nội dung công việc chủ yếu như:

- Tiếp tục cứu trợ các hộ nghèo, hoàn cảnh khó khăn, hộ gia đình chính sách;
- Hỗ trợ khẩn trương khôi phục, sửa chữa lại nhà cửa, trường học bị hư hỏng do thiên tai (có chính sách ưu tiên cụ thể đối với các hộ nghèo, khó khăn, neo đơn, gia đình chính sách…);
- Khôi phục cơ sở hạ tầng thiết yếu (giao thông, thuỷ lợi, hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống điện, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống kho bãi, bến cảng...) để sớm ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân vùng bị thiên tai;
- Tổ chức khám chữa bệnh miễn phí cho dân vùng bị thiên tai;
- Hỗ trợ phương tiện, vật tư và chỉ đạo triển khai công tác dọn vệ sinh môi trường sau thiên tai;
- Chuẩn bị nguồn vật tư, xăng dầu, giống cây con để hỗ trợ nhân dân sớm khôi phục sản xuất;
- Triển khai các họat động để sớm ổn định tâm lý xã hội đối với cộng đồng;

(5) Tổng vệ sinh môi trường và chăm sóc sức khỏe cộng đồng :

Căn cứ vào kết quả thống kê, phân tích, đánh giá thiệt hại sau thiên tai, lập kế hoạch và chỉ đạo khẩn trương triển khai công tác tổng vệ sinh môi trường và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, bao gồm các nội dung công việc chủ yếu như:

- Huy động tổng lực lượng, phương tiện trên địa bàn, phát động chiến dịch tổng vệ sinh môi trường sau thiên tai (thu dọn cây cối gẫy đổ, thu hồi xác gia súc, gia cầm bị chết, tẩy uế nhà cửa, vệ sinh ruộng, vườn; vệ sinh nguồn nước để phục vụ cho sinh hoạt…);
- Tổ chức khám, chữa bệnh, phát thuốc miễn phí cho dân vùng bị thiên tai.
- Cung cấp viên lọc nước thiết yếu để khử trùng và lọc nước phục vụ sinh họat khẩn cấp…

(6) Sửa chữa nhà cửa, cơ sở hạ tầng bị hư hại, phục hồi sản xuất:

Căn cứ vào kết quả thống kê, phân tích, đánh giá thiệt hại về nhà cửa, cơ sở hạ tầng, sản xuất sau thiên tai, xây dựng kế hoạch sửa chữa, phục hồi, bao gồm các nội dung công việc chủ yếu:

- Huy động lực lượng, phương tiện, vật tư dự phòng và từ các nguồn hiện có trên địa bàn để khẩn trương sửa chữa lại nhà cửa bị sập, đổ, hư hỏng (nên có

chính sách ưu tiên, cho vay ưu đãi cụ thể đối với các hộ nghèo, khó khăn, neo đơn, gia đình chính sách…);

- Khắc phục các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu bị hư hại như: đường giao thông huyết mạch, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục, các công trình phục vụ tưới tiêu, thau chua rửa mặn;
- Khắc phục các sự cố của các công trình phòng chống lụt bão như đê, kè, hồ đập chức nước…
- Hỗ trợ sửa chữa tàu thuyền đánh bắt cá (đối với nghề cá);
- Khắc phục các hoạt động phục vụ dân sinh như điện, nước sạch, vệ sinh môi trường, nhà ở;
- Xuất từ nguồn dự phòng và huy động, trưng mua từ các nguồn khác để cung cấp đủ vật tư, nguyên, nhiên liệu; giống vật nuôi, con giống và cây trồng các loại cho nhân dân để mau chóng khôi phục các hoạt động sản xuất, kinh doanh,…

(7) Xây dựng kế hoạch tái thiết và phát triển (từ 3 tháng trở lên):

Giai đoạn tái thiết sau thiên tai là giai đoạn khắc phục hậu quả thiên tai dài hạn, đòi hỏi phải có được một nguồn lực lớn để thực hiện trong một thời gian dài nhằm hai mục tiêu:

- Phục hồi hoàn toàn các thiệt hại do thiên tai gây ra bao gồm cả việc phục hồi các hoạt động dân sinh kinh tế, xã hội;
- Xây dựng và phát triển cộng đồng có lồng ghép giảm thiểu rủi ro thiên tai trong tương lai để đảm bảo mức thiệt hại là thấp nhất và sự phát triển là cao nhất.

Căn cứ vào kết quả đánh giá thiệt hại và nhu cầu tái thiết sau thiên tai ở phần trên, xây dựng kế hoạch tái thiết sau thiên tai. Kế hoạch tái thiết sau thiên tai tập trung vào việc khôi phục cơ sở hạ tầng phải được lồng ghép với kế họach phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (tỉnh/huyện) để đảm bảo sự phát triển bền vững.

4. Phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các thành viên Ban chỉ huy Phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn các cấp, các ngành và các đoàn thể trên địa bàn:

- ***Phân công nhiệm vụ:***

Để chủ động ứng phó có hiệu quả với các tình huống thiên tai và hoàn thành tốt nhiệm vụ phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn, cần có sự phối hợp thảo luận, phân, giao nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể đối với các Ban chỉ huy Phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn các cấp và các ban, ngành, đoàn thể của địa phương ở từng hoạt động của cả trong cả ba giai đoạn (trước,

trong và sau mùa mưa bão). Căn cứ vào đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội và đặc điểm thiên tai của địa phương, đầu mùa mưa, lũ, bão hàng năm, Ban chỉ huy Phòng, chống lụt, bão và Tìm kiếm cứu nạn của địa phương tìm hiểu, nghiên cứu, đề xuất phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các cơ quan, tổ chức nêu trên.

Về cơ bản, kế hoạch phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn của địa phương cần phải đề cập đến việc phân công trách nhiệm, nhiệm vụ phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn cụ thể đối với những cơ quan, ban, ngành, đoàn thể sau ở địa phương:

- Ban chỉ huy PCLB – TKCN các cấp (tỉnh/thành phố/thị xã; huyện/ thị trấn, phường/xã);
- Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ngành Tài nguyên và Môi trường;
- Ngành Công an;
- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh; Ban chỉ huy quân sự huyện;
- Bộ đội Biên phòng;
- Ngành Giao thông vận tải;
- Ngành Ngành Xây dựng;
- Ngành Bưu chính – Viễn thông;
- Ngành Điện lực;
- Ngành Văn hóa – Thông tin;
- Ngành Giáo dục và Đào Tạo;
- Ngành Kế hoạch – Đầu Tư;
- Ngành Tài chính;
- Hội chữ Thập đỏ;
- Mặt trận Tổ quốc tỉnh/ huyện;
- Hội Phụ nữ tỉnh/huyện;
- Đoàn thanh niên CS HCM tỉnh/huyện; vv,…
- Và các Ban, ngành khác (tùy thuộc đặc điểm riêng của mỗi địa phương).

Về phân công nhiệm vụ PCLB – TKCN, đề nghị tham khảo Bảng phân công nhiệm vụ đối với các thành viên Ban chỉ huy PCLB – TKCN cấp tỉnh ở phần Phụ lục 2 của cuốn tài liệu này.

- ***Tổ chức thực hiện:***

Để hoàn thành nhiệm vụ của công tác phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn, trước hết là phải xây dựng được một kế hoạch phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn có tính khả thi cao, sau đó là phải tổ chức triển khai thực hiện thành công các nội dung của kế hoạch đã đề ra. Khâu tổ chức thực hiện kế hoạch đòi hỏi phải có một bộ máy tham mưu, giúp việc , điều phối am hiểu công việc, có trình độ chuyên môn cao, kinh nghiệm từng trải và sự lanh lẹ, quyết đoán, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước chính quyền và cộng đồng.

Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn các cấp phải là đầu mối và là cơ quan điều phối tất cả các hoạt động trong cả ba giai đoạn phòng, chống lụt, bão và giảm nhẹ thiên tai (chuẩn bị phòng ngừa, ứng phó khẩn, khắc phục hậu quả). Các hoạt động điều phối chủ yếu, có thể bao gồm:

- Tham mưu cho UBND chính quyền địa phương về công tác phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn, trực tiếp chỉ đạo công tác phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn theo các phương án, kế họach đã lập;
- Tổ chức các cuộc họp khẩn cấp với các ban, ngành trên địa bàn đề bàn, phối hợp triển khai các họat động ứng phó khẩn cấp;
- Thành lập nhóm công tác phối hợp liên ngành ứng phó khẩn cấp với lũ, bão;
- Chia sẻ các thông tin liên quan đến ứng phó khẩn cấp, khắc phục hậu quả thiên tai giữa các cơ quan và cộng đồng…;

Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn các ban, ngành, đoàn thể chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn của ngành mình như đã được phân công theo kế họach phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn đã được phê duyệt và sẵn sàng hỗ trợ các công tác khác khi được huy động;

Các tổ chức, doanh nghiệp đóng trên địa bàn triển khai thực hiện các nhiệm vụ về phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn đã được phân công theo kế hoạch;

5. Công tác trực ban lụt, bão và chế độ thông tin và báo cáo:

- ***Công tác trực ban lụt, bão:***

Thực hiện theo Quyết định số 103/QĐ-PCLBTW ngày 04/6/2009 của Trưởng ban Ban chỉ đạo Phòng, chống lụt, bão Trung ương về trực ban phòng, chống lụt, bão của Văn phòng Ban chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn các cấp, các ngành, cụ thể:

- Về thời gian: các tỉnh miền Đông Nam bộ và Nam bộ tổ chức trực ban từ ngày 01 tháng 6 đến hết ngày 31/12 hàng năm.

- Nhiệm vụ của trực ban phòng, chống lụt, bão: như điều 2 của Quyết định số 103/QĐ-PCLBTW ngày 04/6/2009 của Trưởng ban Ban chỉ đạo Phòng, chống lụt, bão Trung ương.

- ***Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo:***

5..1. Yêu cầu về chế độ thông tin báo cáo:

Báo cáo kịp thời, thường xuyên và chính xác là công cụ quan trọng để bảo đảm và hỗ trợ cho công tác quản lý thiên tai, và để có đủ ngân sách cho các hoạt động khẩn cấp hoặc các chương trình phòng ngừa thiên tai dài hạn;

- Thu thập và báo cáo thông tin phải luôn có mục đích rõ ràng và có đối tượng cụ thể;
- Báo cáo là công cụ quản lý, cung cấp các thông tin cần thiết nhằm tạo thuận lợi cho việc ra quyết định có hiệu quả, tổ chức gây quỹ và tạo quan hệ với các nhà tài trợ;
- Báo cáo càng tỉ mỉ, cụ thể càng đảm bảo độ tin cậy và minh bạch trong việc sử dụng ngân sách và thực hiện kế hoạch PCLB;

5..2. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo:

- Thực hiện chế độ báo cáo theo Quy chế về Chế độ thông tin, báo cáo trong chỉ đạo triển khai đối với lũ, bão theo Quyết định số số 312 QĐ/PCLBTW ngày 20/10/2008 của Trưởng Ban chỉ đạo Phòng, chống lụt, bão Trung ương ;
- Chế độ báo cáo về Ban chỉ đạo Phòng, chống lụt, bão Trung ương và Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn, cụ thể bao gồm:
    - **Báo cáo khẩn cấp:** được tính từ thời điểm 24 giờ trước và sau khi bão đổ bộ vào đất liền; có thông báo lũ khẩn cấp, lũ quét, sạt lở đất và các sự cố nghiêm trọng khác.
    - **Báo cáo nhanh hàng ngày:** là báo cáo được thực hiện hàng ngày.
    - **Báo cáo tổng hợp:** kết thúc mỗi đợt mưa, lũ, bão, áp thấp nhiệt đới (tin cuối cùng về ATNĐ, lũ xuống dưới báo động I) phải tổ chức kiểm tra, phân lọai và đánh giá chính xác thiệt hại, lập báo cáo tổng hợp.
    - **Báo cáo hàng năm (báo cáo quý, báo cáo 6 tháng, báo cáo tổng kết công tác PCLB – TKCN hàng năm và kế hoạch PCLB – TKCN năm tới,...)**
- Nội dung báo cáo: thực hiện như yêu cầu của Quy chế về Chế độ thông tin, báo cáo trong chỉ đạo triển khai đối với lũ, bão quy định.

Mẫu bảng, biểu báo cáo, đề nghị tham khảo ở phần phụ lục của quyển sổ tay.

6. Xây dựng phương án cho các khu vực trọng điểm và xác định những nội dung công việc ưu tiên cho giai đoạn trước mùa mưa lũ:

Do đặc thù và điều kiện của từng tỉnh, khu vực là khác nhau, khu vực ven biển sẽ khác khu vực nội địa, thượng nguồn sông sẽ khác hạ nguồn ví dụ như lũ có thể đến sớm với tỉnh An Giang, nhưng đến muộn đối với Bến Tre, hay một số nơi có thể thiếu nước do hạn hán, nơi khác lại bị xâm nhập mặn hoặc triều cường.

Ngoài ra căn cứ vào các hoạt động được xác định trong giai đoạn phòng ngừa trước mùa mưa bão và căn cứ vào nguồn lực được xác định và nhu cầu cấp thiết ở mỗi địa phương mà các hoạt động ưu tiên có thể được xác định khác nhau. Tuy nhiên về cơ bản để xác định ưu tiên nên đánh giá, xem xét đồng thời các yếu tố sau:

- Những cộng đồng và đối tượng dễ bị tổn thương như người nghèo, người già và trẻ em ở những vùng thường xuyên bị ảnh hưởng của lũ, bão;
- Những khu vực là trung tâm phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, huyện;
- Những hoạt động, dự án ưu tiên phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, huyện bao gồm cả những dự án phòng chống thiên tai;
- Những khu vực đảm bảo an ninh, quốc phòng và bản sắc văn hóa dân tộc.

Ở mỗi khu vực trọng điểm đều có các phương án phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn khác nhau do đặc thù về địa hình, về điều kiện thiên tai và cơ sở hạ tầng. Do vậy cần thiết nên xác định các khu vực ưu tiên trong địa phương mình để đưa ra những chủ trương và biện pháp phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn phù hợp.

Việc xác định các khu vực và hoạt động ưu tiên trong giai đoạn này sẽ giúp các Ban chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh và cấp huyện định hướng được những việc cần tập trung nhằm đảm bảo việc triển khai thực hiện kế hoạch phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn hiệu quả hơn.

Tùy theo từng đặc thù và nhu cầu của từng địa phương mà một số hoạt động gợi ý sau có thể được xem xét xác định ưu tiên cho công tác phòng, chống lụt, bão trong giai đoạn trước mùa mưa lũ:

- ***Biện pháp phi công trình:***

(1) Các hoạt động đảm bảo an toàn tính mạng của người dân như củng cố nâng cấp các khu vực phòng tránh lũ, bão an toàn; chằng chéo nhà cửa; củng cố và thiết lập các lực lượng và điểm cứu hộ, cứu nạn; nâng cấp các điểm giữ trẻ tập trung, cung cấp phao cứu sinh cho học sinh…

(2) Các hoạt động đảm bảo sản xuất và thu hoạch như công tác xuống giống đúng lịch thời vụ, nơi nào sản xuất lúa không an toàn, cần chuyển đổi cây trồng

thích hợp hay chỉ xuống giống vụ thích hợp ở những nơi có đê bao chắc chắn và an toàn…

(3) Củng cố và nâng câp hệ thống cảnh báo lũ, bão sớm ở cộng đồng như thành lập lực lượng tình nguyện viên ở thôn, ấp nhằm truyền tin lũ, bão khẩn cấp kịp thời cho người dân trong cộng đồng; cung cấp phao cứu sinh và trang bị hệ thống điện đàm liên lạc cho các thuyền đánh cá…

(4) Đảm bảo sẵn sàng các vật tư, thiết yếu phẩm cũng như máy móc, thiết bị phục vụ ứng cứu và cứu trợ khẩn cấp

(5) Nâng cao nhận thức cộng đồng và nâng cao năng lực các cán bộ chuyên trách thực hiện công tác phòng chống lụt bão là những hoạt động mang tính dài hạn. Tuy nhiên các hoạt động này được ưu tiên triển khai trong bản Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 của Chính phủ. Do vậy các địa phương có thể căn cứ vào kết quả đánh giá về năng lực của cộng đồng và cán bộ của mình mà có thể tập trung ưu tiên vào một số hoạt động như phổ biến kiến thức phòng tránh bão, lũ cho người dân ở những vùng thường xuyên bị thiên tai, hay nâng cao năng lực cho các cán bộ cấp xã về ứng cứu, cứu trợ khẩn cấp…

- ***Biện pháp công trình:***

6..1. Tập trung hoàn thành việc củng cố, xây dựng các công trình phòng chống bão, lũ theo đúng tiến độ như đê bao chống lũ, kè chống sạt lở bờ, cảng phòng tránh bão…

6..2. Hoàn thành việc củng cố, nâng cấp hay xây dựng mới các công trình phục vụ sản xuất và dân sinh, như trạm bơm, hệ thống kênh mương tưới tiêu bao gồm cả nạo vét; cụm tuyến dân cư vượt lũ; hệ thống đường giao thông thiết yếu, trường học; rà soát, cung cố các hệ thống đường dây trung và hạ thế các nơi xung yếu, các trạm biến áp, các trạm Diesel cơ sở…

6..3. Đảm bảo an toàn về vệ sinh môi trường và hệ thống an toàn sức khỏe cho người dân như củng cố, nâng cấp các hệ thống cung cấp nước sạch sinh hoạt; hệ thống trạm y tế cơ sở…

6..4. Đối với những công trình đòi hỏi thời gian hoàn thành dài hạn, thì cần phải hoàn thành các phương án bảo vệ trong mùa mưa bão.

Dựa vào các yếu tồ và hoạt động gợi ý trên, mà từng cấp, từng thành phần có thể xem xét tập trung thực hiện một số các hoạt động đề xuất sau:

a) Chính quyền địa phương *(UBND, Ban chỉ huy Phòng chống lụt, bão và TKCN tỉnh/huyện và các cơ quan có liên quan)*:

- Trên cơ sở các Bản tin dự báo của cơ quan Khí tượng thủy văn có thẩm quyền (Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương, Trung tâm Dự báo KTTV vùng và tỉnh), soạn thảo và ban hành các thông báo, cảnh báo về khả năng và khu vực có thể xảy ra thiên tai, những công việc phải chuẩn bị sẵn sàng để ứng phó,…);
- Chỉ đạo và chuẩn bị sẵn sàng mọi mặt cho công tác cứu hộ, cứu nạn;
- Rà soát, xác định, tổ chức và duy trì các khu vực tránh trú lũ, bão an toàn;
- Chuẩn bị và sẵn sàng nguồn nước sạch và các điều kiện vệ sinh an toàn ở các khu vực tránh trú lũ, bão;
- Chuẩn bị sẵn các nhà tạm dã chiến, lều bạt, hàng hóa, lương thực để cứu trợ và các dịch vụ y tế để ứng phó kịp thời khi thiên tai xảy ra;
- Xác định các tổ chức/nguồn hỗ trợ nhân đạo sẽ tham gia giúp đỡ trong việc cứu trợ và phối hợp thường xuyên với họ hàng năm, nhất là trong mùa lũ, bão;
- Chỉ đạo, tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho các cán bộ chuyên trách các cấp về công tác quản lý thiên tai, ứng cứu và cứu trợ khẩn cấp...;
- Chỉ đạo và đôn đốc hoàn thành việc xây dựng các công trình phòng, chống lụt, bão và công trình phục vụ dân sinh… Đối với những công trình có thời gian hoàn thành dài hạn thì chỉ đạo và đôn đốc các đơn vị liên quan hoàn thành phương án bảo vệ trong mùa mưa bão; Phân, giao trách nhiệm cụ thể đối với người chịu trách nhiệm cung cấp các số liệu, tài liệu về thiên tai đối với các tổ chức nhân đạo.

b) Cộng đồng *(các đội, nhóm tình nguyện chữ thập đỏ, thanh niên xung kích,…)***:**

- Chuẩn bị sẵn sàng các phương án di dời người, tài sản đến các khu vực an toàn đã được bố trí sẵn;
- Gia cố, kê kích, chằng néo nhà cửa, tài sản để hạn chế thiệt hại do lũ, bão;
- Chuẩn bị sẵn sàng các phương tiện tại chỗ sẵn có của các hộ gia đình, các cơ quan, xí nghiệp,..để sẵn sàng triển khai việc di dời, ứng cứu.
- Huy động và tổ chức, dự trữ lương thực, thực phẩm cho người và thức ăn cho gia súc, gia cầm;
- Tổ chức đăng ký và tuyển mộ các thanh niên xung kích tình nguyện để sẵn sàng tham gia vào các đội, nhóm ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn và cứu trợ trong các tình huống khẩn cấp;

- Tổ chức đăng ký, tuyển mộ và tập huấn cho các thành viên cộng đồng làm nhiệm vụ truyền tin cảnh báo thiên tai tới mọi người dân trong vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng;

***c) Các tổ chức kinh tế, xã hội, chính trị* (*tư nhân, nhà nước, phi chính phủ trong và ngoài nước)*:**

- Cung cấp các trợ giúp kỹ thuật trong công tác cảnh báo lũ, bão, thiên tai;
- Sẵn sàng và trợ giúp về phương tiện, thiết bị và máy móc để ứng cứu, di dời dân tới các khu vực an toàn;
- Hoàn thành công tác chuẩn bị nhằm sẵn sàng hỗ trợ việc tổ chức đảm bảo cung cấp nước sạch, điều kiện vệ sinh, nhà tạm để trú tránh lũ, bão, lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh thiết yếu theo yêu cầu của chính quyền địa phương;
- Đảm bảo sẵn sàng cung cấp các hàng hóa cứu trợ khi thiên tai xảy ra;
- Hỗ trợ, giúp đỡ các cộng đồng dân cư chuẩn bị kế hoạch chuẩn bị phòng tránh lũ, bão.
- Hoàn thành việc xây dựng các công trình phòng chống lũ, bão và phục vụ dân sinh. Đồng thời hoàn thành các phương án bảo đảm an toàn công trình trong mùa mưa lũ (đối với những công trình đang xây dựng dở dang).

7. Giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch phòng, chống lụt, bão:

7.1. Giải thích từ ngữ:

- **Giám sát:** là một hoạt động thu thập thông tin có hệ thống về các hoạt động đang diễn ra trong khi thực hiện một kế hoạch/dự án hoặc hoạt động nào đó nhằm tăng tính hiệu suất và hiệu quả của một kế hoạch dự án/. Các thông tin được thu thập dựa trên các mục tiêu và kế hoạch đã được đặt ra. Quá trình giám sát sẽ giúp người quản lý đi đúng mục tiêu và phát hiện ngay những khó khăn, vướng mắc mà dự án gặp phải. Giám sát cũng giúp nhà quản lý biết được các nguồn lực họ đang sử dụng có phù hợp và đủ đáp ứng việc thực hiện kế hoạch/dự án hay không.

- **Đánh giá**: là một quá trình xem xét và kiểm tra xem kế hoạch đã đạt được các hoạt động đã lập kế hoạch và các mục tiêu đề ra hay chưa và đã làm như thế nào để đạt được các kết quả đó.

Giám sát thường mang tính chất thông báo (thường áp dụng cho các dự án hoặc tổ chức với mục đích cải thiện chiến lược của họ). Đánh giá thường mang tính chất rút ra bài học kinh nghiệm sau khi một dự án/kế hoạch kết thúc.

Tuy nhiên, giám sát và đánh giá có một số đặc điểm chung là đều xem xét và đánh giá bạn đang làm gì và làm như thế nào bằng cách tập trung vào 3 yếu tố sau:

+ Tính hiệu suất;

+ Tính hiệu quả;

+ Tác động.

- Chỉ số đầu vào: là chỉ số được thiết kế để đo lượng các công việc đã được thực hiện trong quá trình thực hiện dự án (ví dụ: cuộc họp được tổ chức, hội thảo, công trình hạ tầng…).

- Chỉ số đầu ra: là chỉ số được xây dựng để đo lường các kết quả đã đạt được, hoặc những tác động sau khi kết thúc việc thực hiện kế hoạch (ví dụ: các kết quả lâu dài như sự ứng dụng các mô hình kỹ thuật về cảnh báo sớm, thu nhập của người dân tăng lên, cán bộ được nâng cao năng lực và ý thức của người dân tăng lên rõ rệt thông qua một số việc họ làm,v.v…)

Trong quá trình đánh giá các câu hỏi thường được đặt ra như:

1. Mục tiêu của dự án có đạt được đúng thời hạn và kết quả mong đợi không? Nếu không? Tai sao không?
2. Thời hạn hoàn thành dự án có nên thay đổi không?
3. Nguồn lực có đủ để thực hiện dự án không?
4. Các mục tiêu và kết quả mong đợi ban đầu có khả thi không và có khả năng thực hiện được trong thực tế không?
5. Có nên ưu tiên cho một số hoạt động cụ thể nào không?
6. Bài học rút ra được trong quá trình giám sát và đánh giá là gì?
7. Có kết quả không mong đợi nào xảy ra không?

7.2. Các bước để thực hiện việc Giám sát và Đánh giá thực hiện kế hoạch PCLB

Bước 1: Xây dựng hệ thống Giám sát và Đánh giá:

- ✓ Xác định sự cần thiết và tầm quan trọng của công tác Giám sát và đánh giá;
- ✓ Thiết lập hệ thống Giám sát và Đánh giá;
- ✓ Phân công cán bộ (có năng lực và chuyên môn) làm công tác giám sát và đánh giá;
- ✓ Tổ chức tập huấn cho cán bộ làm công tác đánh giá, giám sát (chỉ số đầu vào? đầu ra, chỉ số kết quả và tác động, phương pháp giám sát và đánh giá,…)?

Bước 2: Xây dựng các chỉ số Giám sát và Đánh giá:

- ✓ Căn cứ vào các nội dung của kế hoạch Phòng chống lụt bão để xây dựng chỉ số đầu vào, đầu ra, chỉ số kết quả riêng cho phần đó.
- ✓ Xây dựng Khung logic gồm các chỉ số dùng để giám sát và đánh giá;

Bước 3: Thu thập, quản lý thông tin và lập báo cáo:

- ✓ Xây dựng phương pháp để thu thập thông tin phục vụ cho công tác giám sát và đánh giá (xác định những chỉ số cần thu thập, cấp nào, cơ quan nào sẽ chịu trách nhiệm thu thập loại thông tin gì; thu thập thông tin bằng cách nào, từ nguồn nào)?
- ✓ Xây dựng các biểu mẫu để phục vụ cho việc thu thập thông tin;
- ✓ Xây dựng quy chế quản lý, sử dụng thông tin và lập báo cáo giám sát, đánh giá gửi các cơ quan cấp trên và các đối tác có liên quan.
- ✓ Phân công cán bộ chịu trách nhiệm cụ thể về việc xử lý thông tin, lập báo cáo giám sát, đánh giá;
- ✓ Báo cáo giám sát, đánh giá tiến độ thực hiện kế hoạch phòng chống lụt bão theo có thể theo chế độ quy định: hàng tuần, hàng tháng hoặc 3 tháng 1 lần (tùy thuộc địa phương quy định).

Bước 4: Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hiện tại:

- Trên cơ sở các thông tin thu thập được từ các báo cáo giám sát, đánh giá, người lập kế hoạch PCLB tiến hành phân tích, rà soát và đối chiếu với mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung và tiến độ đã đặt ra của kế hoạch, phát hiện ra những sai sót quan trọng giữa kế hoạch và việc thực hiện thực tế; đồng thời, đưa ra các đề nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp;
- Ngoài ra, căn cứ vào tình hình diễn biến của thiên tai, dựa vào những bài học kinh nghiệm đã được nghiên cứu, được rút từ công tác PCLB và giảm nhẹ thiên tai thực tế ở địa phương, cán bộ lập kế hoạch PCLB phải thường xuyên rà soát, xem xét lại kế hoạch để phát hiện những sai sót, những điểm chưa phù hợp, những nội dung còn thiếu để cập nhật, hiệu chỉnh và kiến nghị bổ sung kịp thời ./.

CÁC PHỤ LỤC CỦA KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG LỤT, BÃO

Bản kế hoạch Phòng, chống lụt, bão hàng năm nên bao gồm các phụ lục sau:

1. Danh sách các khu vực (cộng đồng) cần quan tâm (trọng điểm);
2. Bảng tổng hợp phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cá nhân, ban ngành ứng với từng hoạt động của 3 giai đoạn nêu trên;
3. Danh sách và số điện thọai, số fax, email của các thành viên Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn tỉnh/huyện;
4. Danh bạ (điện thoại, fax, email,…) của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;
5. Danh sách và số điện thoại, số fax, email của các thành viên Ban chỉ đạo phòng chống lụt bão Trung ương và UBQG về Tìm kiếm cứu nạn;
6. Các bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai tỉnh, huyện, bản đồ hành chính;
7. Bản đồ các điểm an toàn đã bố trí để di dời dân đến tránh lũ, bão;
8. Biểu mẫu báo cáo nhanh ;
9. Biểu mẫu đánh giá thiệt hại phục vụ công tác cứu trợ khẩn cấp;
10. Các bảng biểu đánh giá nguồn lực của địa phương;…

PHẦN 03 PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: NỘI DUNG BẢN KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG LỤT, BÃO CÁC TỈNH KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Chương 1: Mô tả những đặc điểm chính của địa phương

I. Địa hình
II. Đặc điểm dân cư
III. Cơ sở hạ tầng chính
IV. Tình hình thiên tai ở địa phương và sự tác động đến kinh tế, dân sinh

Chương 2: Tổng kết, đánh giá công tác phòng, chống lụt bão năm trước

Giới thiệu chung
I. Đánh giá tình hình thiên tai
II. Đánh giá tình hình thiệt hại
III. Đánh giá công tác chuẩn bị, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai
   1. *Giai đoạn chuẩn bị (trước mùa mưa lũ):*
   2. *Giai đoạn ứng phó và cứu trợ khẩn cấp (trong mùa mưa lũ):*
   3. *Giai đoạn khắc phục hậu quả và tái thiết (sau mùa mưa lũ):*
IV. Kết luận và kiến nghị
   1. *Thành công và các ưu điểm*
   2. *Khó khăn và các hạn chế*
   3. *Kiến nghị*

Chương 3: Kế hoạch phòng chống lụt bão năm tới

Giới thiệu chung
I. Nhận định khả năng diễn biến thiên tai năm tới
II. Xác định định hướng chủ đạo và mục tiêu của công tác phòng chống lụt bão năm tới
   1. *Xác định định hướng chủ đạo*
   2. *Mục tiêu tổng quát*
   3. *Mục tiêu cụ thể*
III. Các giải pháp thực hiện
   1. *Giai đoạn trước mùa mưa lũ*
      a. Xác định nhiệm vụ
      b. Đánh giá về khả năng rủi ro, hiểm họa thiên tai, tình trạng dễ bị tổn thương của địa phương trong năm tới
      c. Đánh giá về nguồn lực sẵn có và năng lực phòng ngừa của địa phương
   2. *Giai đoạn trong mùa mưa lũ*
      a. Xác định nhiệm vụ
      b. Xây dựng các giải pháp
   3. *Giai đoạn sau mùa mưa lũ*
      a. Xác định nhiệm vụ

b. Xây dựng các giải pháp

IV. Phân công trách nhiệm cụ thể của các thành viên Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn các cấp và các tổ chức kinh tế, xã hội trên địa bàn

V. Công tác trực ban lụt, bão và chế độ thông tin và báo cáo

1. Công tác trực ban lụt, bão:

2. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo

VI. Xây dựng phương án cho các khu vực trọng điểm và xác định những nội dung công việc ưu tiên cho giai đoạn trước mùa mưa lũ

Các phụ lục của kế hoạch phòng chống lụt bão

1. Danh sách các khu vực (cộng đồng) cần quan tâm (trọng điểm)
2. Bảng tổng hợp phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cá nhân, ban ngành ứng với từng hoạt động của 3 giai đoạn nêu trên
3. Danh sách và số điện thoại, số fax, email của các thành viên Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn tỉnh/huyện;
4. Danh bạ (điện thoại, fax, email,…) của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan
5. Danh sách và số điện thoại, số fax, email của các thành viên Ban chỉ đạo phòng chống lụt bão Trung ương và UBQG về tìm kiếm cứu nạn
6. Các bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai tỉnh, huyện, bản đồ hành chính
7. Bản đồ các điểm an toàn đã bố trí để di dời dân đến tránh lũ, bão
8. Biểu mẫu báo cáo nhanh ;
9. Biểu mẫu đánh giá thiệt hại phục vụ công tác cứu trợ khẩn cấp

PHỤ LỤC 2: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN BAN CHỈ HUY PCLB TỈNH (HUYỆN)

(Tài liệu tham khảo)

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	NHIỆM VỤ TRƯỚC THIÊN TAI	NHIỆM VỤ TRONG THIÊN TAI	NHIỆM VỤ SAU THIÊN TAI
1	**VP thường trực ban chỉ huy PCLB**	- Đề xuất thể chế, chính sách quản lý thiên tai - Tham mưu XD kế hoạch PCLB hàng năm - Chuẩn bị các điều kiện phục vụ công tác chỉ huy PCLB - Xây dựng kế hoạch và tham gia công tác kiểm tra trước lũ các công trình trọng điểm và phương án PCLB các cấp	- Tổ chức trực ban, theo dõi thiên tai, tiếp nhận chỉ đạo của cấp trên - Dự kiến tình huống, đề xuất phương án phòng chống. Soạn thảo các văn bản chỉ đạo của BCH PCLB - Thông tin, thông báo diễn biến thiên tai và các văn bản chỉ đạo phòng chống	- Đôn đốc các đơn vị báo cáo sau thiên tai - Tổng hợp và lập báo cáo thiệt hại theo từng giai đoạn - Tham gia kiểm tra thiệt hại và đề xuất phương án khắc phục
2	**Sở Nông nghiệp và PTNT**	- Xây dựng kế hoạch sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp đảm bảo phòng chống thiên tai - Tổ chức kiểm tra trước lũ và xây dựng phương án đảm bảo an toàn các công trình liên quan	- Chỉ đạo công tác bảo vệ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp - Triển khai các phương án bảo đảm an toàn công trình thủy lợi, hệ thống đê điều, bờ bao, phòng chống sạt lở	- Khắc phục nhanh hậu quả thiên tai để sớm khôi phục sản xuất, ổn định đời sống nhân dân (tập trung vào các lĩnh vực: thủy lợi, cải tạo đồng ruộng, nước sinh hoạt và

		đến PCLB, nhất là các hồ chứa nước, phương tiện đánh bắt thủy sản trên biển - Tham gia quy hoạch bảo vệ dân cư vùng sạt lở, vùng thường xuyên ảnh hưởng của bão, lụt, triều cường	- Quản lý chặt chẽ và có phương án đảm bảo an toàn các phương tiện tàu thuyền và ngư dân trên biển - Bảo vệ tốt các cơ sở sản xuất, các loại vật tư nông nghiệp	phương tiện đánh bắt thủy sản) - Đảm bảo cung ứng các loại cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp kịp thời vụ - Phòng chống dịch bệnh cây trồng và vật nuôi
3	**Sở Giao thông Vận tải**	- Xây dựng kế hoạch đảm bảo an toàn hệ thống giao thông trên địa bàn khi có thiên tai xảy ra - Kiểm tra trước lũ các công trình giao thông trọng điểm - Xây dựng phương án sẵn sàng huy động lực lượng ứng cứu và phục vụ công tác phòng chống lụt bão của địa phương khi thiên tai xảy ra	- Tổ chức lực lượng tham gia kiểm tra, kiểm soát đảm bảo an toàn giao thông tại các khu vực có thiên tai - Huy động kịp thời phương tiện, lực lượng ứng cứu công trình và hỗ trợ công tác PCLB của địa phương	- Khắc phục nhanh hậu quả thiên tai đối với các công trình giao thông, phục vụ kịp thời công tác khôi phục sản xuất, ổn định đời sống và đáp ứng nhu cầu đi lại an toàn của nhân dân
4	**Sở Y tế**	- Xây dựng kế hoạch đảm bảo công tác khám, chữa bệnh an toàn khi thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh	- Tổ chức bảo vệ tốt các cơ sở y tế và an toàn cho bệnh nhân - Đáp ứng kịp thời các yêu cầu cấp cứu và khám chữa bệnh khi	- Khắc phục nhanh hậu quả thiên tai đối với các cơ sở y tế, phục vụ tốt công tác sơ cấp cứu và khám chữa bệnh của nhân

		- Quy hoạch và tổ chức tập huấn kỹ thuật cho cơ sở y tế phục vụ PCLB và khắc phục hậu quả thiên tai - Thành lập các đơn vị y tế cơ động phục vụ ứng cứu khi thiên tai xảy ra	thiên tai xảy ra	dân sau thiên tai - Triển khai kịp thời yêu cầu về phòng chống dịch bệnh sau thiên tai - Phối hợp xử lý môi trường, chăm sóc sức khỏe nhân dân vùng bị thiên tai
5	**Sở Thông tin và Truyền thông**	- Xây dựng kế hoạch đảm bảo thông tin liên lạc khi có thiên tai xảy ra; phục vụ kịp thời công tác chỉ huy PCLB của địa phương - Thành lập các đơn vị thông tin liên lạc cơ động sẵn sàng phục vụ công tác PCLB - Tham gia tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về PCLB, giảm nhẹ thiên tai	- Đảm bảo an toàn các cơ sở thông tin liên lạc; phục vụ kịp thời cho công tác PCLB của địa phương, nhất là sự chỉ đạo của BCH PCLB các cấp - Tổ chức thu thập đầy đủ các dữ liệu về diễn biến và hậu quả thiên tai phục vụ công tác thống kê thiệt hại và thông tin, tuyên truyền	- Khắc phục nhanh hậu quả thiên tai đối với các cơ sở thông tin liên lạc; phục vụ kịp thời công tác thống kê, báo cáo thiệt hại và sự chỉ đạo khắc phục hậu quả thiên tai của địa phương - Tăng cường thông tin, tuyên truyền, nâng cao ý thức cộng đồng, giúp đỡ lẫn nhau sau thiên tai
6	**Bộ chỉ quân sự tỉnh**	- Xây dựng kế hoạch huy động và hiệp đồng các lực lượng vũ trang của TW và địa phương	- Chủ động bố trí lực lượng ứng cứu đến các khu vực dễ bị tổn thương và hay bị cô lập	- Huy động lực lượng, phương tiện giúp đỡ các địa phương, đơn vị thực hiện công tác

		tham gia công tác PCLB và TKCN - Xây dựng bản đồ các vùng nguy hiểm do thiên tai và các khu vực trú tránh, đường di chuyển để sơ tán dân đến nơi an toàn - Tổ chức huấn luyện và diễn tập PCLB và TKCN tại những vùng trọng điểm	- Triển khai phương án sẵn sàng hiệp đồng lực lượng tham gia PCLB, TKCN tại những khu vực trọng điểm - Giúp đỡ các địa phương, đơn vị thực hiện công tác PCLB, TKCN khi có yêu cầu - Bảo vệ tốt tính mạng, tài sản của Nhà nước và nhân dân; giữ gìn trật tự an ninh, an toàn xã hội	TKCN, khắc phục hậu quả thiên tai với vai trò là lực lượng nòng cốt - Sẵn sàng lực lượng hiệp đồng tham gia công tác khắc phục hậu quả thiên tai tại những khu vực ngoại tỉnh khi có lệnh điều động của cơ quan quân sự cấp trên
7	**Công an**	- Xây dựng kế hoạch huy động và hiệp đồng các lực lượng tham gia công tác PCLB và TKCN, đảm bảo trật tự an ninh, an toàn xã hội và an toàn giao thông khi có thiên tai xảy ra	- Sẵn sàng cơ động lực lượng tham gia PCLB, TKCN, bảo vệ trật tự an ninh, an toàn tài sản của nhà nước và nhân dân - Tham gia công tác đảm bảo an toàn giao thông tại các khu vực xảy ra thiên tai	- Tích cực tham gia công tác khắc phục hậu quả thiên tai - Đảm bảo trật tự an ninh, an toàn giao thông và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật
8	**Bộ đội Biên phòng**	- Xây dựng phương án huy động và hiệp đồng các lực lượng tham gia công tác PCLB, TKCN, đảm bảo trật tự an ninh biên giới, hải	- Tổ chức theo dõi chặt chẽ diễn biến của thiên tai, thông tin, thông báo kịp thời đến các chủ phương tiện hoạt động trên biển,	- Tham gia công tác khắc phục hậu quả thiên tai, TKCN, đảm bảo trật tự an ninh, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm

		đảo - Tham gia công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng chống thiên tai - Đảm bảo công tác dự trữ các mặt hàng thiết yếu cho đơn vị và chủ động giúp đỡ nhân dân vùng biên khi thiên tai xảy ra	nhân dân vùng biên giới để chủ động phòng tránh - Tham gia công tác PCLB, TKCN, quản lý các phương tiện đánh bắt thủy sản trên biển, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhà nước và nhân dân, trật tự an ninh biên giới	pháp luật - Giúp đỡ nhân dân khôi phục sản xuất, ăn, ở, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe và vệ sinh môi trường
9	**Sở Công thương**	- Xây dựng kế hoạch đảm bảo các mặt hàng thiết yếu, nhiên liệu, vật tư xây dựng…phục vụ công tác PCLB, khắc phục hậu quả thiên tai, ổn định đời sống nhân dân khi có thiên tai xảy ra - Xây dựng kế hoạch đảm bảo an toàn các hồ thủy điện, các khu công nghiệp tập trung và kho bãi dự trữ hàng hóa	- Đảm bảo an toàn các hồ thủy điện, kho bãi và các khu công nghiệp tập trung - Sẵn sàng lực lượng, phương tiện cung ứng hàng hóa thiết yếu ứng cứu khẩn cấp theo yêu cầu PCLB	- Tham gia khắc phục nhanh hậu quả thiên tai; Cung ứng kịp thời các mặt hàng thiết yếu cho nhân dân vùng bị thiên tai, đảm bảo bình ổn giá cả hàng hóa
10	**Sở Lao động Thương binh và xã hội**	- Xây dựng kế hoạch kinh phí đảm bảo xã hội phục vụ tốt công tác PCLB, giảm nhẹ thiên tai	- Tham gia công tác PCLB, ứng cứu khẩn cấp hàng thiết yếu cho các hộ nghèo, gia đình chính	- Tham gia công tác khắc phục hậu quả thiên tai; thực hiện kiểm tra, kịp thời nắm tình hình về yêu cầu cứu trợ, nhất là

		của địa phương - Tham gia lập quy hoạch PCLB cho các khu vực dân cư có nguy cơ cao ảnh hưởng thiên tai, nhất là khu vực ngoài cụm tuyến dân cư, ngoài đê bao, các hộ nghèo có nơi ở tạm bợ - Phối hợp xây dựng quy hoạch và xây dựng các điểm giữ trẻ an toàn trong lũ	sách đối phó với thiên tai - Kiểm tra và chỉ đạo công tác đảm bảo các điểm giữ trẻ trong lũ	đối với các hộ nghèo, gia đình chính sách, vùng sâu, vùng xa có khó khăn - Tham gia tiếp nhận và phân phối hàng cứu trợ kịp thời, đúng đối tượng - Vận động nhân dân giúp đỡ lẫn nhau khắc phục hậu quả thiện tai
11	**Trung tâm dự báo Khí tượng Thủy văn**	- Xây dựng kế hoạch đảm bảo lực lượng, thiết bị quan trắc, thông tin liên lạc, nhằm cung cấp kịp thời, chính xác các dữ liệu về Khí tượng, Thủy văn, diễn biến thiên tai phục vụ công tác PCLB, TKCN - Cung cấp kịp thời các nhận định, dự báo, cảnh báo về thiên tai phục vụ công tác chỉ đạo, chỉ huy PCLB, giảm nhẹ thiên tai cho các cấp, các ngành	- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết; thông tin kịp thời về dự báo, cảnh báo thiên tai đến các phương tiện thông tin đại chúng, Ban chỉ huy PCLB các cấp và mọi người dân để chủ động triển khai các phương án phòng chống hiệu quả	- Cung cấp kịp thời các số liệu cơ bản về khí tượng thủy văn và diễn biến thiên tai để phục vụ công tác khắc phục hậu quả thiên tai

PHỤ LỤC 3 - BIỂU MẪU

BẢNG TỔNG HỢP PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CHO CÁC THÀNH VIÊN BAN CHỈ HUY PHÒNG CHỐNG LỤT BÃO VÀ TÌM KiẾM CỨU NẠN VÀ CÁC TỔ CHỨC, ĐOÀN THỂ

Số TT	Các hoạt động	Chỉ số/khối lượng thực hiện	Thời gian thực hiện		Phân công trách nhiệm cụ thể	Ghi chú
			Bắt đầu	Dự kiến hoàn thành		
A.	**Giai đoạn trước mùa mưa bão**					
I	***Nhiệm vụ:*** (*nhiệm vụ đã được xác định tại bản thuyết minh)*					
II	***Các giải pháp thực hiện***					
	CÁC GIẢI PHÁP PHI CÔNG TRÌNH	*Đưa ra các chỉ số và khối lượng công việc của từng hoạt động dự kiến phải hoàn thành*	*Thời gian dự kiến bắt đầu thực hiện*	*Thời gian dự kiến hoàn thành*	*Nêu rõ trách nhiệm cụ thể của Ban chỉ huy PCLB & TKCN các cấp, thành viên của Ban chỉ huy, các sở, ban ngành, các tổ chức xã hội, đoàn thể, các công ty hoạt động trên địa bàn…ứng với từng hoạt động đã xác định ở giai đoạn trước mùa mưa bão*	
1	Nâng cao nhận thức cộng đồng					
2	Đào tạo tập huấn					
3	Củng cố hệ thống dự báo, cảnh báo thiên tai sớm					
4	Thành lập và nâng cấp điểm giữ trẻ tập trung					
5	Chuẩn bị các bản đồ rủi ro thiên tai					
6	Chuẩn bị sẵn sàng kho vật tư dự trữ, máy móc và trang thiết bị phục vụ phòng chống lụt bão					
7	Xây dựng phương án di dân					
8	Xây dựng phương án diễn tập phòng chống lụt bão					
9	Thành lập và củng cố các đội, điểm cứu hộ cứu nạn					
10	…					
	CÁC GIẢI PHÁP CÔNG TRÌNH					
1	Tu bổ nâng cấp hệ thống công trình phòng chống lụt bão					
2	Tu bổ nâng cấp hệ thống công trình hạ tầng cơ sở và dân sinh					
3	…					

B	**Giai đoạn trong mùa mưa bão**					
I	***Nhiệm vụ*** *(nhiệm vụ đã được xác định tại bản thuyết minh)*					
II	***Các giải pháp thực hiện***					
1	Rà soát và triển khai các phương án di dời tránh lũ, bão	*Đưa ra các chỉ số và khối lượng công việc của từng hoạt động dự kiến phải hoàn thành*	*Thời gian dự kiến bắt đầu thực hiện*	*Thời gian dự kiến hoàn thành*	*Nêu rõ trách nhiệm cụ thể của Ban chỉ huy PCLB & TKCN các cấp, thành viên của Ban chỉ huy, các sở, ban ngành, các tổ chức xã hội, đoàn thể, các công ty hoạt động trên địa bàn…ứng với từng hoạt động đã xác định ở giai đoạn trong mùa mưa bão*	
2	Công tác quản lý, đảm bảo an toàn					
3	Sẵn sàng hệ thống thông tin liên lạc					
4	Công tác y tế (bao gồm cả y tế công và tư)					
5	Công tác sửa chữa, khôi phục khẩn cấp các cơ sở hạ tầng thiết yếu					
6	Huy động lực lượng, phương tiện, vật tư					
7	Huy động và quản lý lực lượng tình nguyện					
8	Kiểm tra, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra					
9	Công tác tìm kiếm cứu nạn					
10	Công tác cứu trợ khẩn cấp					
11	Công tác phối hợp triển khai các hoạt động ứng phó					
12	…					
B	**Giai đoạn sau mùa mưa bão**					
I	***Nhiệm vụ*** *(nhiệm vụ đã được xác định tại bản thuyết minh)*					
II	***Các giải pháp thực hiện***					
	GIẢI PHÁP NGẮN HẠN (≤ 3 tháng)	*Đưa ra các chỉ số và khối lượng công việc của từng hoạt động dự kiến phải hoàn thành*	*Thời gian dự kiến bắt đầu thực hiện*	*Thời gian dự kiến hoàn thành*	*Nêu rõ trách nhiệm cụ thể của Ban chỉ huy PCLB & TKCN các cấp, thành viên của Ban chỉ huy, các sở, ban ngành, các tổ chức xã hội, đoàn thể, các công ty hoạt động trên địa bàn …ứng với từng hoạt động*	
1	Vệ sinh môi trường					
2	Phục hồi hệ thống y tế					
3	Tổ chức cứu trợ, ổn định đời sống sau thiên tai					
4	Sửa chữa nhà cửa, cơ sở hạ tầng bị hư hại, phục hồi sản xuất					
5	Tổ chức đánh giá, xác định thiệt hại và nhu cầu tái thiết sau thiên tai					

6	…				*đã xác định ở giai đoạn sau mùa mưa bão*	
	GIẢI PHÁP DÀI HẠN (> 3 tháng)					
1	Xây dựng kế hoạch khắc phục hậu quả thiên tai lồng ghép với kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội					
2	…					

PHỤ LỤC 4: BIỂU MẪU BÁO CÁO NHANH

BÁO CÁO NHANH TÌNH HÌNH THIÊN TAI

Hoàn thành và nộp báo cáo trong vòng 12-36 tiếng đầu sau khi thiên tai xảy ra.

Trong thời gian có thiên tai các cấp cần cập nhất thông tin và báo cáo theo quy định:

- *Cấp xã, phường, huyện, thị: cập nhật và báo cáo 01 ngày/lần.*
- *Cấp tỉnh, thành phố: cập nhật và báo cáo 3 ngày/lần.*
- *Trong trường hợp khẩn cấp, báo cáo bằng điện thoại, fax từ 2 đến 3 lần/ngày.*

I. Thiên tai

A. Loại thiên tai:

B. Thời gian xảy ra thiên tai:

C. Mức độ nghiêm trọng và phạm vi ảnh hưởng của thiên tai *(liệt kê tất cả các huyện, xã, thị trấn bị ảnh hưởng của thiên tai):*

Nếu có thể, gửi kèm một bản đồ đánh dấu hoặc xác định những khu vực bị ảnh hưởng của thiên tai.

II. Ảnh hưởng của thiên tai:

1. Về người:

A. Số người chết:

B. Số người mất tích:

C. Số người bị thương:

D. Số người bị ảnh hưởng *(nêu rõ tỷ lệ người bị ảnh hưởng trên tổng số dân trong khu vực)*

E. Số người cần phải di dời; Mô tả vị trí, quãng đường di dời (trong đó ghi rõ các đối tượng dễ bị tổn thương như người già, phụ nữ và trẻ em).

F. Số người đã di dời:

- Số người phải ngủ ngoài trời; những khó khăn chính họ đang gặp phải (chú ý khó khăn riêng biệt của phụ nữ, trẻ em và người già).
- Số người phải ngủ trong các công trình công cộng (như: trường học, văn phòng UBND, nhà thờ …). Những khó khăn chính họ đang gặp phải (chú ý khó khăn riêng biệt của phụ nữ, trẻ em và người già).

2. Về cơ sở vật chất:

A. Số nhà dân bị phá huỷ hoàn toàn hoặc hư hỏng một phần

B. Các công trình kết cấu hạ tầng bị phá huỷ hoàn toàn hoặc hư hỏng một phần:

C. Loại hình thiệt hại cơ bản khác:

D. Các khó khăn cần giải quyết (chú ý các khó khăn khác biệt của nam giới, phụ nữ và trẻ em đang gặp phải)

A. **Ứng phó và các nguồn lực tại địa phương**:

A. Mô tả các hoạt động mà chính quyền địa phương, Hội CTĐ tỉnh/huyện, các tổ chức khác đã thực hiện.

B. Những người bị ảnh hưởng đang tiến hành những hoạt động ứng phó gì?

B. Nhu cầu cứu trợ khẩn cấp:

Xác định những hoạt động hỗ trợ ưu tiên cần thiết trong vòng 10 ngày tới. Điền vào bảng NHU CẦU CỨU TRỢ GIAI ĐOẠN KHẨN CẤP.

TM. UBND tỉnh/huyện

(ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm

PHU LỤC 5

BẢNG THỐNG KÊ THIỆT HẠI

Tên địa phương: .....

Loại thiên tai .....

Nơi xảy ra thiên tai

.....

Trong đó: Các xã phường, thị trấn bị thiệt hại nặng (ghi tên xã phường thuộc từng Quận/Huyện):

.....

.....

Từ ngày..... đến ngày.....tháng..... năm.....

TT	Loại thiệt hại	Mã	Hạng mục	Đơn vị tính	Tổng thiệt hại Tỉnh/thành phố			Ghi chú
					Số lượng	Đơn giá Đồng VN	Giá trị (triệu đồng)	
1	NGƯỜI	NG01	**Số người chết**	*người*		x	x	
		NG011	*Trẻ em (dưới 16 tuổi)*	*người*		x	x	
		NG012	*Nữ giới*	*người*		x	x	
		NG02	**Số người mất tích**	*người*		x	x	
		NG021	*Trẻ em (dưới 16 tuổi)*	*người*		x	x	
		NG022	*Nữ giới*	*người*		x	x	
		NG03	**Số người bị thương**	*người*		x	x	
		NG031	*Trẻ em (dưới 16 tuổi)*	*người*		x	x	
		NG032	*Nữ giới*	*người*		x	x	
		NG04	**Số hộ bị ảnh hưởng**	*hộ*		x	x	
		NG05	**Số người bị ảnh hưởng**	*người*		x	x	

2	**NHÀ Ở**	**NH01**	**Nhà sập đổ, cuốn trôi**	*cái*				
		NH011	*Nhà kiên cố*	*cái*				
		NH012	*Nhà bán kiên cố*	*cái*				
		NH013	*Nhà tạm*	*cái*				
		NH02	**Nhà bị thiệt hại, tốc mái, xiêu vẹo**	*cái*				
		NH021	*Nhà kiên cố*	*cái*				
		NH022	*Nhà bán kiên cố*	*cái*				
		NH023	*Nhà tạm*	*cái*				
		NH03	**Nhà bị ngập nước**	*cái*				
		NH031	*Nhà kiên cố*	*cái*				
		NH032	*Nhà bán kiên cố*	*cái*				
		NH033	*Nhà tạm*	*cái*				
		NH04	**Tài sản bị thiệt hại**	*triệu đồng*				
		NH05	**Số hộ thiệt hại về nhà ở**	*hộ*				
3	**GIÁO DỤC**	**GD01**	**Số điểm trường bị ảnh hưởng**	*điểm*				
		GD011	*Phòng học đổ, trôi*	*phòng*				
		GD012	*Phòng học bị hư hỏng*	*phòng*				
		GD013	*Phòng học ngập nước*	*phòng*				
		GD02	**Nhà ở tập thể và nhà bán trú cho học sinh bị hư hại hoặc sập đổ**	*cái*				
		GD03	**Phòng chức năng, công vụ của nhà trường bị hư hại**	*phòng*				
		GD04	**Số học sinh, sinh viên phải nghỉ học**	*học sinh*				
		GD05	**Bàn ghế bị thiệt hại**	*bộ*				
		GD06	**Sách bị thiệt hại**	*cuốn*				
		GD07	**Thiết bị giáo dục bị thiệt hại**	*triệu đồng*				
		GD08	**Tài sản khác bị hư hại**	*triệu*				

				đồng				
4	**Y TẾ**	**YT01**	**Số BV, BX bị ảnh hưởng**	*điểm*				
		YT011	*Số phòng đổ, trôi*	*phòng*				
		YT012	*Số phòng thiệt hại*	*phòng*				
		YT013	*Số phòng ngập nước*	*phòng*				
		YT02	**Thuốc bị thiệt hại**	*triệu đồng*				
		YT03	**Vật tư và trang thiết bị y tế bị thiệt hại**	*triệu đồng*				
		YT04	**Tài sản khác bị thiệt hại**	*triệu đồng*				
5	**CÁC CÔNG TRÌNH KHÁC**	**CT01**	**Công trình văn hoá đổ, trôi**	*cái*				
		CT011	*Công trình văn hoá thường*	*cái*				
		CT012	*Di sản, công trình văn hoá lịch sử*	*cái*				
		CT02	**Công trình văn hoá bị hư hỏng**					
		CT021	*Công trình văn hoá thường*	*cái*				
		CT022	*Di sản, công trình văn hoá lịch sử*	*cái*				
		CT03	**Trụ sở cơ quan đổ, trôi**	*cái*				
		CT04	**Trụ sở cơ quan thiệt hại**	*cái*				
		CT05	**Chợ, trung tâm thương mại đổ, trôi**	*cái*				
		CT06	**Chợ, trung tâm thương mại thiệt hại**	*cái*				
		CT07	**Nhà kho đổ, trôi**	*cái/m²*				
		CT08	**Nhà kho thiệt hại**	*cái/m²*				
		CT09	**Các công trình quốc phòng bị thiệt hại**	*cái*				
		CT10	**Các thiệt hại khác**	*cái*				

6	**NÔNG LÂM, NGHIỆP**	**NN01**	**Diện tích lúa bị thiệt hại**	*ha*				
		NN011	*Mất trắng*	*ha*				
		NN012	*Mất giống (mới gieo, xạ)*	*ha*				
		NN013	*Giảm năng suất*	*ha*				
		NN02	**Diện tích hoa, rau màu bị thiệt hại**	*ha*				
		NN021	*Mất trắng*	*ha*				
		NN022	*Giảm năng suất*	*ha*				
		NN03	**Diện tích cây công nghiệp bị thiệt hại**	*ha*				
		NN031	*Chết*	*ha*				
		NN032	*Giảm năng suất*	*ha*				
		NN04	**Diện tích cây ăn quả bị thiệt hại**	*ha*				
		NN041	*Chết*	*ha*				
		NN042	*Giảm năng suất*	*ha*				
		NN05	**Diện tích rừng bị thiệt hại**	*ha*				
		NN06	**Cây giống bị thiệt hại**	*ha*				
		NN07	**Hạt giống bị thiệt hại**	*tấn*				
		NN08	**Lương thực bị thiệt hại**	*tấn*				
		NN09	**Đại gia súc bị chết**	*con*				
		NN10	**Tiểu gia súc bị chết**	*con*				
		NN11	**Gia cầm bị chết**	*con*				
		NN12	**Thuốc trừ sâu**	*tấn*				
		NN13	**Phân bón bị thiệt hại**	*tấn*				
		NN14	**Diện tích ruộng muối bị thiệt hại**	*ha*				
		NN15	**Muối bị thiệt hại**	*tấn*				
		NN16	**Đất thổ cư bị mất trắng không thể phục hồi**	*ha*		x		
		NN17	**Diện tích đất canh tác bị xói lở không thể**	*ha*		x		

			phục hồi					
		NN18	**Thức ăn gia súc, gia cầm bị hư hại**	*tấn*				
		NN 19	**Cây cảnh bị thiệt hại**	*cây*				
7	**THỦY LỢI**	**TL01**	**Đê từ cấp III đến cấp đặc biệt bị hư hại**					
		TL011	*Chiều dài*	*m*				
		TL012	*Khối lượng đất*	*m3*				
		TL013	*Khối lượng đá, bê tông*	*m3*				
		TL02	**Đê từ cấp IV trở xuống, đê bối, bờ bao bị thiệt hại**					
		TL021	*Chiều dài*	*m*				
		TL022	*Khối lượng đất*	*m3*				
		TL023	*Khối lượng đá, bê tông*					
		TL03	**Kè bị thiệt hại**					
		TL031	*Chiều dài*	*m*				
		TL032	*Khối lượng đất*	*m3*				
		TL033	*Khối lượng đá, bê tông*	*m3*				
		TL04	**Kênh mương bị thiệt hại**					
		TL041	*Chiều dài*	*m*				
		TL042	*Khối lượng đất*	*m3*				
		TL043	*Khối lượng đá, bê tông*	*m3*				
		TL05	**Hồ chứa, đập dâng bị thiệt hại**	*cái*				
		TL051	*Khối lượng đất*	*m3*				
		TL052	*Khối lượng đá, bê tông*	*m3*				
		TL06	**Công trình thủy lợi khác bị thiệt hại**					
		TL061	*Công trình thuỷ lợi kiên cố bị đổ trôi, thiệt hại*	*cái*				
		TL062	*Công trình thuỷ lợi tạm bị trôi, thiệt hại*	*cái*				
8	**GIAO THÔNG**	**GT01**	**Đường quốc lộ, tỉnh lộ bị thiệt hại**					

		GT011	*Chiều dài sạt lở, cuốn trôi*	*m*				
		GT012	*Chiều dài bị ngập*	*m*				
		GT013	*Khối lượng đất*	*m3*				
		GT014	*Khối lượng đá, bê tông*	*m3*				
		GT02	**Đường giao thông nông thôn bị thiệt hại**					
		GT021	*Chiều dài sạt lở, cuốn trôi*	*m*				
		GT022	*Chiều dài bị ngập*	*m*				
		GT023	*Khối lượng đất*	*m3*				
		GT124	*Khối lượng đá, bê tông*	*m3*				
		GT03	**Đường sắt bị thiệt hại**					
		GT031	*Chiều dài sạt lở, cuốn trôi*	*m*				
		GT032	*Chiều dài bị ngập*	*m*				
		GT033	*Khối lượng đất*	*m3*				
		GT034	*Khối lượng đá, bê tông*	*m3*				
		GT04	**Cầu, cống bị thiệt hại**					
		GT041	*Cầu kiên cố bị trôi, thiệt hại*	*cái*				
		GT042	*Cầu treo bị trôi, thiệt hại*	*cái*				
		GT043	*Cầu tạm (gỗ, ván) bị trôi, thiệt hại*	*cái*				
		GT045	*Ngầm kiên cố bị trôi, thiệt hại*	*cái*				
		GT05	**Các phương tiện giao thông khác bị thiệt hại**					
		GT051	*Phà, canô, tầu vận tải thủy bị chìm*	*cái*				
		GT052	*Phà, canô, tầu vận tải thủy bị thiệt hại*	*cái*				
		GT053	*Ô tô, xe máy thiệt hại*	*cái*				
		GT054	*Xuồng ghe, tàu thuyền khác bị thiệt hại*	*cái*				
		GT06	**Điểm đường giao thông bị ngập gây ách tắc giao thông**	*điểm*				
		GT07	**Bến cảng bị thiệt hại**	*triệu*				

				đồng				
		GT08	**Sân bay bị hư hại**	*triệu đồng*				
9	**THUỶ SẢN**	**TS01**	**Diện tích nuôi trồng thuỷ, hải sản bị thiệt hại**	*ha*				
		TS02	**Số lượng tôm, cá thịt bị mất**	*tấn*				
		TS03	**Tôm, cá giống bị mất**					
		TS031	*Giống tôm*	*vạn con*				
		TS032	*Giống cá*	*vạn con*				
		TS033	*Các loại giống khác*	*con*				
		TS04	**Các loại thuỷ, hải sản khác bị mất**	*tấn*				
		TS05	**Lồng, bè, ao hầm, đăng quân nuôi tôm, cá bị thiệt hại**	*cái*				
		TS06	**Phương tiện khai thác thuỷ, hải sản bị thiệt hại**					
		TS061	*Tầu thuyền bị chìm, mất*	*cái*				
		TS062	*Tầu thuyền bị thiệt hại*	*cái*				
		TS063	*Chài, lưới bị thiệt hại*	*tấn*				
		TS064	*Thuyền nhỏ, thúng chai (<15 CV) bị thiệt hại*	*cái*				
10	**THÔNG TIN LIEN LẠC**	**TT01**	**Trạm thông tin bị thiệt hại**	*cái*				
		TT02	**Thiết bị tài sản bị hư hại**	*triệu đồng*				
		TT03	**Cột thông tin bị đổ**					
		TT031	*Cột tạm*	*cột*				
		TT032	*Cột kiên cố*	*cột*				
		TT03	**Dây thông tin bị đứt**	*m*				
		TT04	**Các công trình khác bị thiệt hại**	*triệu đồng*				

		TT05	**Tổng số máy điện thoại cố định bị hư hỏng**	*cái*				
11	**CÔNG NGHIỆP**	**CN01**	**Cột điện bị đổ gãy**					
		CN011	*Trung và cao thế*	*cái*				
		CN012	*Hạ thế*	*cái*				
		CN02	**Dây điện bị đứt**					
		CN021	*Trung và cao thế*	*m*				
		Cn022	*Hạ thế*	*m*				
		CN04	**Trạm biến thế bị thiệt hại**	*cái*				
		CN05	**Công trình thủy điện nhỏ bị thiệt hại**	*cái*				
		CN06	**Nhà máy, xí nghiệp bị thiệt hại**	*cái*				
		CN07	**Hầm mỏ bị thiệt hại**	*cái*				
		CN08	**Than bị trôi, mất**	*tấn*				
		CN10	**Máy móc và thiết bị bị thiệt hại**	*triệu đồng*				
		CN11	**Sản phẩm công nghiệp bị cuốn trôi**	*triệu đồng*				
		CN12	**Địa phương, nhà máy bị mất điện**					
		CN13	**Các công trình khác bị thiệt hại**	*triệu đồng*				
12	**XÂY DỰNG**	**XD01**	**Xi măng bị ướt**	*tấn*				
		XD02	**Klanh ke**	*tấn*				
		XD03	**Lò gạch, ngói bị sập đổ, cuốn trôi**	*cái*				
		XD04	**Lò gạch, ngói bị ngập nước, hư hỏng**	*cái*				
		XD05	**Gạch, ngói bị thiệt hại**	*viên*				
		XD06	**Các công trình đang xây dựng dở bị nước cuốn trôi, đổ sập**	*triệu đồng*				
		XD07	**Dụng cụ xây dựng bị hư hỏng**	*triệu đồng*				
		XD08	**Các vật liệu khác bị thiệt hại**	*triệu*				

				đồng				
13	**NƯỚC SẠCH & VỆ SINH MOI TRƯỜNG**	**MT01**	**Diện tích vùng dân cư bị ô nhiễm**	*ha*				
		MT02	**Số người thiếu nước sạch sử dụng**	*người*				
		MT03	**Số giếng bị hư hỏng**	*cái*				
		MT04	**Công trình cấp nước bị hư hỏng**	*cái*				
		MT05	**Công trình vệ sinh/ nhà tắm bị hư hỏng**	*cái*				

BẢNG ĐÁNH GIÁ NHU CẦU

NHU CẦU GIAI ĐOẠN KHẨN CẤP (TỪ 3 ĐẾN 10 NGÀY SAU THIÊN TAI)

TT	Mã	Nhu cầu	Đơn vị tính	Số người bị ảnh hưởng	Số người cần trợ giúp	Số lượng cần cứu trợ			Kích cỡ và thông số kỹ thuật	Mức độ ưu tiên(*)	Ghi chú
						Tổng số	Huy động tại chỗ	Yêu cầu hỗ trợ			
A	**KPT**	**Phương tiện**									
1	KPT01	Máy bay các loại									
2	KPT02	Phương tiện đường thuỷ									
2.1	*KPT021*	*Ca Nô các loại*									
2.2	*KPT022*	*Thuyền các loại*									
2.3	*KPT023*	*Tàu các loại*									
2.4	*KPT024*	*Xuồng cứu hộ*									
3	KPT03	Phương tiện đường bộ									
3.1	*KPT031*	*Xe chở khách*									
3.2	*KPT032*	*Xe tải*									
3.3	*KPT033*	*Công nông*									
3.4	*KPT034*	*Máy kéo*									
3.5	*KPT035*	*Xe cứu thương*									
3.6											
3.7											
4	KPT04	Thiết bị thông tin liên lạc									
4.1	*KPT041*	*Điện thoại vệ tinh*									

4.2	*KPT042*	*Máy bộ đàm*									
5	KPT05	Máy móc các loại									
5.1	*KPT051*	*Máy xúc*									
5.2	*KPT052*	*Máy ủi*									
5.3	*KPT053*	*Xe cẩu*									
6	KPT06	Vật tư, vật liệu									
6.1	*KPT061*	*Rọ thép*									
6.2	*KPT062*	*Bao tải*									
6.3	*KPT063*	*Đá hộc*									
7	KPT07	Nhiên liệu									
B	**LCH**	**Lực lượng cứu hộ**									
	LCH01	*Công an*									
	LCH02	*Bộ đội*									
	LCH03	*Lực lượng y tế*									
C	**TB**	**Trang thiết bị**									
1	TB01	Phao cứu sinh các loại									
1.1	*TB011*	*Áo phao*									
1.2	*TB012*	*Phao tròn*									
2	TB02	Dụng cụ sơ cấp cứu									
2.1	*TB021*	*Cáng*									
2.2	*TB022*	*Bộ dụng cụ sơ cứu*									
3	TB03	Cuốc									
4	TB04	Xẻng									
5	TB05	Dây thừng									
6	TB06	Đèn pin									

7	TB07	Cưa máy									
	TB08	Dao, dao phát									
	TB09	Dụng cụ vận chuyển đất đá									
D	**NY**	**Nhu yếu phẩm**									
1	NY01	Thuốc khử trùng nước									
2	NY02	Thuốc các loại (tự điền)									
2.1											
2.2											
2.3											
3	NY03	Thực phẩm ăn liền									
3.1	*NY031*	*Mỳ tôm*									
3.2	*NY032*	*Lương khô*									
3.3	*NY033*	*Bánh mỳ*									
3.4	*NY034*	*Đồ hộp các loại*									
4	NY04	Lều bạt									
5	NY05	Áo đi mưa									
6	NY06	Nhà vệ sinh lưu động									
7	NY07	Chăn									
8	NY08	Màn									
9	NY09	Quần áo									
	NY091	*Nam giới*									
	NY092	*Phụ nữ*									
	NY093	*Trẻ em*									
10	NY10	Dụng cụ chứa nước									

	NY101	*Dụng cụ lọc nước*									
11	NY11	Bộ đồ nấu ăn									
12	NY12	Xà phòng diệt khuẩn									
13	NY13	Đồ dùng vệ sinh phụ nữ									
14	NY14	Muối ăn									
15	NY15	Chất đốt, dầu thắp									
(*): 1 là cần phải có ngay trong vòng 24 tiếng											
2 là cần phải có từ 1 đến 3 ngày											
3 là cần phải có từ 3 đến 7 ngày											

BẢNG ĐÁNH GIÁ NHU CẦU

NHU CẦU KHẮC PHỤC HẬU QUẢ GIAI ĐOẠN SAU THIÊN TAI (TRONG VÒNG 3 THÁNG)

TT	Mã	Nhu cầu	Đơn vị tính	Số người bị ảnh hưởng	Số người cần trợ giúp	Số lượng cần cứu trợ			Kích cỡ và thông số kỹ thuật	Mức độ ưu tiên(*)
						Tổng số	Huy động tại chỗ	Yêu cầu hỗ trợ		
A	**CLT**	**Lương thực, thực phẩm**								
1		Gạo								
2		Đồ hộp các loại								
3		Đồ uống các loại								
4										
5										
B	**CTM**	**Tiền**								
1		Tiền mặt hỗ trợ								
2		Tiền đổi công								
3		Vốn vay ưu đãi hỗ trợ SX								
C	**CHH**	**Hàng hoá**								
1		Chăn								
2		Màn								
3		Chiếu								
4		Quần áo								
		Nam giới								
		Phụ nữ								

		Trẻ em								
5		Đồ dùng vệ sinh phụ nữ								
6		Bộ đồ nấu ăn								
7		Muối ăn								
8		Chất đốt, dầu thắp								
9		Sách vở học sinh								
10		Bàn ghế học sinh								
10		Đồ dùng học tập								
D	**CNO**	**Nơi ở**								
1		Bộ khung nhà								
2		Lều, bạt								
3		Tấm lợp								
4		Vật liệu xây dựng khác								
		Nhu cầu đất ở, tái định cư mới								
E	**CSK**	**Chăm sóc sức khoẻ**								
1		Thuốc chữa bệnh thông thường								
2		Vắc xin								
3		Bộ dụng cụ sơ cứu								
F	**CMT**	**Nước sạch và vệ sinh môi trường**								
1		Thuốc khử trùng nước								
2		Xà phòng diệt khuẩn								
3		Dụng cụ chứa nước								
4		Thuốc vệ sinh, phòng dịch								
5		Nhà vệ sinh								

G	CSK	Hỗ trợ sinh kế								
1		Thóc giống								
2		Ngô giống								
3		Hạt giống rau các loại								
4		Giống cây lương thực khác								
5		Lợn giống								
6		Giống gia cầm								
7		Cá giống								
8		Tôm giống								
9		Phân bón các loại								
10		Thuốc trừ sâu								
11		Công cụ sản xuất								
12		Sức kéo								
(*): 1 là cần phải có ngay trong vòng 10 đến 30 ngày										
2 là cần phải có từ 1 đến 2 tháng										
3 là cần phải có sau 2 tháng										

BẢNG ĐÁNH GIÁ NHU CẦU

NHU CẦU GIAI ĐOẠN TÁI THIẾT, PHỤC HỒI SAU THIÊN TAI

TT	Mã	Nhu cầu	Đơn vị tính	Số lượng	Kích cỡ	Thông số kỹ thuật	Số người được hưởng lợi	Thành tiền		
								Nội lực	Nhà nước	Nguồn khác
A	**TNH**	**NHÀ Ở**								
1		Cần làm mới								
2		Cần sửa chữa								
B	**TGD**	**GIÁO DỤC**								
1		Số phòng học cần xây dựng lại								
2		Số phòng học cần sửa chữa								
3		Bộ bàn ghế cần thay thế								
4		Thiết bị giáo dục								
C	**TYT**	**Y TẾ**								
1		Số phòng cần xây mới								
2		Số phòng cần sửa chữa								
3		Thuốc								
4		Thiết bị y tế								
D	**TCT**	**CÔNG TRÌNH KHÁC**								
1		Nhà văn hoá cần xây mới								
2		Nhà văn hoá cần sửa chữa								
3		Trụ sở cơ quan cần xây mới								

4		Trụ sở cơ quan cần sửa chữa								
5		Nhà kho cần xây, dựng mới								
6		Nhà kho cần sửa chữa								
E	**TNN**	**NÔNG LÂM NGHIỆP**								
1		Đồng muối cần cải tạo								
2		Đồng ruộng cần cải tạo								
3		Diện tích rừng cần trồng								
4		Rừng chắn cát ven biển cần trồng lại								
F	**TTL**	**THUỶ LỢI**								
1		Đê								
		Chiều dài đê								
		Khối lượng đất								
		Khối lượng bê tông								
2		Kè								
		Chiều dài kè								
		Khối lượng đất								
		Khối lượng bê tông								
3		Cống và các công trình phụ trợ								
4		Kênh mương								
		Chiều dài kênh mương								
		Khối lượng đất								
		Khối lượng bê tông								
5		Hồ đập								
G	**TGT**	**GIAO THÔNG**								

1		Đường giao thông								
		Chiều dài								
		Khối lượng đất								
		Khối lượng đá, bê tông								
2		Cầu								
3		Cống								
4		Cầu cảng								
5		Phương tiện giao thông								
H	**TTS**	**THUỶ SẢN**								
1		Diện tích NTTS								
2		Lồng cá								
3		Tàu, thuyền								
4		Dụng cụ đánh bắt								
I	**TTT**	**THÔNG TIN LIÊN LẠC**								
1		Trạm thông tin								
2		Cột thông tin								
3		Dây thông tin								
4		Thiết bị thông tin								
K	**TCN**	**CÔNG NGHIỆP**								
1		Cột điện								
		Trung và cao thế								
		Hạ thế								
2		Dây điện								
3		Trạm biến thế								
4		Công trình thuỷ điện								

		Đầu mối								
		Nhà trạm								
		Đường ống áp lực								
5		Máy móc, thiết bị								
6		Nhà xưởng								
L	**TMT**	**MÔI TRƯỜNG**								
1		Hệ thống cấp nước								
2		Hệ thống thoát nước								
3		Công trình vệ sinh								
4		Giếng								
5		Hệ thống nước tự chảy								
6		Bể, lu, téc nước								
7		Hệ thống xử lý rác thải								
M	**TKT**	**Kiến thức**								
		Chuyển giao KHKT về chuyển đổi cây trồng, mùa vụ								
		Kiến thức vệ sinh, môi trường								
		Kiến thức sơ cấp cứu								
		Kiến thức về dinh dưỡng								

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chiến lược quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 (tháng 11/2007);

- Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 (Ban chỉ đạo PCLB Trung ương, năm 2009);

- Các Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 của 13 tỉnh ĐBSCL (năm 2009);

- Các kế hoạch PCLB – TKCN của 13 tỉnh ĐBSCL từ năm 1996 đến 2009;

- Quy chế báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ và thông tư hướng dẫn thực hiện quy chế (Bộ Tài nguyên Môi trường, tháng 10 năm 2006);

- Chiến lược dài hạn và Chương trình hành động quản lý và Giảm nhẹ thiên tai vùng ĐBSCL đến năm 2020 (Bộ NN – PTNT và UNDP – tháng 9/2006);

- Quy hoạch Thuỷ lợi tổng hợp ĐBSCL đến 2010 và định hướng đến 2020 (Viện Quy hoạch thuỷ lợi miền Nam, năm 2004);

- Báo cáo cập nhật, kiểm kê nguồn tài nguyên tiểu vùng 10V – Chương trình phát triển lưu vực Mê Công Việt Nam (BDP) – (Viện Quy họach thủy lợi miền Nam – tháng 9/2009);

- Báo cáo Chương trình củng cố, nâng cấp đê biển hiện có và rà sóat quy họach để hòan thiện hệ thống đê biển các tỉnh từ Quảng Ngãi đến Kiên Giang;

- Báo cáo sạt lở bờ sông ở Đồng bằng sông Cửu Long và sông Hồng (Delft – tháng 3 – 2004);

- Báo cáo Hội thảo quốc gia về biến đổi khí hậu và phòng chống, giảm nhẹ thiên tai Việt Nam (Ban chỉ đạo PCLB TW, tháng 11/2007);

- Báo cáo đề xuất quy định lại cấp báo động lũ trên các sông thuộc khu vực Đông Nam bộ, Đồng bằng sông Cửu Long và Tây nguyên (Viện khoa học KTTV – Bộ Tài nguyên và MT, tháng 6/2008);

- Cảnh báo bão sớm cho ngư dân trên biển (Dự án UNDP VIE/97/002 – Tài liệu tập huấn cho giảng viên);

- Tài liệu tập huấn quản lý thiên tai cho các tỉnh ĐBSCL và TP. Hồ Chí Minh (Dự án UNDP/97/002 – Ban chỉ đạo PCLBTW- tháng 10/1998;

- Chiến lược và kế hoạch hành động giảm nhẹ thiên tai (bài 2); Đánh giá thiên tai (bài 4) – Tài liệu tập huấn quản lý thiên tai cho cấp tỉnh (Dự án UNDP VIE/97/002 – DMU, tháng 9/1999);

- Food preparedness Manual for Provincial and District Level Authorities in the lower Mekong Basin Countries (Component 4 of the Flood Management and Mitigation Program (FMMP - MRC);

- Sổ tay hướng dẫn phòng chống lụt, bão và giảm nhẹ thiên tai (Ban chỉ đạo PCLB Trung ương – Năm 2007);

- Sổ tay đánh giá thiệt hại (Ban chỉ đạo PCLB Trung ương – Năm 2007);

- Báo cáo kết quả nghiên cứu rà soát lồng ghép quản lý thiên tai vào lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội ở Việt nam(Đối tác giảm nhẹ thiên tai NDM-P, tháng 12/2007);

- Báo cáo khảo sát về cụm dân cư tại ba tỉnh An Giang, Đồng Tháp và Long An vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam (Care - tháng 5 -2003);

- Tài liệu Hội nghị phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn và ứng phó sự cố tràn dầu khu vực miền Nam năm 2007 (Ban chỉ đạo PCLBTW – UBQG TKCN và Bộ Thủy sản – tháng 8/2007);

- Báo cáo nghiên cứu vai trò, thể chế tổ chức và đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực Ban chỉ huy PCLB – TKCN cấp tỉnh và hai huyện: Tân Châu và Châu Thành – tỉnh A n Giang;

- Tài liệu phục vụ công tác diễn tập phòng chống lụt bão – Tìm kiếm cứu nạn năm 2009 (Ban chỉ đạo PCLB Trung ương – UBQG TKCN, tháng 7/2009);

- Sổ tay Quản lý rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng (ADPC năm 2004);

- Hiến chương nhân đạo và các tiêu chuẩn tối thiểu trong ứng phó thảm họa (Dự án Sphere – Oxfam Anh - năm 2004);

- Tài liệu hướng dẫn phân tích tình hình lập kế hoạch ứng phó và phòng ngừa thảm họa lấy trẻ em làm trọng tâm (Save the Children, nawm 2008);

- Đặc điểm thủy văn và nguồn nước sông Việt Nam (PGS.TS Trần Thanh Xuân - NXB Nông Nghiệp, Hà Nội 2007),…

- Xâm nhập mặn ở ĐBSCL (PGS.TS Lê Sâm, năm 2003);

- Lập kế hoạch quản lý thảm họa dựa vào cộng đồng (Oxfam Anh và Hội chữ thập đỏ Tiền Giang, tháng 5/2005);

- Giới thiệu về quản lý thảm họa tại cộng đồng (Hội chữ thập đỏ Việt Nam - Hà Nội 2002);

- Trang thông tin điện tử của Tổng cục thống kê ;
- Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Đê điều và PCLB: (http://www.ccfsc.org.vn);
- Trang thông tin điện tử của Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn Trung ương (http://www.nchmf.gov.vn);
- Trang thông tin điện tử của Ủy ban sông Mê kông (http://ffw.mrcmekong.org);
- Trang thông tin điện tử của Đối tác giảm nhẹ thiên tai (www.ccfsc.org.vn/ndm-p);
- Trang thông tin điện tử http://www.VNBAOLUT.COM) ;….

Hợp phần 4 - Chương trình Quản lý và Giảm nhẹ Lũ của Uỷ hội sông Mê Công

Đối tác dự án

Cục Quản lý Đê Điều và Phòng chống Lụt bão

Uỷ ban sông Mê Công Việt Nam

Uỷ hội sông Mê Công

Trung tâm Phòng chống Thiên tai Châu Á

<u>Địa chỉ liên lạc:</u>

Van phong ñai dien

Cuc Quan ly ñe ñieu va phong chong lut bao tai mien Nam

135 Pasteur, Quan 3, TP. Ho Chí Minh

Tel: 08 38 272 239

Fax: 08 38 272 241